

BỘ CÔNG THƯƠNG  
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

THỰC HIỆN QUY TẮC  
XUẤT XỨ TRONG CPTPP  
**CHẶNG ĐƯỜNG 3 NĂM TỪ NGÀY HIỆP ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC**

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

### **Chỉ đạo thực hiện**

ThS. Đỗ Thị Thu Hương

*Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu*

### **Biên soạn**

ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân

ThS. Phạm Thị Ngọc Minh

CN. Hoàng Đức Minh

CN. Hồng Hồng Ngọc

### **Hiệu đính**

Đỗ Thị Thu Hương

Cuốn sách này chỉ có tính chất tham khảo và không có giá trị pháp lý chính thức trong việc giải thích Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	9
<b>PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ BA NĂM THỰC HIỆN QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ CPTPP</b> .....	11
1. Tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước thành viên CPTPP.....	13
1.1. Tình hình xuất, nhập khẩu chung.....	13
1.2. Tình hình xuất, nhập khẩu đối với từng thị trường thành viên CPTPP giai đoạn 2019 - 2021.....	21
2. Tổng kết việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP tại Việt Nam.....	26
2.1. Kết quả công tác xây dựng pháp luật thực thi quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP.....	26
2.2. Tình hình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá C/O mẫu CPTPP.....	30
2.3. Tình hình xác minh xuất xứ hàng hoá theo Hiệp định CPTPP....	38
3. Đánh giá tình hình thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP....	46
3.1. Kết quả đạt được.....	46
3.2. Vướng mắc, khó khăn.....	49
<b>PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ CỦA CPTPP ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGÀNH HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC</b> .....	53
1. Dệt may.....	55
1.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng dệt may.....	55
1.2. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sử dụng C/O mẫu CPTPP...57	
1.3. Cơ cấu thị trường theo C/O mẫu CPTPP mặt hàng dệt may.....58	
1.4. Về cơ cấu hàng dệt may xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP.....59	
2. Da giày.....	59
2.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng da giày.....59	
2.2. Kim ngạch xuất khẩu hàng da giày sử dụng C/O mẫu CPTPP....61	
2.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu theo C/O mẫu CPTPP.....62	
3. Thủy sản.....	63
3.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng thủy sản.....63	
3.2. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sử dụng C/O mẫu CPTPP.....65	

3.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản sử dụng C/O mẫu CPTPP ...	65
<b>4. Nông sản .....</b>	<b>67</b>
4.1. Quy tắc xuất xứ đối với mặt hàng nông sản.....	67
4.2. Kim ngạch xuất khẩu nông sản sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	70
4.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu nông sản sử dụng C/O mẫu CPTPP ....	72
<b>5. Sắt thép và sản phẩm sắt thép .....</b>	<b>73</b>
5.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa của mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép .....	74
5.2. Kim ngạch xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	75
5.3. Về cơ cấu thị trường xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	76
<b>6. Điện thoại và linh kiện điện thoại .....</b>	<b>78</b>
6.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa của mặt hàng điện thoại và linh kiện điện thoại .....	78
6.2. Kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	79
6.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	80
<b>7. Gỗ và sản phẩm gỗ.....</b>	<b>80</b>
7.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ..	81
7.2. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sử dụng C/O mẫu CPTPP.....	81
7.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	82
<b>PHẦN III: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ HIỆP ĐỊNH CPTPP CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM .....</b>	<b>85</b>
<b>1. Giới thiệu về thu thập thông tin từ doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam .....</b>	<b>87</b>
1.1. Phân theo địa bàn thu thập thông tin, dữ liệu.....	88
1.2. Phân theo cơ cấu vốn của doanh nghiệp .....	89
1.3. Cơ cấu lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu.....	89
1.4. Cơ cấu phương thức kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu.....	90



<b>2. Thực tế thực hiện và đánh giá của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP</b> .....	91
2.1. Hiểu biết của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP .....	91
2.2. Đánh giá của doanh nghiệp về việc thực hiện và đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP .....	94
2.3. Thực tế hoạt động đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP của doanh nghiệp xuất khẩu.....	97
2.4. Thực tế việc chứng minh hàng hoá có xuất xứ và sử dụng chứng từ chứng nhận xuất xứ để được hưởng ưu đãi theo CPTPP.....	98
2.5. Ảnh hưởng của đại dịch COVID 19 đến hoạt động của doanh nghiệp và việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá CPTPP.....	102
2.6. Hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá CPTPP .....	105
2.7. Quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP và định hướng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trong tương lai của doanh nghiệp .....	107

## **PHẦN IV: MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ ĐỀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ HƠN QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ TẠI HIỆP ĐỊNH CPTPP ...**

<b>1. Khuyến nghị với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước</b> .....	113
1.1. Về công tác xây dựng chính sách, pháp luật và hoàn thiện hành lang pháp lý về xuất xứ hàng hoá .....	113
1.2. Về công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP.....	114
1.3. Về công tác hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập CPTPP thông qua việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá .....	117
<b>2. Khuyến nghị với cộng đồng doanh nghiệp</b> .....	119
2.1. Nâng cao năng lực, kiến thức về xuất xứ hàng hoá .....	119
2.2. Đa dạng hoá nguồn cung nguyên liệu trong chuỗi sản xuất.....	119
2.3. Xây dựng và duy trì hệ thống lưu trữ chứng từ tốt và hợp lý ....	120
2.4. Xây dựng và duy trì hệ thống phân tách nguyên liệu sản xuất tốt .....	120

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP theo mặt hàng, giai đoạn 2018 - 2021.....	14
Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP theo thị trường, giai đoạn 2018 - 2021.....	16
Bảng 3: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ các nước CPTPP theo mặt hàng, giai đoạn 2018 - 2021.....	18
Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam từ các nước CPTPP theo thị trường, giai đoạn 2018 - 2021 .....	20
Bảng 5: Xác minh xuất xứ C/O mẫu CPTPP cho hàng xuất khẩu giai đoạn 2019-2021 .....	39
Bảng 6. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	57
Bảng 7. Thị trường xuất khẩu của hàng dệt may Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP.....	58
Bảng 8. Kim ngạch xuất khẩu hàng da giày sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	61
Bảng 9. Thị trường xuất khẩu của hàng da giày Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP .....	62
Bảng 10. Kim ngạch XK mặt hàng thủy sản sử dụng C/O mẫu CPTPP.....	65
Bảng 11. Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP .....	66
Bảng 12. Trị giá cấp C/O mẫu CPTPP một số mặt hàng nông sản xuất khẩu sang các nước CPTPP.....	71
Bảng 13. Thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP .....	72
Bảng 14. Kim ngạch XK mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP.....	76
Bảng 15. Thị trường xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép của Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP.....	77
Bảng 16. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng điện thoại và linh kiện điện thoại sử dụng C/O mẫu CPTPP .....	80
Bảng 17. Kim ngạch XK mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP.....	82
Bảng 18. Thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP.....	83
Bảng 19. Số lượng phiếu theo địa bàn thu thập thông tin, dữ liệu.....	88
Bảng 20. Cơ cấu lĩnh vực kinh doanh các doanh nghiệp tham gia Thu thập thông tin, dữ liệu.....	90
Bảng 21. Phương thức kinh doanh các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu.....	91
Bảng 22. Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPPTP .....	92
Bảng 23. Hình thức tìm hiểu thông tin về quy tắc xuất xứ hàng hóa của CPTPP.....	94
Bảng 24. Đánh giá của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ Hiệp định CPTPP.....	95
Bảng 25. Khả năng đáp ứng về quy tắc xuất xứ hàng hóa CPTPP .....	96

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1:	Tăng trưởng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá Việt Nam - Các nước CPTPP giai đoạn 2019 - 2021 .....	13
Biểu đồ 2:	Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP năm 2018 và năm 2021 .....	17
Biểu đồ 3:	Tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ các nước CPTPP năm 2018 và năm 2021 .....	20
Biểu đồ 4:	Tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP năm 2019 đến năm 2021 .....	31
Biểu đồ 5:	Kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Úc và Newzealand từ năm 2019 đến năm 2021 .....	33
Biểu đồ 6:	Kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Nhật Bản từ năm 2019 đến năm 2021 .....	35
Biểu đồ 7:	Kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Canada và Mexico từ năm 2019 đến năm 2021 .....	36
Biểu đồ 8:	Lý do từng cản trở doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan CPTPP ...	50
Biểu đồ 9:	Cơ cấu các thành phần kinh tế tham gia Thu thập thông tin, dữ liệu ....	89
Biểu đồ 10:	Lĩnh vực kinh doanh các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu.....	90
Biểu đồ 11:	Phương thức kinh doanh các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu.....	91
Biểu đồ 12:	Cách thức xin cấp C/O mẫu CPTPP của doanh nghiệp.....	97
Biểu đồ 13:	Khả năng nắm rõ về nguồn nguyên liệu của doanh nghiệp.....	99
Biểu đồ 14:	Nguồn nguyên liệu được sử dụng chủ yếu của doanh nghiệp.....	99
Biểu đồ 15:	Tỷ trọng nguyên liệu nhập khẩu trong cơ cấu nguồn nguyên liệu .....	100
Biểu đồ 16:	Tỷ trọng nguyên liệu có xuất xứ Việt Nam trong cơ cấu nguồn nguyên liệu .....	101
Biểu đồ 17:	Thống kê doanh nghiệp trang bị hệ thống kiểm soát và phân loại nguyên liệu đầu vào.....	101





## LỜI MỞ ĐẦU

Là hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới có quy mô lớn nhất mà Việt Nam từng tham gia, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được xem là cột mốc có tính bước ngoặt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế theo chiều sâu của Việt Nam.

Với các cam kết bao trùm nhiều lĩnh vực và với mức độ tự do hóa mạnh hơn phần lớn các FTA đã có của Việt Nam, CPTPP được dự báo sẽ tạo ra những tác động tích cực cả về kinh tế và thể chế cho Việt Nam. Đồng thời, với những cam kết tiêu chuẩn cao so với thế giới trong nhiều khía cạnh, CPTPP đặt ra những thách thức đáng kể đối với Việt Nam trong quá trình thực thi Hiệp định.

Tính tới nay, CPTPP đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam được hơn 3 năm. Trong ba năm này, nhiều cam kết của CPTPP, trong đó có cam kết về quy tắc xuất xứ hàng hoá, đã được triển khai trên thực tế và đạt được những kết quả khả quan trong hoạt động xuất nhập khẩu thông qua việc tận dụng quy tắc xuất xứ hàng hoá. Quy tắc xuất xứ hàng hoá là một nội dung quan trọng trong việc thực thi CPTPP. Hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam cần phải đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hoá tại CPTPP để được hưởng ưu đãi thuế tại các thị trường CPTPP.

Mặc dù vậy, ở cấp độ vi mô, có rất ít thông tin thực tiễn về ảnh hưởng và tác động thực tế của quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP tới hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp và việc hưởng lợi từ CPTPP thông qua việc áp dụng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá. Các doanh nghiệp Việt Nam đang hiểu biết về quy tắc xuất xứ hàng hoá của Hiệp định như thế nào, đã tận dụng được cơ hội ra sao, có những thuận lợi và khó khăn nào khi áp dụng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá CPTPP... là những điều lâu nay mới chỉ được phỏng đoán hoặc nhận diện đơn lẻ. Cũng như vậy, chưa có những thông tin rõ ràng về cảm nhận và đánh giá của doanh nghiệp về CPTPP, về việc thực hiện quy tắc xuất



xứ hàng hoá trong thời gian qua cũng như dự định của họ đối với việc tận dụng Hiệp định trong giai đoạn tới, với bối cảnh hậu COVID-19 và thương mại toàn cầu biến động.

Với mục tiêu đưa ra bức tranh toàn cảnh về ba năm thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP từ cả góc độ doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời nhận diện được các thực tế về năng lực sản xuất, hoạt động xuất nhập khẩu, cảm nhận và mong muốn cụ thể của doanh nghiệp, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương biên soạn cuốn sách *“Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong CPTPP - Chặng đường 3 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực”*.

Xin trân trọng giới thiệu!



**PHẦN I**

**TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ  
BA NĂM THỰC HIỆN QUY TẮC  
XUẤT XỨ HÀNG HOÁ CPTPP**



# 1. Tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước thành viên CPTPP

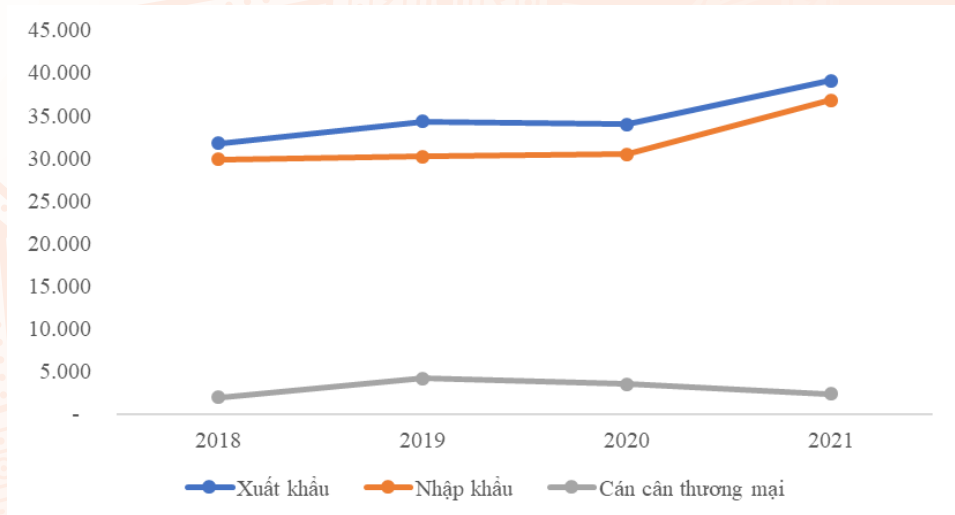
## 1.1. Tình hình xuất, nhập khẩu chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, thương mại song phương Việt Nam và 06 nước thành viên CPTPP<sup>1</sup> giai đoạn 2019 - 2021 đạt nhiều kết quả tích cực:

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2021 của Việt Nam với các nước thành viên CPTPP đạt 75,9 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 7,2%. Trong giai đoạn này, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh nhất vào năm 2021 (tăng 17,7% so với năm 2020), gần như không thay đổi vào năm 2020 (giảm nhẹ 0,1% so với năm 2019 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19) và tăng trưởng ở mức trung bình vào năm 2019 (tăng 4,8% so với năm 2018).

**Biểu đồ 1: Tăng trưởng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá Việt Nam - các nước CPTPP giai đoạn 2019 - 2021**

Đơn vị: triệu USD



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu xây dựng dựa trên số liệu của Tổng cục Hải quan

<sup>1</sup> 06 nước thành viên mà CPTPP chính thức có hiệu lực vào ngày 30/12/2018 bao gồm Singapore, Nhật Bản, Canada, Mexico, Úc và Newzealand

Về xuất khẩu, kim ngạch tăng trưởng tích cực ở hầu hết các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và ở tất cả các thị trường thành viên CPTPP:

Năm 2021 kim ngạch xuất khẩu sang các nước CPTPP đạt 39,1 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 7,2%. Các nhóm hàng tăng trưởng xuất khẩu mạnh nhất giai đoạn 2019 - 2021 bao gồm: Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (tăng lũy kế 86,7%); Chất dẻo nguyên liệu (tăng 53,9%); Nguyên phụ liệu dệt may, da giày (tăng 49,4%); Sản phẩm hoá chất (tăng 43,9%); Phân bón các loại (tăng 40,6%);...

**Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP theo mặt hàng, giai đoạn 2018 - 2021**

Đơn vị: triệu USD

STT	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng lũy kế
1	Hàng dệt, may	4,931.2	5,298.2	4,791.8	4,456.7	-3.3%
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	2,878.3	3,056.0	3,352.1	4,094.0	12.5%
3	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	3,015.8	3,170.3	3,583.4	3,813.6	8.1%
4	Phương tiện vận tải và phụ tùng	3,261.1	3,405.5	3,210.1	3,221.9	-0.4%
5	Điện thoại các loại và linh kiện	2,407.6	3,049.8	3,270.4	3,149.0	9.4%
6	Hàng thủy sản	2,066.3	2,127.2	2,096.4	2,049.7	-0.3%
7	Giày dép các loại	1,820.1	2,095.7	1,840.8	1,979.0	2.8%
8	Gỗ và sản phẩm gỗ	1,573.0	1,716.3	1,742.1	1,781.1	4.2%
9	Sản phẩm từ chất dẻo	822.7	876.8	829.7	846.1	0.9%
10	Dây điện và dây cáp điện	421.9	388.6	369.6	817.4	24.7%
11	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	119.8	128.7	74.3	779.8	86.7%



STT	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng lũy kế
12	Sản phẩm từ sắt thép	605.7	687.7	678.7	753.2	7.5%
13	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	412.9	453.2	493.5	589.6	12.6%
14	Kim loại thường khác và sản phẩm	321.9	334.7	309.2	553.6	19.8%
15	Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	412.2	461.3	528.6	526.2	8.5%
16	Sản phẩm hóa chất	158.8	212.1	226.4	472.7	43.9%
17	Hóa chất	401.7	397.4	325.2	464.6	5.0%
18	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	136.8	142.9	173.0	456.0	49.4%
19	Dầu thô	763.2	638.9	276.2	433.9	-17.2%
20	Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	529.5	567.7	486.0	384.0	-10.2%
21	Hàng rau quả	188.9	225.5	257.3	308.6	17.8%
22	Hạt điều	281.5	262.7	269.5	304.1	2.6%
23	Cà phê	319.2	231.4	232.2	278.5	-4.4%
24	Giấy và các sản phẩm từ giấy	154.6	157.1	155.8	274.5	21.1%
25	Sản phẩm từ cao su	147.7	150.5	168.2	259.0	20.6%
26	Sắt thép các loại	141.9	168.1	129.0	221.9	16.1%
27	Chất dẻo nguyên liệu	44.3	89.1	74.1	161.7	53.9%
28	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	86.3	95.9	97.8	136.6	16.6%
29	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	90.3	100.8	109.0	112.1	7.5%
30	Sản phẩm gốm, sứ	98.4	92.9	103.9	109.3	3.6%
31	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	78.1	78.1	79.5	94.4	6.5%
32	Xơ, sợi dệt các loại	77.6	85.5	71.7	91.9	5.8%

STT	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng lũy kế
33	Than đá	122.0	68.0	65.5	80.7	-12.8%
34	Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	57.2	58.0	39.7	64.6	4.1%
35	Cao su	32.3	33.5	25.8	44.8	11.5%
36	Hạt tiêu	40.6	24.1	26.7	38.7	-1.5%
37	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	33.0	38.9	28.9	24.8	-9.0%
38	Quặng và khoáng sản khác	21.2	23.4	22.2	16.5	-8.0%
39	Phân bón các loại	3.1	4.4	1.1	8.5	40.6%
40	Sắn và các sản phẩm từ sắn	5.1	1.9	1.4	0.3	-60.1%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Top 03 thị trường tăng trưởng xuất khẩu mạnh nhất giai đoạn 2019 - 2021 bao gồm: Mexico (tăng lũy kế 26,8%), Canada (tăng 20,5%) và New Zealand (tăng 11,7%). Đáng chú ý, năm 2018, kim ngạch xuất khẩu sang Canada đứng vị trí 3 (chiếm tỷ trọng xuất khẩu 9,5% sang các nước thành viên CPTPP) thì trong giai đoạn 2019 - 2021, xuất khẩu sang Canada đã vươn lên vị trí thứ 2, chỉ sau Nhật Bản.

**Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP theo thị trường, giai đoạn 2018 - 2021**

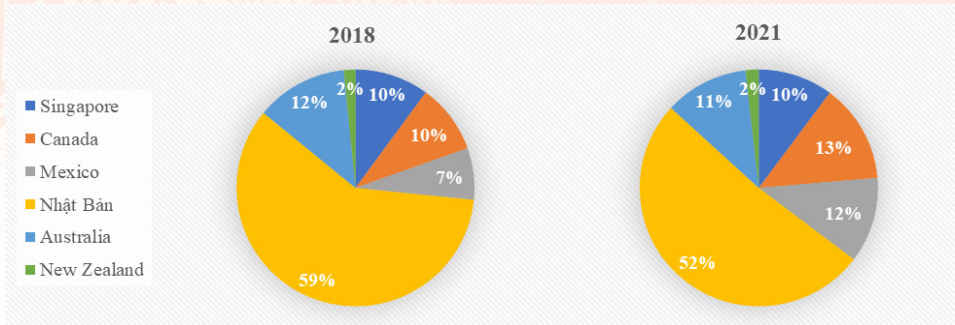
*Đơn vị: triệu USD*

STT	Thị trường	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng lũy kế
1	Singapore	3,196	3,206	3,023	3,971	7.5%
2	Canada	3,014	3,889	4,361	5,269	20.5%
3	Mexico	2,240	2,827	3,159	4,565	26.8%
4	Nhật Bản	18,834	20,334	19,284	20,129	2.2%

STT	Thị trường	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng lũy kế
5	Australia	3,966	3,527	3,621	4,455	3.9%
6	New Zealand	504	542	498	702	11.7%
	Tổng	31,753	34,325	33,946	39,090	7.2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Biểu đồ 2: Tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang các nước CPTPP năm 2018 và năm 2021**



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu xây dựng từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, kim ngạch tăng trưởng tích cực ở hầu hết các nhóm hàng nhập khẩu chính của Việt Nam và tăng trưởng mạnh ở các thị trường thành viên CPTPP tại Châu Đại Dương:

Kim ngạch nhập khẩu năm 2021 từ các nước thành viên CPTPP đạt 36,8 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 7,2%.

Các nhóm hàng tăng trưởng nhập khẩu mạnh nhất giai đoạn 2019 - 2021 bao gồm: Quặng và khoáng sản khác (tăng lũy kế 70,5%); Than đá (tăng 38,3%); Ô tô nguyên chiếc các loại (tăng 18,9%); Phế liệu sắt thép (tăng 17,3%); Hoá chất (tăng 15,1%);...

**Bảng 3: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ các nước CPTPP theo mặt hàng, giai đoạn 2018 - 2021**

Đơn vị: triệu USD

STT	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng lũy kế
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	4,755.3	5,085.0	6,393.2	7,139.0	14.5%
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	5,036.5	5,853.3	5,093.3	5,192.4	1.0%
3	Than đá	858.5	1,611.5	1,701.9	2,272.2	38.3%
4	Sắt thép các loại	1,618.7	1,533.2	1,450.0	1,743.4	2.5%
5	Quặng và khoáng sản khác	337.2	549.5	801.7	1,670.9	70.5%
6	Phế liệu sắt thép	895.6	794.4	1,104.1	1,445.8	17.3%
7	Kim loại thường khác	1,099.7	380.9	1,016.0	1,346.6	7.0%
8	Chất dẻo nguyên liệu	872.2	913.2	827.6	1,021.4	5.4%
9	Hóa chất	620.9	626.1	708.1	947.1	15.1%
10	Sản phẩm hóa chất	727.8	732.2	794.7	930.3	8.5%
11	Sản phẩm từ chất dẻo	894.1	861.0	822.5	844.8	-1.9%
12	Xăng dầu các loại	1,542.8	1,268.1	535.4	781.2	-20.3%
13	Linh kiện, phụ tùng ô tô	782.0	721.6	727.9	735.1	-2.0%
14	Vải các loại	759.9	823.2	645.9	638.0	-5.7%
15	Sản phẩm từ sắt thép	607.0	646.3	510.6	560.1	-2.6%
16	Sữa và sản phẩm sữa	484.1	485.7	456.7	524.7	2.7%
17	Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	314.1	353.0	368.3	402.6	8.6%
18	Sản phẩm khác từ dầu mỏ	302.0	291.1	248.3	349.0	4.9%
19	Giấy các loại	411.5	339.8	269.6	325.4	-7.5%
20	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	345.6	416.1	276.3	291.9	-5.5%



STT	Mặt hàng	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng lũy kế
21	Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	179.7	185.3	120.0	270.2	14.6%
22	Chế phẩm thực phẩm khác	175.9	250.9	260.6	262.7	14.3%
23	Hàng thủy sản	162.7	203.0	207.6	206.9	8.3%
24	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	255.9	157.8	161.6	186.5	-10.0%
25	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	140.5	166.0	202.6	172.4	7.0%
26	Dây điện và dây cáp điện	151.9	143.5	139.5	166.8	3.2%
27	Điện thoại các loại và linh kiện	356.3	254.9	261.9	162.7	-23.0%
28	Sản phẩm từ cao su	158.6	152.3	142.3	161.8	0.7%
29	Cao su	140.0	160.0	147.4	157.5	4.0%
30	Ô tô nguyên chiếc các loại	92.5	168.4	112.7	155.6	18.9%
31	Phân bón các loại	91.6	56.1	82.3	129.8	12.3%
32	Dược phẩm	136.0	130.9	139.2	129.7	-1.6%
33	Gỗ và sản phẩm gỗ	105.0	122.0	115.1	124.0	5.7%
34	Sản phẩm từ kim loại thường khác	100.0	112.4	93.8	108.7	2.8%
35	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	85.5	87.0	79.8	105.1	7.1%
36	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	67.0	72.7	73.6	92.6	11.4%
37	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	67.0	98.0	65.8	91.0	10.8%
38	Sản phẩm từ giấy	54.1	60.8	58.4	56.7	1.6%
39	Xơ, sợi dệt các loại	80.0	68.1	57.5	54.3	-12.1%
40	Hàng điện gia dụng và linh kiện	15.9	18.3	14.2	19.5	6.9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan



Top 03 thị trường tăng trưởng nhập khẩu mạnh nhất giai đoạn 2019 - 2021 bao gồm: Australia (tăng lũy kế 28,4%); New Zealand (tăng 6,1%) và Nhật Bản (tăng 6%). Đáng chú ý, năm 2018, kim ngạch nhập khẩu từ Australia chỉ chiếm 12,6% thì năm 2021, tỷ trọng này lên tới 21,6%.

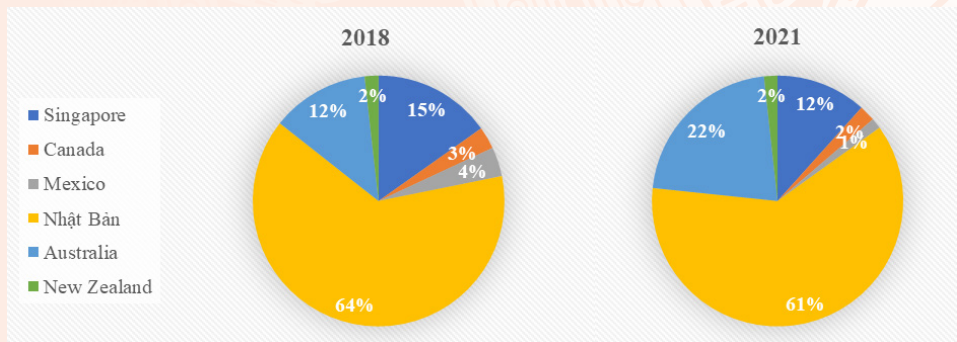
**Bảng 4: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam từ các nước CPTPP theo thị trường, giai đoạn 2018 - 2021**

Đơn vị: triệu USD

STT	Thị trường	2018	2019	2020	2021	Tăng trưởng lũy kế
1	Singapore	4,527	4,142	3,670	4,280	-1.9%
2	Canada	857	854	726	761	-3.9%
3	Mexico	1,125	642	523	500	-23.7%
4	Nhật Bản	19,041	19,540	20,341	22,649	6.0%
5	Australia	3,751	4,456	4,677	7,946	28.4%
6	New Zealand	532	553	558	636	6.1%
	Tổng	29,832	30,187	30,495	36,771	7.2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Biểu đồ 3: Tỷ trọng nhập khẩu của Việt Nam từ các nước CPTPP năm 2018 và năm 2021**



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu xây dựng từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất siêu của Việt Nam sang các nước CPTPP năm 2021 có giá trị 2,3 tỷ USD, tăng lũy kế 6,5% giai đoạn 2019 - 2021.

## ***1.2. Tình hình xuất, nhập khẩu đối với từng thị trường thành viên CPTPP giai đoạn 2019 - 2021***

### ***1.2.1. Singapore***

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Singapore năm 2021 đạt 8,3 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 2,2%, xếp thứ 3/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 10,9% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu với CPTPP.

Kim ngạch xuất khẩu sang Singapore năm 2021 đạt khoảng 4,0 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 7,5%, xếp thứ 5/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất khẩu, tương đương 10,2% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP. Các nhóm hàng xuất khẩu chính bao gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 924 triệu USD năm 2021, tăng lũy kế 19%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (đạt 646 triệu USD, tăng 18%); Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (đạt 503 triệu USD, tăng 17,2%); Dầu thô (đạt 273 triệu USD, tăng 33,1%); Xăng dầu các loại (đạt 238 triệu USD, tăng 56,2%);...

Kim ngạch nhập khẩu từ Singapore năm 2021 đạt khoảng 4,3 tỷ USD, lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 giảm nhẹ 1,9%, xếp thứ 3/6 nước thành viên CPTPP về quy mô nhập khẩu, tương đương 11,6% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ CPTPP. Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Xăng dầu các loại (đạt 781 triệu USD năm 2021, giảm lũy kế 20,1%); Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 623 triệu USD, tăng lũy kế 6,7%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 444 triệu USD, tăng 6%); Chất dẻo nguyên liệu (đạt 281 triệu USD, tăng 3,7%); Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (đạt 345 triệu USD, tăng 7,4%);...

Nhập siêu của Việt Nam từ Singapore năm 2021 có giá trị 309 triệu USD, giảm lũy kế 38,5% giai đoạn 2019 - 2021.

### *1.2.2. Nhật Bản*

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Nhật Bản năm 2021 đạt 42,8 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 4,1%, đứng đầu nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 56,4% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu với CPTPP.

Kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản năm 2021 đạt khoảng 20,1 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 2,2%, đứng đầu các nước thành viên CPTPP về quy mô xuất khẩu, tương đương 51,5% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP. Các nhóm hàng xuất khẩu chính bao gồm: Hàng dệt, may (đạt 3,2 tỷ USD năm 2021, giảm lũy kế 5,3%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (đạt 2,6 tỷ USD, tăng lũy kế 11,8%); Phương tiện vận tải và phụ tùng (đạt 2,5 tỷ USD, giảm nhẹ 0,2%); Gỗ và sản phẩm gỗ (đạt 1,4 tỷ USD, tăng 7,8%); Hàng thủy sản (đạt 1,3 tỷ USD, giảm nhẹ 1,3%);...

Kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản năm 2021 đạt khoảng 22,6 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 6%, đứng đầu nước thành viên CPTPP về quy mô nhập khẩu, tương đương 61,6% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ CPTPP. Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 6,2 tỷ USD năm 2021, tăng lũy kế 15,3%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 4,4 tỷ USD, tăng 0,1%); Sắt thép các loại (đạt 1,7 tỷ USD, tăng 2,8%); Phế liệu sắt thép (đạt 1,1 tỷ USD, tăng 23,1%); Sản phẩm từ chất dẻo (đạt 823 triệu USD, giảm nhẹ 1,7%);...

Nhập siêu của Việt Nam từ Nhật Bản năm 2021 có giá trị 2,5 tỷ USD, tăng lũy kế 130% giai đoạn 2019 - 2021.

### *1.2.3. Canada*

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Canada năm 2021 đạt 6 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 15,9%, xếp thứ 4/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 7,9% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu với CPTPP.

Kim ngạch xuất khẩu sang Canada năm 2021 đạt khoảng 5,3 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 20,5%,



xếp thứ 2/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất khẩu, tương đương 13,5% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP. Các nhóm hàng xuất khẩu chính bao gồm: Hàng dệt, may (đạt 934 triệu USD năm 2021, tăng lũy kế 12%); Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 821 triệu USD, tăng 38,2%); Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 408 triệu USD, tăng 21,7%); Giày dép các loại (đạt 368 triệu USD, tăng 3,7%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (đạt 344 triệu USD, tăng 51,4%);...

Kim ngạch nhập khẩu từ Canada năm 2021 đạt khoảng 761 triệu USD, lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 giảm 3,9%, xếp thứ 4/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 2,1% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ CPTPP. Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 153 triệu USD, tăng lũy kế 40,6%); Phân bón các loại (đạt 92 triệu USD, tăng 11,4%); Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 67 triệu USD, tăng 95,1%);...

Xuất siêu của Việt Nam sang Canada năm 2021 đạt 4,5 tỷ USD, tăng lũy kế 27,9% giai đoạn 2019 - 2021.

#### *1.2.4. Mexico*

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Mexico năm 2021 đạt 5,1 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 14,6%, xếp thứ 5/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 6,7% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu với các nước CPTPP.

Kim ngạch xuất khẩu sang Mexico năm 2021 đạt khoảng 4,6 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 26,8%, xếp thứ 3/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất khẩu, tương đương 11,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP. Các nhóm hàng xuất khẩu chính bao gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 1,3 tỷ USD năm 2021, tăng lũy kế 11%); Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 565 triệu USD, tăng 84,8%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (đạt 344 triệu USD, tăng 51,4%); Giày dép các loại (đạt 315 triệu USD, tăng 4,7%); Phương tiện vận tải và phụ tùng (đạt 209 triệu USD, tăng 34,9%);...

Kim ngạch nhập khẩu từ Mexico năm 2021 đạt khoảng 500 triệu USD, lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 giảm 23,7%, xếp cuối cùng trong các nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 1,4% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ CPTPP. Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (đạt 231 triệu USD năm 2021, tăng lũy kế 9,5%); Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 89 triệu USD, giảm lũy kế 6,8%);...

Xuất siêu của Việt Nam sang Mexico năm 2021 có giá trị 4,1 tỷ USD, tăng lũy kế 53,9% giai đoạn 2019 - 2021.

### *1.2.5. Australia*

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Australia năm 2021 đạt 12,4 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 17,1%, xếp thứ 2/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 16,3% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu với CPTPP.

Kim ngạch xuất khẩu sang Australia năm 2021 đạt khoảng 4,5 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 3,9%, xếp thứ 4/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất khẩu, tương đương 11,4% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP. Các nhóm hàng xuất khẩu chính bao gồm: Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (đạt 680 triệu USD năm 2021, tăng lũy kế 511,4%); Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 486 triệu USD, giảm lũy kế 12,9%); Giày dép các loại (đạt 354 triệu USD, tăng 11,6%); Dây điện và dây cáp điện (đạt 348 triệu USD, tăng 181,5%);...

Kim ngạch nhập khẩu từ Australia năm 2021 đạt khoảng 7,9 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 28,4%, xếp thứ 2/6 trong nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 21,6% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ CPTPP. Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Than đá (đạt 2,1 tỷ USD năm 2021, tăng trưởng lũy kế 35,6%); Quặng và khoáng sản khác (đạt 1,7 tỷ USD, tăng 70,9%); Lúa mì (đạt 940 triệu USD, tăng 52,3%); Kim loại



thường khác (đạt 770 triệu USD, tăng 11,7%); Bông các loại (đạt 604 triệu USD, tăng 19,4%);...

Nhập siêu của Việt Nam từ Australia năm 2021 đạt 3,5 tỷ USD, cán cân thương mại đảo chiều so với năm 2018 (xuất siêu 216 triệu USD).

#### *1.2.6. Newzealand*

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với New Zealand năm 2021 đạt 1,3 tỷ USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 8,9%, xếp cuối cùng trong nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 1,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu với CPTPP.

Kim ngạch xuất khẩu sang New Zealand năm 2021 đạt khoảng 702 triệu USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 11,7%, xếp cuối cùng trong các nước thành viên CPTPP về quy mô xuất khẩu, tương đương 1,8% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang CPTPP. Các nhóm hàng xuất khẩu chính bao gồm: Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (đạt 680 triệu USD năm 2021, tăng lũy kế 511,4%); Điện thoại các loại và linh kiện (đạt 486 triệu USD, giảm lũy kế 12,9%); Giày dép các loại (đạt 354 triệu USD, tăng 11,6%); Dây điện và dây cáp điện (đạt 348 triệu USD, tăng 181,5%);...

Kim ngạch nhập khẩu từ New Zealand năm 2021 đạt khoảng 636 triệu USD, tăng trưởng lũy kế hàng năm giai đoạn 2019 - 2021 đạt 6,1%, xếp thứ 5/6 nước thành viên CPTPP về quy mô xuất nhập khẩu, tương đương 1,7% kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ CPTPP. Các nhóm hàng nhập khẩu chính bao gồm: Than đá (đạt 2,1 tỷ USD năm 2021, tăng trưởng lũy kế 35,6%); Quặng và khoáng sản khác (đạt 1,7 tỷ USD, tăng 70,9%); Lúa mì (đạt 940 triệu USD, tăng 52,3%); Kim loại thường khác (đạt 770 triệu USD, tăng 11,7%); Bông các loại (đạt 604 triệu USD, tăng 19,4%);...

Xuất siêu của Việt Nam sang New Zealand năm 2021 đạt 66 triệu USD, cán cân thương mại đảo chiều so với năm 2018 (nhập siêu 28 triệu USD).

## 2. Tổng kết việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP tại Việt Nam

### 2.1. Kết quả công tác xây dựng pháp luật thực thi quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP

Về kết quả công tác xây dựng pháp luật thực thi quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP, ngoài những văn bản quy định chung về xuất xứ hàng hoá, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính đã kịp thời ban hành các thông tư hướng dẫn cụ thể về quy tắc xuất xứ hàng hoá đối với hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá nhập khẩu trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP. Những kết quả về công tác xây dựng pháp luật đạt được như sau:

*a) Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương*

Với tinh thần khẩn trương xây dựng văn bản nội luật hóa nhằm thực hiện các cam kết tại CPTPP, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định CPTPP, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 03 năm 2019. Thông tư gồm 5 chương, 33 điều và 9 phụ lục.

So với các FTA Việt Nam đã ký kết và tham gia, quy tắc xuất xứ hàng hóa CPTPP có một số điểm mới sau:

- Quy tắc xuất xứ bộ hàng hóa: bộ hàng hóa được coi là có xuất xứ nếu mỗi hàng hóa trong bộ hàng hóa được coi là có xuất xứ và cả bộ hàng hóa và các hàng hóa đáp ứng các quy định về xuất xứ. Tỷ lệ linh hoạt De-minimis về trị giá của tất cả hàng hóa không có xuất xứ trong bộ hàng hóa không vượt quá 10% trị giá của bộ hàng hóa đó.

- Quy tắc xuất xứ đối với hàng tân trang, tái chế tạo.

- Công thức tính RVC: Ngoài công thức tính RVC gián tiếp và RVC trực tiếp, có thêm công thức tính RVC theo giá trị tập trung và công thức tính RVC theo chi phí tịnh (chỉ áp dụng với ô tô và phụ tùng ô tô).

- Danh mục PSR được quy định chi tiết theo công đoạn sản xuất cụ thể. Do đặc thù cấu trúc danh mục PSR thuộc CPTPP, thông tư gồm

3 danh mục PSR: danh mục PSR đối với mặt hàng dệt may, danh mục PSR đối với xe và các bộ phận, phụ kiện và danh mục PSR đối với các mặt hàng còn lại.

- De-Minimis trong CPTPP quy định tỷ lệ “linh hoạt” cho phép nguyên liệu không có xuất xứ không đáp ứng quy tắc “Chuyển đổi mã số hàng hóa” ở mức tối đa 10% so với trị giá của hàng hóa. Riêng đối với hàng dệt may, tỷ lệ “linh hoạt” này ở mức tối đa 10% trọng lượng của hàng hóa hoặc 10% trọng lượng của loại sợi hoặc vải quyết định phân loại mã số hàng hóa.

Mẫu C/O mẫu CPTPP cấp cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam bao gồm các thông tin tối thiểu theo quy định tại CPTPP cũng được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

Quy trình chứng nhận và kiểm tra xuất xứ hàng hóa của Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 và các quy định khác có liên quan.

*b) Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BCT*

Để doanh nghiệp có thể tận dụng ưu đãi thuế quan khi CPTPP được thực thi, Bộ Công Thương đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ như: ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương và các văn bản hướng dẫn; thường xuyên phối hợp với các tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) CPTPP triển khai tập huấn, nâng cao năng lực nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp C/O và hướng dẫn kịp thời về xuất xứ hàng hóa cho doanh nghiệp dự kiến xuất khẩu đi thị trường các nước thành viên CPTPP.

Bộ Công Thương cũng theo dõi sát sao việc triển khai thực thi quy định về quy tắc xuất xứ, nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận và trả lời vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình triển khai Thông tư số 03/2019/TT-BCT nêu trên.

Trước phản ánh của doanh nghiệp về việc một số nước thành viên



CPTPP cho rằng C/O mẫu CPTPP của Việt Nam thiếu lời văn chứng nhận xuất xứ của nhà sản xuất, nhà xuất khẩu theo quy định tại mục 9, Phụ lục 3B của Hiệp định, Bộ Công Thương đã kịp thời có văn bản gửi các cơ quan, tổ chức cấp C/O đề nghị hướng dẫn thương nhân kê khai thêm nội dung này tại C/O mẫu CPTPP theo yêu cầu của nhà nhập khẩu. Song song với đó, Bộ Công Thương cũng tiến hành nghiên cứu, sửa đổi Thông tư số 03/2019/TT-BCT để bổ sung nội dung nêu trên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký ban hành Thông tư số 06/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BCT quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP. Trong đó, mẫu C/O mẫu CPTPP mới được ban hành kèm theo Thông tư này với sửa đổi, bổ sung tại các ô số 1, 2, 3, 5 và 11. Hướng dẫn kê khai C/O mẫu CPTPP cũng được sửa đổi tương ứng tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BCT.

Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công Thương có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2020. Các cơ quan, tổ chức cấp C/O triển khai cấp C/O mẫu CPTPP mới cùng ngày với ngày hiệu lực của Thông tư số 06/2020/TT-BCT.

Việc kịp thời ban hành mẫu C/O mới theo quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BCT, thay thế mẫu cũ tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT giúp tháo gỡ vướng mắc của một số doanh nghiệp khi xuất khẩu sang một số thị trường CPTPP, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong tận dụng cơ hội từ việc hưởng ưu đãi thuế quan theo cam kết tại Hiệp định này.

*c) Thông tư số 62/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.*

Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và cột “Mô tả” tại mục III Phụ lục II Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải nộp chứng từ chứng nhận

xuất xứ hàng hóa cho cơ quan hải quan ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BTC.

Thông tư còn bổ sung mới Điều 7a về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Theo đó, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP phải có đủ 9 thông tin tối thiểu và phải được cấp ở dạng văn bản giấy hoặc bản điện tử. Trường hợp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa không sử dụng tiếng Anh, người khai hải quan phải dịch ra tiếng Việt hoặc tiếng Anh và chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch.

Theo Thông tư số 62/2019/TT-BTC, trường hợp một nước thành viên CPTPP thông báo chỉ áp dụng chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc người xuất khẩu, người sản xuất được phê duyệt tự chứng nhận xuất xứ.

Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin thông báo của nước thành viên xuất khẩu, Tổng cục Hải quan sẽ thông báo cho cục hải quan các tỉnh, thành phố về việc áp dụng các hình thức chứng từ chứng nhận xuất xứ nêu trên, danh sách cơ quan có thẩm quyền cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa của nước thành viên xuất khẩu, danh sách người xuất khẩu, người sản xuất được phê duyệt và các thông tin liên quan khác (nếu có).

Mặt khác, cơ quan hải quan cũng chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong trường hợp hoá đơn thương mại được phát hành bởi một nước không phải là thành viên. Trong trường hợp này, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải phát hành tách biệt với hóa đơn thương mại đó...

Thông tư cũng nêu, đối với các tờ khai hải quan nhập khẩu, xuất khẩu đã đăng ký từ ngày 14/01/2019 đến trước ngày 21/10/2019 được áp dụng các quy định về xuất xứ, thuế suất theo CPTPP, Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP giai đoạn 2019 - 2022



và khoản 4 Điều 1 Thông tư này, trừ điều kiện phải khai số tham chiếu, ngày cấp hoặc khai chậm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên tờ khai hải quan nhập khẩu. Người khai hải quan có số tiền thuế nộp thừa gửi văn bản đề nghị cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để được xử lý theo quy định.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/10/2019.

Như vậy, về tổng thể, sau 3 năm thực thi CPTPP, từ góc độ bảo đảm sự tương thích của chính sách, pháp luật nội địa với cam kết về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP, Việt Nam đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đặt ra theo các cam kết đã có hiệu lực tới thời điểm này của Hiệp định. Việc rà soát và sửa đổi pháp luật theo CPTPP lần này có thể xem là đợt nội luật hóa các cam kết quốc tế lớn nhất mà Việt Nam thực hiện sau đợt gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007. Trong so sánh với quy trình rà soát, đánh giá tác động, soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật thông thường của Việt Nam, gần như tất cả các văn bản được ban hành lần này đều được xây dựng với tốc độ nhanh hơn, các bất cập, thiếu sót của các văn bản này, nếu có, cũng được điều chỉnh, sửa đổi rất nhanh. Điều này cho thấy nỗ lực đáng ghi nhận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.

## ***2.2. Tình hình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá C/O mẫu CPTPP***

### ***2.2.1. Tình hình chung***

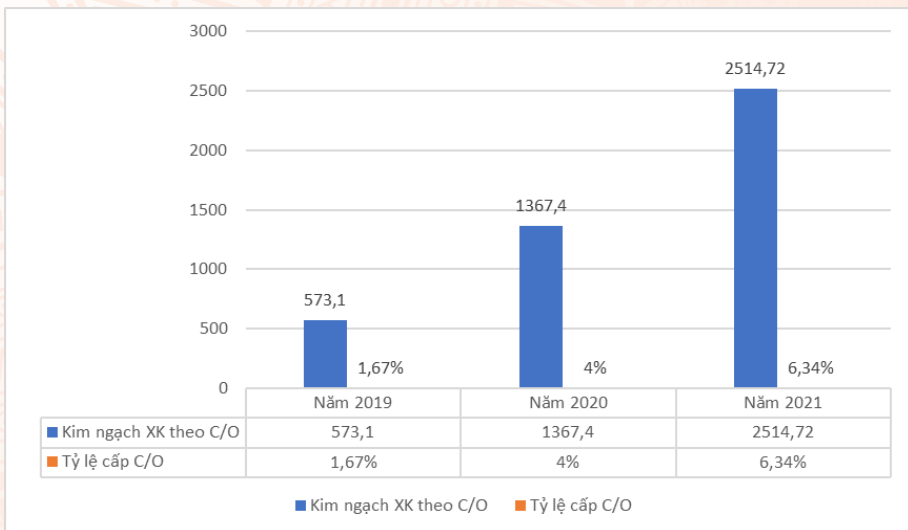
Năm 2019, khi CPTPP vừa đi vào thực thi với Việt Nam, tỷ lệ sử dụng C/O khá thấp, chỉ đạt dưới 2% do chủ yếu chỉ có hai thị trường mới có FTA với Việt Nam là Canada và Mexico sử dụng mẫu C/O này. Một số thị trường nhập khẩu lớn đã có FTA với Việt Nam như Nhật Bản, Úc, Newzealand ít sử dụng C/O mẫu CPTPP do quy tắc xuất xứ của CPTPP chặt hơn và mức cắt giảm thuế quan theo cam kết trong CPTPP không bằng các FTA đã có. Ngoài ra, Canada cho phép nhà sản xuất, người xuất khẩu hoặc người nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ, không cần cơ quan có thẩm quyền cấp C/O. Vì vậy, tỷ lệ sử dụng C/O CPTPP chưa phản ánh đúng tỷ lệ hàng hóa xuất khẩu sang Canada được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP.

Do Canada và Mexico là hai thị trường mới có FTA với Việt Nam nên tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP sang hai thị trường này cao nhất trong số các nước thành viên. Hàng hóa xuất khẩu sang Canada được cấp C/O mẫu CPTPP đạt 314 triệu USD, chiếm 8,03% trong tổng kim ngạch 3,91 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này. Tương tự với Mexico lần lượt là 205 triệu USD, chiếm 7,26% trong tổng số 2,83 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu sang Mexico.

Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP đạt 1,37 tỷ USD, bằng 4,02% tổng kim ngạch xuất khẩu sang 6 nước thành viên đã phê chuẩn Hiệp định. Tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu sang các thị trường này không cao là do hầu hết các nước đối tác đều đã có hiệp định thương mại tự do với Việt Nam với quy tắc xuất xứ lỏng hơn và mức thuế suất ưu đãi hơn so với CPTPP trong những năm đầu CPTPP có hiệu lực.

Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP đạt hơn 2,5 tỷ USD, chiếm 6,34% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường các nước thành viên CPTPP. Tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP tuy chưa cao nhưng đã có sự tăng trưởng hàng năm, từ 2% trong năm đầu tiên thực thi Hiệp định, đến năm thứ 3 thực thi, đã tăng lên hơn gấp 3 lần, đạt hơn 6%.

**Biểu đồ 4: Tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP năm 2019 đến năm 2021**



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương

### 2.2.2. Tình hình cấp C/O theo thị trường

#### a) Thị trường Úc và Newzealand

Những năm gần đây, tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi nói chung (C/O mẫu AANZ và C/O mẫu CPTPP) khi xuất khẩu sang hai thị trường Úc và Newzealand tương đối ổn định, ở mức trên 30%.

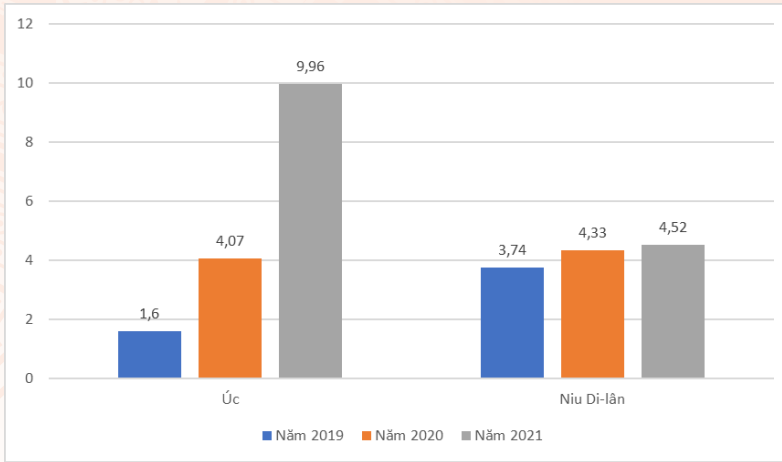
Trong năm đầu tiên thực thi CPTPP, kim ngạch xuất khẩu sang hai thị trường này sử dụng C/O mẫu CPTPP đạt 5,34 triệu USD. Đây là một con số khá khiêm tốn so với kim ngạch xuất khẩu sang hai thị trường này. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Úc và Newzealand năm 2019 đạt hơn 4.03 tỷ USD. Có thể thấy, tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu hàng hóa sang hai thị trường Úc và Newzealand, chỉ đạt lần lượt 0,05% và 0,69%. Nguyên nhân do quy tắc xuất xứ của CPTPP chặt hơn nhiều so với AANZFTA, trong khi CPTPP mới ở giai đoạn đầu nên cam kết cắt giảm thuế quan của Úc và Newzealand trong CPTPP không bằng AANZFTA.

Đến năm 2020, tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường Úc đạt 4,08 triệu USD, tăng 154% so với năm 2019, đạt 0,11% kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này; sang thị trường Newzealand đạt 4,32 triệu USD, tăng 15,5% so với năm 2019, đạt 0,87% kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này.

Năm 2021, tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường Úc đạt 9,96 triệu USD, tăng 144,11% so với năm 2020, đạt 0,22% kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này; sang thị trường Newzealand đạt 4,52 triệu USD, tăng 4,44% so với năm 2020, đạt 0,64% so với kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này.

Mặc dù hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Úc và Newzealand tận dụng ưu đãi chủ yếu từ Hiệp định AANZFTA, tuy nhiên, số liệu cho thấy tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP cũng tăng theo từng năm. Có thể thấy, doanh nghiệp ngày càng tận dụng tốt ưu đãi mà Hiệp định mang lại.

**Biểu đồ 5. Kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Úc và Newzealand từ năm 2019 đến năm 2021**



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Úc và Newzealand là:

- Thị trường Úc

Năm 2019, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu sang thị trường Úc bao gồm rau quả (đạt 0,18 triệu USD), túi xách, ví, va li, ô dù (đạt 0,19 triệu USD), gỗ và sản phẩm gỗ (đạt 0,19 triệu USD). Năm 2020, các mặt hàng xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP tăng trưởng cao, mặt hàng rau quả có tỷ lệ sử dụng C/O tăng 482%, đạt 1,06 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 83,7%, đạt 0,35 triệu USD, sắt thép và sản phẩm từ sắt thép tăng 2175%, đạt 0,83 triệu USD, giày dép tăng 1401%, đạt 0,25 triệu USD. Năm 2021, mặt hàng thủy sản tăng 280,51%, đạt 1,23 triệu USD, giày dép tăng 358%, đạt 1,16 triệu USD, sắt thép và sản phẩm từ sắt thép tăng 160%, đạt 2,15 triệu USD.

- Thị trường Newzealand

Năm 2019, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu sang thị trường Newzealand bao gồm Giày dép (đạt 3,69 triệu USD), sản phẩm gốm, sứ (đạt 0,01 triệu USD). Năm 2020,



các mặt hàng xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP có sự tăng trưởng về kim ngạch và đa dạng hơn về mặt hàng. Mặt hàng giày dép tăng 13,69%, đạt 4,2 triệu USD, sản phẩm gốm, sứ tăng 133%, đạt 0,02 triệu USD, rau quả đạt 0,05 triệu USD, hạt tiêu đạt 0,03 triệu USD. Năm 2021, mặt hàng giày dép giảm 7,39%, đạt 3,89 triệu USD, sản phẩm gốm, sứ giảm 48%, đạt 0,01 triệu USD, rau quả tăng 70,51%, đạt 0,09 triệu USD.

Đánh giá tình hình sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Úc và Newzealand từ năm 2019 đến năm 2021

Sự gia tăng trong kim ngạch xuất khẩu nói chung và gia tăng trong kim ngạch xuất của từng mặt hàng nói riêng sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu sang thị trường Úc và Newzealand từ năm 2019 đến năm 2021 là dấu hiệu tích cực của xuất khẩu Việt Nam. Mặc dù nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, xuất khẩu của Việt Nam sang hai thị trường này vẫn duy trì mức ổn định và có sự gia tăng chứng tỏ lợi ích to lớn mà CPTPP cũng như AANZFTA mang lại đang ngày càng được các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tận dụng một cách tối ưu và hiệu quả.

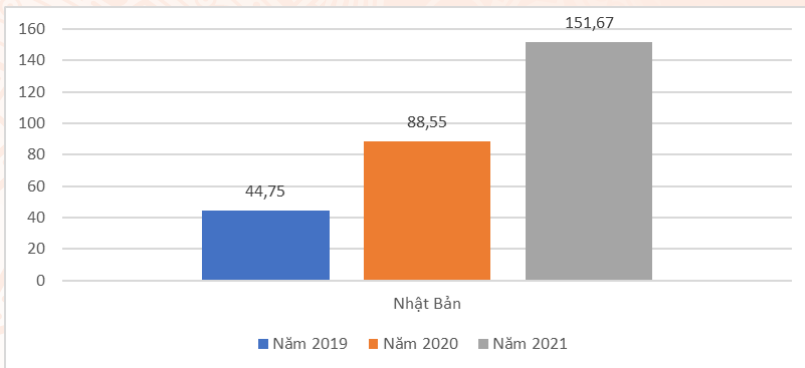
#### b) Thị trường Nhật Bản

So với AJCEP và VJEPA, Hiệp định CPTPP không phải là ưu tiên đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Nhật Bản đạt 44,75 triệu USD, chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng kim ngạch xuất khẩu 20,4 tỷ USD. Năm 2020, kim ngạch này đạt 88,55 triệu USD, tăng gấp 2 lần so với năm 2019, chiếm 0,46% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này. Năm 2021, kim ngạch này đạt 151,67, tăng gần gấp 2 lần so với năm 2020, chiếm 0,75% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này.

Tương tự thị trường Úc và Newzealand, kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Nhật Bản thấp hơn rất nhiều so với C/O mẫu AJ và C/O mẫu VJ (đạt trung bình 30 - 35% kim ngạch xuất khẩu), tuy nhiên, kim ngạch này qua mỗi năm đều có sự gia tăng đáng kể, tăng gấp 02 lần so với năm trước. Tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP thấp do hai nguyên nhân chính. Thứ nhất, CPTPP mới đi vào

thực hiện hơn 3 năm (từ năm 2019), trong khi đó AJCEP và VJEPA đã được thực hiện trong thời gian dài nên có mức cắt giảm thuế sâu hơn. Thứ hai, quy tắc xuất xứ hàng hóa trong AJCEP và VJEPA được xem là linh hoạt hơn so với quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP.

**Biểu đồ 6. Kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Nhật Bản từ năm 2019 đến năm 2021**



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương

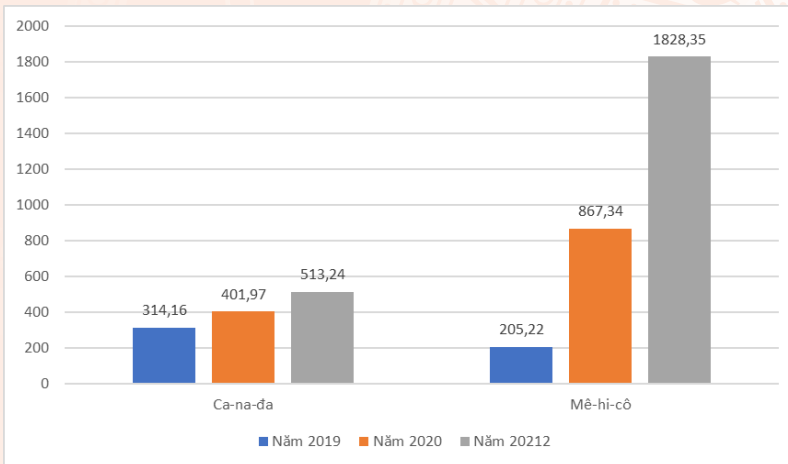
Năm 2019, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu sang thị trường Úc bao gồm thủy sản (đạt 24,9 triệu USD), rau quả (đạt 0,72 triệu USD), gỗ và sản phẩm gỗ (đạt 4,12 triệu USD), giày dép (đạt 9,69 triệu USD). Năm 2020, các mặt hàng xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP tăng trưởng cao, mặt hàng thủy sản có tỷ lệ sử dụng C/O tăng 66,5%, đạt 41,11 triệu USD, rau quả tăng 5%, đạt 0,75 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 106,9%, đạt 8,53 triệu USD, giày dép tăng 186,9%, đạt 27,8 triệu USD. Năm 2021, mặt hàng thủy sản giảm 29,7%, đạt 28,9 triệu USD, rau quả tăng 103%, đạt 1,54 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 53,5%, đạt 13,08 triệu USD, giày dép 190%, đạt 81,83 triệu USD.

#### c) Thị trường Canada và Mexico

Canada và Mexico là hai thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam trong Hiệp định CPTPP. Có thể nói, kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang hai thị trường này là lớn nhất trong các thị trường CPTPP. Năm 2019, hàng hóa xuất khẩu sang Canada được cấp C/O mẫu

CPTPP đạt 314 triệu USD, chiếm 8,03% tổng kim ngạch 3,91 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này. Tương tự với Mexico lần lượt là 205 triệu USD, chiếm 7,26% trong tổng số 2,82 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu sang Mexico. Năm 2020, kim ngạch cấp C/O ở mức khá cao, lần lượt là 867,3 triệu USD và 402 triệu USD, chiếm khoảng 27,45% và 9,2% tổng kim ngạch xuất khẩu sang hai thị trường này. Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang Canada đạt 513,24 triệu USD, chiếm 9,74% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này, sang Mexico 1,82 tỷ USD, chiếm 40,05% tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này.

**Biểu đồ 7. Kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP sang thị trường Canada và Mexico từ năm 2019 đến năm 2021**



Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sử dụng C/O mẫu CPTPP là:

- Thị trường Canada

Theo cam kết trong CPTPP, đến thời điểm 01/01/2021 Canada đã xóa bỏ thuế quan tới 96,3% tổng số dòng thuế cho các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Một số ít dòng còn lại (chiếm 3,7%) sẽ được xóa bỏ thuế quan muộn nhất đến năm 2029 hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan dòng thuế thuộc các nhóm thịt gà, trứng và các sản phẩm từ sữa. Như vậy, hầu hết các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt

Nam như điện thoại, dệt may, giày dép, đồ gỗ, sắt thép, nhựa, thủy sản, rau quả... hiện đã có thể tiếp cận thị trường Canada với mức thuế quan CPTPP bằng 0%.

Hàng hóa xuất khẩu tận dụng tốt ưu đãi từ Hiệp định CPTPP chủ yếu là các mặt hàng công nghiệp. Năm 2019, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu sang thị trường Canada bao gồm thủy sản (đạt 6,22 triệu USD), túi xách, ví, va li, ô dù (đạt 14,36 triệu USD), gỗ và sản phẩm gỗ (đạt 8,16 triệu USD), giày dép (đạt 233,87%). Năm 2020, các mặt hàng xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP tăng trưởng cao, mặt hàng túi xách, ví, va li, ô dù tăng 93,12%, đạt 27,73 triệu USD, giày dép tăng 9,71%, đạt 256,57 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 57%, đạt 12,87 triệu USD, hàng dệt may tăng 560%, đạt 28,94 triệu USD. Năm 2021, mặt hàng thủy sản tăng 79,6%, đạt 8,53 triệu USD, túi xách, ví, va li, ô dù tăng 14,6%, đạt 31,82 triệu USD, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 29,2%, đạt 31,82 triệu USD, giày dép tăng 19,25%, đạt 307 triệu USD, hàng dệt may giảm 3,49%, đạt 27,93 triệu USD.

Hiện ngoài CPTPP, Canada có 13 FTA khác đã có hiệu lực với 49 đối tác, nhưng chủ yếu tập trung ở khu vực châu Mỹ. Ngoài Malaysia, Brunei, Singapore, Việt Nam và Hàn Quốc, Canada chưa có FTA với đối tác châu Á nào khác. Do đó, trong ngắn hạn, hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này sẽ có lợi thế cạnh tranh so với nhiều đối thủ khác nhờ CPTPP

#### - Thị trường Mexico

Năm 2019, hàng xuất khẩu chủ yếu sử dụng C/O mẫu CPTPP khi xuất khẩu sang thị trường Mexico bao gồm mặt hàng xơ, sợi dệt các loại (đạt 11,25 triệu USD), giày dép (đạt 38,39 triệu USD), sắt thép và sản phẩm sắt thép (đạt 125,97 triệu USD), thủy sản (đạt 2,25 triệu USD). Năm 2020, các mặt hàng xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP có sự tăng trưởng về kim ngạch và đa dạng hơn về mặt hàng. Mặt hàng xơ, sợi dệt các loại tăng 63%, đạt 18,44 triệu USD, giày dép tăng 212%, đạt 119,9 triệu USD, sắt thép và sản phẩm sắt thép tăng 65%, đạt 208 triệu USD, thủy sản tăng 600%, 16 triệu USD. Đặc biệt, mặt hàng điện thoại và linh kiện năm đầu tiên tận dụng ưu đãi của Hiệp định CPTPP khi xuất khẩu



sang thị trường Mexico, đạt 380,5 triệu USD. Năm 2021, mặt hàng xơ, sợi dệt các loại tăng 63%, đạt 18,44 triệu USD, giày dép tăng 126%, đạt 273,5 triệu USD, sắt thép và sản phẩm sắt thép tăng 285%, đạt 805,9 triệu USD, thủy sản tăng 332%, đạt 69,13 triệu USD, điện thoại và linh kiện tăng 4,1%, đạt 450 triệu USD.

### ***2.3. Tình hình xác minh xuất xứ hàng hoá theo Hiệp định CPTPP***

#### ***2.3.1 Đối với hàng xuất khẩu***

Trong 3 năm đầu thực thi Hiệp định, số lượng yêu cầu xác minh của cơ quan hải quan nước nhập khẩu đối với hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam sang các thị trường CPTPP là không nhiều. Toàn bộ yêu cầu xác minh đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam đều từ Mexico, với những điểm đáng chú ý như sau:

Hình thức yêu cầu xác minh:

Không giống với các FTA mà Việt Nam đã ký kết và đang thực thi, yêu cầu xác minh của cơ quan có thẩm quyền Mexico thực hiện trong CPTPP được gửi trực tiếp tới doanh nghiệp xuất khẩu, người đã đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP. Sau khi nhận được yêu cầu xác minh của cơ quan có thẩm quyền của Mexico, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam trả lời và cung cấp thông tin trực tiếp cho cơ quan này. Bộ Công Thương (cơ quan đầu mối về quy tắc xuất xứ tại Việt Nam) và cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP (cơ quan, tổ chức đã cấp C/O mẫu CPTPP mà thuộc diện xác minh) chỉ nhận được thư thông báo của cơ quan có thẩm quyền của Mexico.

Trong 3 năm đầu thực thi CPTPP, chưa có nước thành viên nhập khẩu của CPTPP nào thực hiện xác minh tại cơ sở sản xuất đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam.

Số lượng C/O mẫu CPTPP yêu cầu xác minh:

Từ năm 2019 đến năm 2021, số lượng C/O mẫu CPTPP được cấp cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP nhận được yêu cầu xác minh của cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu (cụ thể là Mexico) là rất ít so với số lượng C/O xác minh của một số FTA khác

như C/O mẫu E, C/O mẫu D, C/O mẫu EUR.1 hay C/O mẫu AI. Cụ thể, trong năm 2019 và 2020, doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam không nhận được thư yêu cầu xác minh nào từ nước thành viên nhập khẩu CPTPP. Năm 2021, số lượng C/O mẫu CPTPP của Việt Nam nhận được yêu cầu xác minh từ Mexico là 21 C/O, đối với 02 doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Mặt hàng được yêu cầu xác minh là sản phẩm sắt thép và bút chì.

Năm 2019 và 2020 là những năm đầu tiên thực hiện Hiệp định, nên các nước thành viên nhập khẩu về cơ bản chưa yêu cầu xác minh. Từ năm 2021 trở đi, sau khi các nước này thực hiện các hoạt động hậu kiểm thì mới phát sinh yêu cầu xác minh C/O mẫu CPTPP của Việt Nam. Mặc dù các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam nhận được thư yêu cầu xác minh vào năm 2021, nhưng các lô hàng được yêu cầu xác minh có thể là những lô hàng đã xuất khẩu năm 2019.

**Bảng 5: Xác minh xuất xứ C/O mẫu CPTPP cho hàng xuất khẩu giai đoạn 2019-2021**

Tiêu chí	2019	2020	2021
Số lượng C/O mẫu CPTPP được cấp (bộ)	21.163	32.494	47.455
Kim ngạch xuất khẩu theo C/O mẫu CPTPP (tỷ USD)	0,57	1,37	2,51
Số lượng C/O được yêu cầu xác minh xuất xứ	0	0	21

*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương*

Câu hỏi tại thư yêu cầu xác minh:

Các câu hỏi của cơ quan có thẩm quyền Mexico chủ yếu tập trung vào việc yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam xác nhận và chứng minh về việc hàng hoá được kê khai trên C/O mẫu CPTPP là đáp ứng quy tắc xuất xứ theo Hiệp định CPTPP. Một số câu hỏi cụ thể như:

- Công ty có lưu trữ hồ sơ, chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu được cấp C/O mẫu CPTPP theo quy định tại Hiệp định CPTPP hay không?

- Mô tả hàng hoá và HS cấp 6 số của hàng hoá đang được yêu cầu

xác minh theo C/O mẫu CPPTP? Cung cấp hoá đơn thương mại hoặc chứng từ chứng minh việc thanh toán cho lô hàng này.

- Giải thích cụ thể vì sao lô hàng này lại được coi là có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP?

- Tiêu chí xuất xứ tại PSR áp dụng cho lô hàng này là gì?

- Cung cấp chứng từ về việc vận chuyển lô hàng đến nước nhập khẩu.

- Công ty có áp dụng xác định trước xuất xứ cho lô hàng hay không?

- Cung cấp quy trình sản xuất của hàng hoá, cung cấp chứng từ chứng minh xuất xứ và mua bán nguyên liệu tham gia vào quá trình sản xuất

- Nguyên liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất là có xuất xứ hay không có xuất xứ. Cung cấp chứng từ chứng minh nguyên liệu có xuất xứ

- Hàng hoá được yêu cầu xác minh có đáp ứng hoặc áp dụng các quy định khác về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP như Tỷ lệ De Minimis, nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế cho nhau, phương thức lưu trữ chứng từ, nguyên tắc cộng gộp xuất xứ....

Thời gian trả lời xác minh:

- Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu đưa ra quyết định đối với hàng hoá trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được thông tin từ đối tượng được yêu cầu xác minh (bao gồm cả thông tin được gửi bổ sung) và không muộn hơn 365 ngày sau ngày đầu tiên gửi yêu cầu xác minh. Trong một số trường hợp đặc biệt như thông tin, kỹ thuật có liên quan rất phức tạp, nước nhập khẩu có thể kéo dài thời hạn 365 ngày theo quy định pháp luật của nước đó.

- Trước khi đưa ra quyết định đối với hàng hoá, cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu phải thông báo cho đối tượng được yêu cầu xác minh kết quả xác minh xuất xứ.

- Trường hợp nước nhập khẩu từ chối cho hưởng ưu đãi đối với lô hàng được yêu cầu xác minh, nước nhập khẩu sẽ cho phép đối tượng được yêu cầu xác minh có ít nhất 30 ngày để bổ sung thông tin liên quan đến xuất xứ lô hàng, trước khi từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan.



Yêu cầu về lưu trữ chứng từ:

Cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP và thương nhân phải lưu trữ hồ sơ, chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong thời hạn ít nhất 5 năm kể từ ngày cấp dưới bất kỳ hình thức nào để truy xuất nhanh chóng, bao gồm điện tử, quang học, từ tính, hoặc bằng văn bản theo quy định của nước nhập khẩu để phục vụ công tác kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa.

Quy định về thời hạn lưu trữ chứng từ của CPTPP dài hơn so với các FTA khác mà Việt Nam tham gia (thông thường ít nhất 03 năm). Tuy nhiên, CPTPP lại linh hoạt cho phép được lưu trữ chứng từ dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảm bớt gánh nặng lưu trữ hồ sơ của doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức cấp.

### *2.3.2. Đối với hàng nhập khẩu*

Nước xuất xứ là một trong những thông tin bắt buộc phải khai báo trên tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Các trường hợp phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được hướng dẫn cụ thể tại nghị định hướng dẫn về xuất xứ và các văn bản có liên quan. Theo quy định hiện hành, các trường hợp phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ cho cơ quan hải quan bao gồm:

(i) Hàng hóa có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi thuế quan trong quan hệ thương mại với Việt Nam; hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước đáp ứng điều kiện xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi thuế quan trong quan hệ thương mại với Việt Nam, người khai hải quan muốn được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt thì phải nộp cho cơ quan hải quan một trong các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa sau đây theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

(ii) Hàng hóa thuộc diện phải tuân thủ các chế độ quản lý nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc theo điều ước quốc tế hai bên hoặc nhiều bên mà Việt Nam và nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ cùng là thành viên; hàng hóa đang được thông báo nghi ngờ nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ trong danh sách bị



cấm vận theo nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

(iii) Hàng hóa thuộc diện Việt Nam hoặc các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát;

(iv) Hàng hóa thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, các biện pháp tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan, biện pháp hạn chế số lượng, để xác định hàng hóa không thuộc diện áp dụng các thuế này, người khai hải quan nộp cho cơ quan hải quan chứng từ chứng nhận xuất xứ để chứng minh hàng hóa không thuộc diện bị áp dụng các biện pháp này.

Như vậy, để được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ CPTPP, doanh nghiệp cần nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ theo quy định của Hiệp định cho cơ quan hải quan. Ngoài ra, để được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Hàng hóa thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt hoặc Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định.
- Hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước thành viên của Hiệp định.

Trường hợp quá cảnh, chuyển tải qua một nước không thành viên trong quá trình vận chuyển thì phải đáp ứng điều kiện quá cảnh, chuyển tải theo quy định của CPTPP, cụ thể là không trải qua bất kỳ công đoạn sản xuất, gia công nào bên ngoài lãnh thổ các nước theo quy định trừ trường hợp bóc, dỡ hàng, chia tách lô hàng, lưu kho, dán nhãn hoặc đánh dấu theo yêu cầu của Việt Nam; hoặc các hoạt động cần thiết khác để bảo quản tốt hàng hóa hoặc để vận chuyển hàng hóa tới lãnh thổ của Việt Nam. Hàng hóa nằm dưới sự giám sát của cơ quan hải quan trong lãnh thổ của nước không phải thành viên của Hiệp định CPTPP.

Đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, theo quy định hiện hành, cơ quan hải quan chấp nhận chứng từ tự chứng nhận hàng hóa được phát hành bởi bất kỳ người xuất khẩu nào có trụ ở nước thành viên

CPTPP. Theo cam kết, Việt Nam có thời gian chuyển đổi 5 năm để áp dụng hình thức tự chứng nhận xuất xứ được phát hành bởi người xuất khẩu. Đối với hàng hóa xuất khẩu, hiện tại Việt Nam vẫn áp dụng hình thức C/O được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền. Theo đó, đối với hàng xuất khẩu Việt Nam, người xuất khẩu cần nộp hồ sơ xin cấp C/O với cơ quan có thẩm quyền.

### **Về thể thức chứng từ tự chứng nhận xuất xứ:**

CPTPP không có mẫu chứng từ tự chứng nhận xuất xứ trong Hiệp định mà chỉ quy định thông tin tối thiểu của chứng từ chứng nhận xuất xứ, bao gồm:

- Người xuất khẩu hoặc người sản xuất;
- Tên, địa chỉ (bao gồm quốc gia), số điện thoại và địa chỉ email của người chứng nhận;
- Tên, địa chỉ (bao gồm quốc gia), số điện thoại và địa chỉ email của người xuất khẩu nếu người xuất khẩu không phải người chứng nhận. Thông tin này không bắt buộc nếu người sản xuất cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và không biết thông tin người xuất khẩu. Địa chỉ của người xuất khẩu là nơi xuất khẩu hàng hóa thuộc nước thành viên Hiệp định CPTPP;
- Tên, địa chỉ (bao gồm quốc gia), số điện thoại và địa chỉ email của người sản xuất nếu người sản xuất không phải người chứng nhận hay người xuất khẩu hoặc nếu có nhiều hơn một người sản xuất thì ghi “Various” (“Nhiều người sản xuất”) hoặc cung cấp một danh sách người sản xuất. Nếu thông tin cần phải giữ bí mật có thể ghi “Available upon request by the importing authorities” (“Cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Bên nhập khẩu”);
- Tên, địa chỉ, địa chỉ email và số điện thoại của người nhập khẩu (nếu có thông tin về người nhập khẩu). Địa chỉ của người nhập khẩu phải thuộc nước thành viên Hiệp định CPTPP;
- Mô tả và mã số HS của hàng hóa;
- Ghi rõ mô tả hàng hóa và mã số HS ở cấp độ 6 chữ số của hàng hóa: Mô tả phải phù hợp với hàng hóa được chứng nhận xuất xứ.

Trường hợp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa sử dụng cho một lô hàng nhập khẩu thì phải nêu rõ số hóa đơn liên quan đến việc xuất khẩu (nếu biết);

- Tiêu chí xuất xứ: Nêu cụ thể tiêu chí xuất xứ mà hàng hóa đáp ứng;
- Thời hạn hiệu lực: Trong trường hợp sử dụng một chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho nhiều lô hàng giống hệt thì trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thể hiện thời gian áp dụng nhưng không quá 12 tháng;
- Ngày tháng năm và chữ ký được ủy quyền.
- Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp ở dạng văn bản giấy hoặc bản điện tử.

Cơ quan hải quan chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa để áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong trường hợp hoá đơn thương mại được phát hành bởi một nước không phải là thành viên. Trường hợp hóa đơn thương mại được phát hành bởi một nước không phải là thành viên, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải phát hành tách biệt với hóa đơn thương mại đó.

Thời điểm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu CPTPP là tại thời điểm làm thủ tục hải quan hoặc trong thời gian không quá 01 năm, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Người nhập khẩu được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong trường hợp trị giá hải quan của lô hàng nhập khẩu không vượt quá 1.000 đô la Mỹ.

Trường hợp lô hàng đáp ứng các quy định liên quan và nộp chứng từ hợp lệ, hàng hóa sẽ được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ CPTPP. Trong trường hợp cơ quan hải quan có căn cứ nghi ngờ tính hợp lệ của chứng từ tự chứng nhận xuất xứ, cơ quan hải quan sẽ tiến hành xác minh xuất xứ theo quy định, cụ thể:

Trường hợp nội dung thông tin trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa không phù hợp với nội dung khai của người nhập khẩu và các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, cơ quan hải quan đề nghị người nhập khẩu giải trình, chứng minh nội dung không phù hợp của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.



Xác minh xuất xứ đối với hàng nhập khẩu từ nước thành viên CPTPP:

Trường hợp nghi ngờ về tính hợp lệ của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì cơ quan hải quan gửi văn bản kèm các thông tin đề nghị xác minh xuất xứ hàng hóa đến cơ quan, tổ chức cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa của nước xuất khẩu hoặc người xuất khẩu, người sản xuất hoặc cơ quan hải quan của nước xuất khẩu để xác minh tính xác thực của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc tính chính xác của các thông tin liên quan đến xuất xứ hàng hóa, trong đó phải đảm bảo văn bản đề nghị cung cấp thông tin hoặc chứng từ được rà soát trong quá trình kiểm tra, xác minh thực tế giới hạn trong phạm vi thông tin và chứng từ nhằm mục đích kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa; Mô tả đầy đủ chi tiết thông tin hoặc chứng từ để nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất xác định thông tin và chứng từ cần thiết để phản hồi; cho phép nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất cung cấp thông tin ít nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; cho phép nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất đồng ý hoặc từ chối đề nghị kiểm tra, xác minh thực tế trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Cơ quan hải quan cần đưa ra quyết định sau khi kiểm tra, xác minh nhanh nhất có thể và chậm nhất 90 ngày sau khi nhận được thông tin cần thiết, bao gồm bất kỳ thông tin nào nhận được theo quy định và chậm nhất 365 ngày, sau ngày đề nghị cung cấp thông tin lần đầu tiên hoặc đề nghị khác theo quy định. Trong một số trường hợp đặc biệt như thông tin, kỹ thuật có liên quan rất phức tạp, nước thành viên có thể kéo dài thời hạn 365 ngày theo quy định pháp luật của nước đó.

Đối với trường hợp tiến hành kiểm tra trực tiếp tại nước xuất khẩu, cơ quan hải quan phải thông báo cho nước thành viên nơi nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất có trụ sở và quy định của nước thành viên nhập khẩu. Cơ quan hải quan quyết định hình thức và thời gian thông báo cho nước thành viên nơi mà nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất có trụ sở về việc thực hiện kiểm tra, xác minh. Nước thành viên nơi nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất có trụ sở có thể hỗ trợ quá trình kiểm tra, xác minh theo đề nghị



của cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu. Việc hỗ trợ này có thể bao gồm việc cung cấp đầu mối liên lạc cho việc kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin từ nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất, cho nước thành viên nhập khẩu hoặc các hoạt động khác để nước thành viên nhập khẩu có thể đưa ra quyết định về xuất xứ của hàng hóa. Nước thành viên nhập khẩu không từ chối yêu cầu được hưởng ưu đãi thuế quan chỉ với lý do nước thành viên nơi nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất có trụ sở không hỗ trợ việc kiểm tra, xác minh.

Trước khi ra quyết định bằng văn bản, cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu phải thông báo kết quả kiểm tra xác minh cho cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất đã trực tiếp cung cấp thông tin. Cơ quan hải quan sẽ cho phép cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất ít nhất 30 ngày để bổ sung thông tin liên quan đến xuất xứ hàng hóa trước khi từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan. Cơ quan hải quan nước nhập khẩu tiến hành xác minh phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của Nước thành viên xuất khẩu kết luận về xuất xứ hàng hóa; và thông báo cho nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất đã cung cấp thông tin kết luận về xuất xứ hàng hóa, trong đó nêu rõ cơ sở đưa ra kết luận.

Theo đó, điểm khác biệt trong cam kết của CPTPP trong hướng dẫn về thủ tục xác minh xuất xứ hàng hóa là cơ quan hải quan sẽ cho phép cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất ít nhất 30 ngày để bổ sung thông tin liên quan đến xuất xứ hàng hóa trước khi từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan. Trong thời gian này, các bên liên quan sẽ được để cung cấp và giải trình các yêu cầu mà cơ quan hải quan đề trước khi cơ quan hải quan đưa ra quyết định cuối cùng kết quả kiểm tra.

### **3. Đánh giá tình hình thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP**

#### **3.1. Kết quả đạt được**

*Mặc dù tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP còn thấp nhưng đã có sự gia tăng qua các năm.*

Tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP so với các mẫu C/O ưu đãi trong các hiệp định khác còn tương đối thấp (chỉ chiếm 5,5% so với tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường CPTPP). Nguyên nhân chính là do, ngoại trừ Canada và Mexico, các nước còn lại phê chuẩn và thực thi CPTPP đã có hiệp định thương mại tự do với Việt Nam, bao gồm: Nhật Bản, Úc, Newzealand và Singapore. Do vậy, hàng hóa xuất khẩu sang các nước này sẽ chủ yếu sử dụng các mẫu C/O ưu đãi của các hiệp định này thay vì sử dụng C/O mẫu CPTPP. Trong tình huống đã có nhiều lựa chọn là các FTA khác, quy tắc xuất xứ của CPTPP lại mới và phức tạp, ưu đãi thuế quan ít hấp dẫn do CPTPP mới ở năm đầu tiên của lộ trình, việc doanh nghiệp ít lựa chọn CPTPP cũng là điều dễ hiểu. Do vậy, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sử dụng C/O mẫu CPTPP chủ yếu là xuất khẩu sang hai thị trường Canada và Mexico. Đây là hai thị trường lần đầu tiên có Hiệp định thương mại tự do với Việt Nam.

Mặc dù tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP còn thấp, sự gia tăng mạnh của kim ngạch xuất khẩu sang Canada và Mexico trong những năm vừa qua là tín hiệu tích cực của việc thực thi CPTPP. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, sự gia tăng mạnh của kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP cho thấy CPTPP nói riêng, cũng như các FTA mà Việt Nam đã ký kết và đang thực hiện, là cứu cánh cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Sự gia tăng này là do các doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu quen và tận dụng được các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP khi xuất khẩu hàng hóa. Đồng thời, các doanh nghiệp đã bắt đầu tìm kiếm được đối tác mới, mở rộng thị trường để tận dụng được mức thuế quan ưu đãi của Canada và Mexico dành cho Việt Nam trong Hiệp định.

Do đó, mặc dù tỷ lệ tận dụng ưu đãi CPTPP chung còn rất thấp, trong bối cảnh quy tắc xuất xứ CPTPP đối với một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là rất chặt chẽ, và lộ trình cắt giảm thuế quan mới chỉ ở giai đoạn đầu tiên, việc đạt được tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan tương đối ở các thị trường mới cho thấy lợi ích từ Hiệp định này đối với thương mại hàng hóa trong CPTPP của Việt Nam cũng đã bắt đầu được hiện thực hóa.

### *Hỗ trợ kịp thời của các cơ quan quản lý nhà nước xử lý vướng mắc thực thi quy tắc xuất xứ của CPTPP*

Trong 3 năm đầu tiên thực hiện quy tắc xuất xứ của CPTPP, đặc biệt trong năm 2019 và 2020, doanh nghiệp xuất khẩu thường xuyên gặp các vướng mắc liên quan đến việc hiểu và giải thích quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định. Bộ Công Thương, với vai trò là cơ quan chủ trì về xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam nói chung và thực thi quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP nói riêng, đã phối hợp tích cực với các Bộ, ngành, cơ quan và các tổ chức liên quan để giải đáp thắc mắc và xử lý vướng mắc cho doanh nghiệp một cách sớm nhất. Qua đó, đảm bảo hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp được diễn ra một cách thuận lợi và mang lại lợi ích tốt nhất cho doanh nghiệp Việt Nam.

*Các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP được tổ chức thường xuyên, rộng rãi.*

Hoạt động cấp C/O không tách rời với việc đào tạo, tập huấn kiến thức về xuất xứ hàng hoá cho doanh nghiệp để các doanh nghiệp hiểu đúng, hiểu rõ về lợi ích của C/O cũng như thực hiện đúng, đủ các thủ tục, quy trình cấp C/O, qua đó rút ngắn thời gian, chi phí cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc tập huấn cũng hướng đến cảnh báo nguy cơ về gian lận xuất xứ hàng hoá, phòng tránh, ngăn chặn hành vi chuyển tải hàng hoá, gian lận thương mại trong lĩnh vực xuất xứ hàng hoá.

Trong 3 năm đầu thực thi CPTPP, các cơ quan quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hoá tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hoá mỗi khi Việt Nam trở thành thành viên một FTA mới. Việc tổ chức phổ biến, tuyên truyền cho doanh nghiệp cũng như các cơ quan, tổ chức cấp C/O đã được đẩy mạnh để trang bị cho doanh nghiệp kiến thức về xuất xứ hàng hoá nhưng chưa thể đáp ứng được nhu cầu. Các buổi tập huấn, tọa đàm được tổ chức dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến đối với từng khu vực Bắc - Trung - Nam, giải đáp vướng mắc giúp các đơn vị, cơ quan tổ chức cấp C/O như Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp Việt Nam, hiệp hội trong nước tiếp cận và áp dụng các FTA thế hệ mới một cách hiệu quả, góp phần thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam.



Việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc cập nhật, hướng dẫn thông tin cho doanh nghiệp về các văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hoá được thực hiện thuận tiện, kịp thời, được cộng đồng doanh nghiệp hoan nghênh và đánh giá cao.

Thông qua các hội thảo tuyên truyền và khóa tập huấn, hàng nghìn lượt doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và bộ liên quan được cập nhật thông tin, chia sẻ kiến thức cơ bản về quy tắc xuất xứ ưu đãi và không ưu đãi để vận dụng phù hợp vào quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa hiệu quả, từ đó nâng cao tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan trong các FTA Việt Nam là thành viên. Sau khi được hướng dẫn về nghiệp vụ và quy trình đề nghị cấp C/O cho hàng hóa xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp đã dần hiểu ý nghĩa của tác dụng của C/O, sử dụng C/O như một chứng từ quan trọng để hàng hóa xuất khẩu được hưởng ưu đãi tại thị trường nhập khẩu và có kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng quy định xuất xứ. Các đợt tập huấn theo hướng cầm tay chỉ việc đã giúp doanh nghiệp lựa chọn mẫu C/O phù hợp với hàng hóa của mình, thành thực khai báo C/O, nắm vững quy trình thủ tục đề nghị cấp C/O và tận dụng ưu đãi FTA thông qua xuất xứ hàng hoá.

### ***3.2. Vướng mắc, khó khăn***

*Tiêu chí xuất xứ tại CPTPP chặt hơn nhiều FTA khác.*

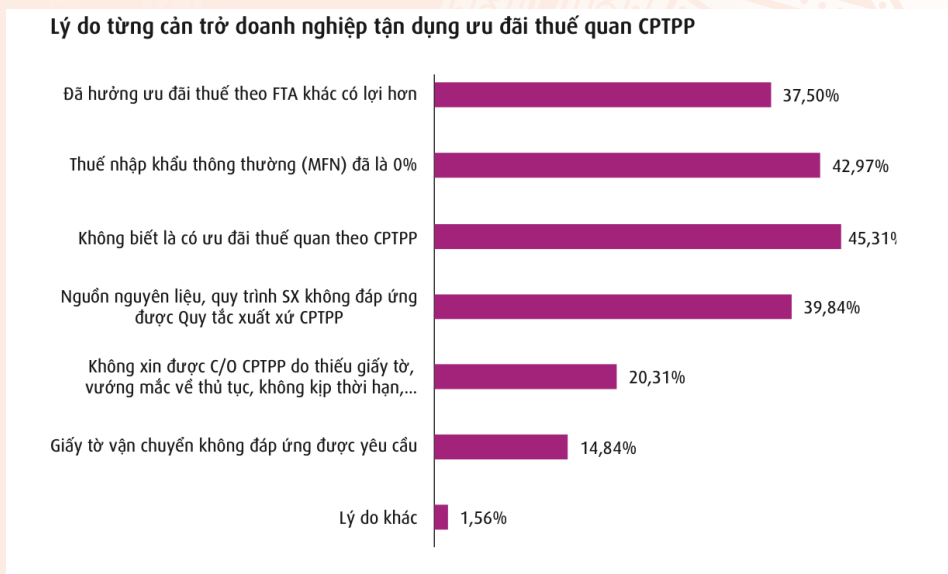
Bên cạnh việc sử dụng cách thức diễn đạt tiêu chí mới, bản thân tiêu chí xuất xứ tại CPTPP cũng được coi là kém linh hoạt hơn so với nhiều FTA khác. Ví dụ như mặt hàng dệt may, nếu như hầu hết các hiệp định ASEAN và ASEAN+ chỉ yêu cầu tiêu chí “một công đoạn” (cắt và may) và cho phép sử dụng vải không có xuất xứ để sản xuất sản phẩm dệt may, tiêu chí xuất xứ đối với mặt hàng này trong CPTPP lại là yêu cầu vải, thậm chí là sợi, phải có xuất xứ từ các nước thành viên CPTPP hoặc Việt Nam (dựa trên quy tắc “Từ sợi trở đi”). Hay như quy định về cách tính hàm lượng giá trị RVC, CPTPP còn quy định thêm hai công thức mới là Công thức tính chi phí tịnh (áp dụng riêng với mặt hàng ô tô) và công thức tính giá trị tập trung. Tại danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR), ngoài các tiêu chí xuất xứ phổ biến như đang thực hiện tại các FTA khác, CPTPP còn có thêm tiêu chí quy trình hoá học áp dụng đối với các sản phẩm hoá học và xăng dầu, hay quy định trực tiếp tại chú



giải chương của một số chương sản phẩm dệt may. Các quy định mới này cũng làm cho doanh nghiệp Việt Nam cũng như các cơ quan quản lý nhà nước phải có thời gian tìm hiểu và áp dụng trên thực tế để có kinh nghiệm thực hiện.

Theo một khảo sát được thực hiện bởi Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI), một trong những lý do từng cản trở doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan CPTPP là đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ Hiệp định này. Trong đó, 39,84% doanh nghiệp cho biết nguồn nguyên liệu, quy trình sản xuất không đáp ứng được quy tắc xuất xứ CPTPP; 20,31% doanh nghiệp cho biết không xin được C/O mẫu CPTPP do thiếu giấy tờ, vướng mắc về thủ tục cấp C/O.

### **Biểu đồ 8. Lý do từng cản trở doanh nghiệp tận dụng ưu đãi thuế quan CPTPP**



*Nguồn: Việt Nam sau 02 năm thực hiện Hiệp định CPTPP từ góc nhìn doanh nghiệp - VCCI*

*Cán bộ phụ trách xuất nhập khẩu còn thiếu kiến thức về xuất xứ hàng hoá*

Nhiều doanh nghiệp vẫn còn lúng túng và làm sai, thiếu hồ sơ khi nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP. Một trong những nguyên nhân là do doanh nghiệp chưa chú trọng vào việc đào tạo và tuyển dụng cán

bộ phụ trách xuất nhập khẩu có năng lực và kiến thức về lĩnh vực xuất xứ hàng hoá nói chung cũng như quy tắc xuất xứ tại Hiệp định CPTPP nói riêng. Hơn nữa, những doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ thường không có bộ phận riêng xử lý các vấn đề liên quan đến quy tắc xuất xứ và hồ sơ đề nghị cấp C/O, phải phó thác toàn bộ cho công ty dịch vụ trong khi không hiểu rõ quy định và quy trình cấp C/O là như thế nào. Điều này dẫn đến hồ sơ C/O bị từ chối hoặc không đáp ứng quy định, mất thời gian và chi phí cho doanh nghiệp.

*Cơ chế chứng nhận xuất xứ chưa đáp ứng nhu cầu và thực tiễn thương mại*

Cơ chế chứng nhận xuất xứ theo Hiệp định CPTPP mà Việt Nam đang áp dụng đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam là cơ chế cấp C/O truyền thống. Trong khi phía các nước thành viên phê chuẩn và thực thi Hiệp định đã áp dụng hoàn toàn cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá. Đặc điểm giao dịch thương mại tại thị trường một số nước thành viên CPTPP như Mexico, Canada đó là hàng hoá thường được xuất khẩu trước với số lượng lớn, tập trung tại một số cảng trung chuyển trước khi tìm được khách mua hoặc được chia nhỏ đi các thị trường khác nhau. Trong trường hợp đó, doanh nghiệp phải quay lại tổ chức cấp đề xin cấp C/O mẫu CPTPP mới hoặc xin cấp lại C/O cho lô hàng bị chia nhỏ, gia tăng thời gian cho quá trình thông quan hàng hoá và hoạt động thương mại giữa doanh nghiệp Việt Nam và đối tác thương mại tại các thị trường này. Trong khi đó, với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá, doanh nghiệp được chủ động về thời gian, địa điểm, giúp giảm thời gian giao dịch và chi phí xuất nhập khẩu.

*Khó đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ tại CPTPP do ngành công nghiệp phụ trợ trong nước chưa phát triển.*

Diễn hình với ngành dệt may, quy định xuất xứ từ sợi trong CPTPP được xem là một thách thức lớn. Trong khi đó, nguyên nhân khiến ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam khó phát triển là do thiếu nguồn tài chính và công nghệ tiên tiến... Với CPTPP, Việt Nam kỳ vọng vào sự gia tăng đầu tư từ các nước thành viên CPTPP, cùng với đó, doanh nghiệp sẽ có cơ hội tiếp cận và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại, phục

vụ sản xuất. Trong thời gian tới, điều quan trọng là Việt Nam phải xác định các ngành công nghiệp phụ trợ cần tập trung vốn đầu tư, tận dụng lợi ích mà CPTPP để xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện chính sách thu hút các dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ cao, cam kết chuyển giao công nghệ để thực sự có lợi cho doanh nghiệp trong nước.



**PHẦN II**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN  
QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ  
CỦA CPTPP ĐỐI VỚI  
MỘT SỐ NGÀNH HÀNG  
XUẤT KHẨU CHỦ LỰC**





## 1. Dệt may

### 1.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng dệt may

Dệt may là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường CPTPP. Tại Hiệp định CPTPP, quy tắc xuất xứ nói chung áp dụng cho hàng dệt may vẫn theo quy định tại Chương 3 về Quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ. Tuy nhiên, quy tắc cụ thể mặt hàng và một số quy định đặc biệt cho hàng dệt may lại được quy định tại một chương riêng so với các sản phẩm khác, đó là Chương 4 (Dệt may) của CPTPP.

Về cơ bản, tiêu chí xuất xứ đối với hàng dệt may trong CPTPP chặt hơn so với các Hiệp định thương mại tự do khác mà Việt Nam đang tham gia khi được xây dựng trên nguyên tắc “từ sợi trở đi” (Yarn forward). Điều này có nghĩa là CPTPP yêu cầu quá trình sản xuất hàng dệt may phải sử dụng sợi và vải được sản xuất trong nội khối CPTPP. Đồng thời, các sản phẩm dệt may cũng phải được cắt hoặc dệt thành hình, hoặc cả hai, và được may hoặc ghép bằng cách khác tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên CPTPP.

Quy tắc cụ thể mặt hàng cho hàng dệt may được hướng dẫn tại Phụ lục VII, Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Công Thương, thương nhân có thể tra cứu danh mục PSR bằng tiếng Việt tại Phụ lục này.

Bên cạnh đó, CPTPP cũng yêu cầu hàng dệt may phải đáp ứng đồng thời các quy định về chỉ may và sợi co giãn. Cụ thể:

- Trường hợp hàng dệt may sử dụng chỉ khâu từ bông (HS 52.04), chỉ khâu từ sợi filament nhân tạo (HS 54.01), chỉ khâu từ xơ staple nhân tạo (HS 55.08), hoặc sử dụng sợi filament tổng hợp (HS 54.02) làm chỉ may thì chỉ may này phải được xe và hoàn thiện tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.

- Trường hợp hàng dệt may có chứa sợi co giãn (sợi đàn hồi hoặc sợi cao su) trong thành phần chính của sản phẩm thì sợi co giãn đó phải được xe và hoàn thiện tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.

Quy tắc xuất xứ đối với hàng dệt may trong CPTPP khá chặt chẽ, nên Hiệp định này cũng quy định một số linh hoạt được áp dụng cho hàng dệt may.

- Linh hoạt thứ nhất là có 3 nhóm hàng chỉ cần áp dụng công đoạn “cắt và may” tại lãnh thổ các nước thành viên CPTPP thì được coi là có xuất xứ, đó là: túi xách (HS 42.02), áo ngực phụ nữ (HS 6212.10) và quần áo trẻ em làm từ sợi tổng hợp (HS 6111.20 và 6209.30)

- Linh hoạt thứ hai là Danh mục nguồn cung thiếu hụt: danh mục này quy định một số loại sợi và vải được phép sử dụng nguồn cung ngoài khu vực CPTPP để sản xuất hàng dệt may tương ứng. Danh mục này bao gồm 187 loại sợi và vải, trong đó có 8 dòng là tạm thời được sử dụng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực và 179 dòng cố định.

- Thêm một linh hoạt khác cho hàng dệt may trong CPTPP đó là Tỷ lệ De Minimis áp dụng đối với nguyên liệu không có xuất xứ mà không đáp ứng tiêu chí chuyển đổi mã số hàng hoá. Theo đó, CPTPP cho phép sử dụng các nguyên liệu này đến tối đa 10% tổng trọng lượng của hàng dệt may được sản xuất ra.

- Linh hoạt cuối cùng là quy định về cộng gộp toàn phần. Theo đó, toàn bộ quy trình sản xuất hàng dệt may (từ xơ đến sợi, sau đó dệt vải và may thành quần áo) được diễn ra tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên CPTPP thì sản phẩm dệt may cuối cùng được coi là có xuất xứ mà không tính đến xuất xứ của nguyên liệu được tạo ra trong quá trình sản xuất.

Doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp mới xuất khẩu sang thị trường các nước CPTPP theo Hiệp định, đã gặp phải nhiều trở ngại trong việc đọc và hiểu các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa tại Hiệp định này đối với sản phẩm dệt may. Để có thể áp dụng một cách chuẩn xác, doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần phải hiểu rõ và hiểu đúng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP.

Như vậy, trong ngắn hạn, việc đáp ứng quy tắc xuất xứ cho hàng dệt may xuất khẩu sang CPTPP để được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP sẽ vẫn còn là hạn chế đối với ngành dệt may Việt Nam. Trong dài hạn, khi mức thuế suất hàng dệt may tiếp tục được cắt giảm sâu tạo động lực cho ngành cũng như việc hình thành các chuỗi sản xuất khép kín từ nguyên liệu thô đến thành phẩm hoàn thiện cuối cùng sẽ giúp ngành dệt may Việt Nam tận dụng sâu các ưu đãi mà CPTPP mang lại.

## 1.2. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sử dụng C/O mẫu CPTPP

Để được hưởng ưu đãi thuế quan từ CPTPP, hàng dệt may Việt Nam phải đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định này hay được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu CPTPP.

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, tính từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 (ngày CPTPP có hiệu lực thực thi đối với Việt Nam) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, kim ngạch hàng dệt may của Việt Nam xuất khẩu sang CPTPP cấp C/O mẫu CPTPP đạt 105,35 triệu USD.

Số liệu thống kê cho thấy các nguyên liệu dệt may (trừ mặt hàng thuộc Chương 60) và sản phẩm dệt may (từ Chương 60 đến Chương 63) đều có kim ngạch xuất khẩu sang thị trường CPTPP sử dụng C/O mẫu CPTPP, trong đó xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu dệt may (chiếm đến 72,4% trong năm 2019, 39,3% trong năm 2020 và 64,5% trong năm 2021).

**Bảng 6. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Hàng dệt may	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	KNXX (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXX (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXX (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
Nguyên liệu dệt may (Chương 50 đến Chương 59)	11,71	72,4	19,18	39,3	52,4	64,5
Sản phẩm dệt may (Chương 60 đến Chương 63)	4,47	28,6	29,49	61,7	28,79	38,5
Tổng	16,18	100	48,67	100	81,19	100

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương



### 1.3. Cơ cấu thị trường theo C/O mẫu CPTPP mặt hàng dệt may

Các thị trường nhập khẩu trong CPTPP sử dụng C/O mẫu CPTPP chủ yếu là Canada, Mexico, Nhật Bản. Đây là những thị trường nhập khẩu lớn của hàng dệt may Việt Nam trong khối CPTPP. Trong năm 2021, Canada và Mexico là hai thị trường nhập khẩu hàng may mặc của Việt Nam có tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP nhiều nhất, lần lượt là 34,9% và 61,6%. Trong khi đó, Nhật Bản mặc dù là thị trường nhập khẩu hàng may mặc của Việt Nam nhiều nhất trong khối CPTPP, nhưng tỷ lệ hàng may mặc xuất khẩu sang thị trường này sử dụng C/O mẫu CPTPP chỉ đạt 0,17% do doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu sử dụng C/O mẫu AJ theo Hiệp định AJCEP (ASEAN - Nhật Bản) và C/O mẫu VJ theo Hiệp định VJEPA (Việt Nam - Nhật Bản) khi xuất khẩu sang thị trường này.

Nhìn chung, do quy tắc xuất xứ của mặt hàng dệt may trong CPTPP chặt nhất trong số các FTA mà Việt Nam là thành viên (yêu cầu từ sợi trở đi) nên mặt hàng dệt may hiện chưa tận dụng được tối đa ưu đãi thuế quan mà Hiệp định này mang lại. Các doanh nghiệp vẫn tiếp tục sử dụng các C/O ưu đãi theo các FTA khác mà Việt Nam có với các nước thành viên CPTPP, ngoại trừ một số thị trường mới như Canada và Mexico.

**Bảng 7. Thị trường xuất khẩu của hàng dệt may Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP**

STT	Thị trường	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
1	Canada	4,46	27,6	29,16	59,9	28,35	34,9
2	Mexico	11,64	71,9	19,39	39,8	49,99	61,6
3	Nhật Bản	0,07	0,43	0,12	0,3	0,14	0,17
4	Các nước CPTPP còn lại	0,01	0,06	-	-	2,71	3,33
Tổng		16,18	100	48,67	100	81,19	100

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

#### ***1.4. Cơ cấu hàng dệt may xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP***

Đối với nguyên liệu dệt may, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu theo C/O bao gồm sợi filament tổng hợp (HS 5402, 5404), thảm từ các vật loại dệt nhân tạo (HS 5703.30); vải màn dùng làm lớp từ sợi có độ bền cao (HS 5902); xơ staple tổng hợp (HS 55.03); sợi bông (HS 52.06) và sợi len lông cừu chải kỹ (HS 51.07).

Đối với sản phẩm dệt may, mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu theo C/O cao bao gồm quần dài phụ nữ từ bông hoặc sợi tổng hợp (HS 61.04); áo dệt kim từ bông hoặc sợi nhân tạo (HS 61.10); áo phông từ bông (HS 61.09); bộ quần áo thể thao từ sợi tổng hợp (HS 61.12); quần tất từ bông (HS 61.15); quần dài nam từ sợi tổng hợp (HS 62.03); quần dài nữ từ sợi tổng hợp (HS 62.04) và khẩu trang (HS 6307.90).

Đáng chú ý, dưới tác động của dịch Covid-19, các đơn hàng may mặc có xu hướng giảm trong thời gian qua. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam chuyển dịch sang sản xuất và xuất khẩu khẩu trang (bao gồm cả khẩu trang y tế và khẩu trang thường) sang thị trường các nước CPTPP.

## ***2. Da giày***

### ***2.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng da giày***

Da giày là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường các nước CPTPP với kim ngạch xuất khẩu toàn ngành năm 2021 đạt 2,4 tỷ USD, trong đó xuất khẩu giày dép đạt 1,98 tỷ USD, xuất khẩu mặt hàng túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù đạt 419,8 triệu USD.

Tiêu chí xuất xứ cụ thể áp dụng cho mặt hàng giày dép được quy định tại Phụ lục 3-D, Chương 3, Hiệp định CPTPP, và được nội luật hoá tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPPTP. Như vậy, thương nhân có thể tra cứu danh mục PSR bằng tiếng Việt tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

*Đối với sản phẩm giày dép có mã HS từ 64.01 đến 64.05, thương nhân được áp dụng lựa chọn một trong hai tiêu chí sau:*

Thứ nhất, chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC) hay được phép sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ nằm ngoài Chương 64;

Thứ hai, chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Nhóm (CTH) với một số nguyên liệu bị loại trừ, đồng thời đáp ứng RVC 45% theo công thức trực tiếp hoặc 55% theo công thức gián tiếp.

Đối với bộ phận giày dép có mã HS 64.06, tiêu chí xuất xứ trong CPTPP linh hoạt hơn so với sản phẩm giày dép khi được áp dụng tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC) hoặc Hàm lượng giá trị khu vực RVC đạt 45% theo công thức trực tiếp hoặc 55% theo công thức gián tiếp tương tự như sản phẩm giày dép.

Chúng ta cùng xem xét cụ thể hơn tiêu chí xuất xứ cho sản phẩm giày dép có HS từ 64.01 đến 64.05.

Thứ nhất, tiêu chí xuất xứ “Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC)”, nghĩa là cho phép sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ mà khác mã HS ở cấp độ Chương (2 số) so với sản phẩm giày dép được sản xuất ra.

Thứ hai, tiêu chí xuất xứ Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Nhóm (CTH) với một số nguyên liệu bị loại trừ và đồng thời đáp ứng RVC. Nghĩa là, khi sử dụng những nguyên liệu sau đây trong quá trình sản xuất thì những nguyên liệu này phải có xuất xứ các nước thành viên CPTPP, bao gồm:

- Nguyên liệu là các sản phẩm giày dép khác cùng Chương 64.
- Nguyên liệu thuộc phân nhóm HS 6406.10 (Mũ giày và các bộ phận của chúng) hoặc bộ phận của mũ giày (trừ loại bằng gỗ) thuộc phân nhóm HS 6406.90.

Thứ ba, tiêu chí xuất xứ Hàm lượng giá trị khu vực RVC có thể được tính bằng một trong hai cách sau:

- *Cách tính trực tiếp*: theo cách tính này, hàm lượng RVC phải đạt được ít nhất là 45%

$$RVC = \frac{VOM}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

Trong công thức này, VOM là trị giá của nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm giày dép tại CPTPP.



- *Cách tính gián tiếp*: theo cách tính này, hàm lượng RVC phải đạt được ít nhất là 55%

$$RVC = \frac{\text{Trị giá hàng hóa - VNM}}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

Trong công thức này, VNM là trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ, kể cả nguyên liệu không xác định được xuất xứ, được sử dụng trong quá trình sản xuất giày dép.

## **2.2. Kim ngạch xuất khẩu hàng da giày sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Để được hưởng ưu đãi thuế quan từ CPTPP, hàng da giày của Việt Nam phải đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định này hay được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu CPTPP.

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, tính từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 (ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, kim ngạch hàng da giày của Việt Nam (bao gồm giày dép và các mặt hàng túi xách, ví, vali...) xuất khẩu sang thị trường các nước CPTPP được các cơ quan, tổ chức được cấp C/O mẫu CPTPP theo Hiệp định là gần 1,45 tỷ USD.

Số liệu kim ngạch xuất khẩu hàng da giày của Việt Nam theo C/O mẫu CPTPP sang thị trường các nước CPTPP được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 8. Kim ngạch xuất khẩu hàng da giày sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Hàng da giày	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
Túi xách, ví, va li (Chương 42)	15,45	5,13	30,48	6,9	36,97	5,24
Giày dép (Chương 64)	285,66	94,87	410,83	93,1	667,71	94,76
Tổng	301,11	100	441,31	100	704,68	100

*Nguồn*: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương



### 2.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu theo C/O mẫu CPTPP

Các thị trường xuất khẩu của hàng da giày Việt Nam tại các nước CPTPP có sử dụng C/O mẫu CPTPP chủ yếu là Canada, Mexico và Nhật Bản. Ngoại trừ Nhật Bản là thị trường nhập khẩu truyền thống của hàng da giày Việt Nam thì Canada và Mexico là các thị trường mới của mặt hàng này. Trong năm 2021, Canada và Mexico là hai thị trường nhập khẩu hàng da giày của Việt Nam có tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP nhiều nhất, lần lượt là 48,1% và 39,4%.

**Bảng 9. Thị trường xuất khẩu của hàng da giày Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP**

STT	Hàng da giày	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
1	Canada	248,23	82,4	285,42	64,7	339,07	48,1
2	Mexico	39,26	13	123,08	27,9	277,66	39,4
3	Nhật Bản	9,7	3,2	28,18	6,3	81,83	11,6
4	Các nước CPTPP còn lại	3,92	1,4	4,63	1,1	6,12	0,9
Tổng		301,11	100	441,31	100	704,68	100

*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương*

Các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu theo C/O cao bao gồm: Túi xách có mặt ngoài bằng plastic hoặc vật liệu dệt (HS 42.02), giày thể thao (HS 64.04), giày dép có đế ngoài bằng cao su, plastics hoặc da (HS 64.03) và giày dép có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc plastics (HS 64.02). Hàng da giày có kim ngạch xuất khẩu cao theo C/O mẫu CPTPP đều là những mặt hàng da giày xuất khẩu truyền thống và chủ lực của Việt Nam.

Có thể nói, da giày là một trong những mặt hàng tận dụng tốt ưu

đãi thuế quan trong CPTPP bằng việc đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa tương ứng trong Hiệp định. Trong năm 2021, tỷ lệ mặt hàng giày dép xuất khẩu sang thị trường CPTPP có sử dụng C/O mẫu CPTPP theo Hiệp định là 33,61%, trong đó, thị trường Canada có tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP của mặt hàng giày dép đạt 83,56%, Mexico đạt 86,84%. Riêng thị trường Nhật Bản, mặc dù kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam ở mức cao, nhưng tỷ lệ sử dụng C/O còn khá thấp (đạt 10,14% trong năm 2021), một phần là do doanh nghiệp chủ yếu sử dụng các C/O ưu đãi khác khi xuất khẩu sang thị trường này. So với mặt hàng dệt may, cũng là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam tại thị trường CPTPP, tiêu chí xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng da giày trong Hiệp định CPTPP tương đối linh hoạt.

Mặc dù tiêu chí xuất xứ cho mặt hàng da giày trong Hiệp định CPTPP tương đối linh hoạt và cho phép nhập khẩu nguyên liệu ngoài khối để sản xuất hàng hóa, việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do ảnh hưởng của dịch COVID-19 cũng là hồi chuông báo động cho ngành sản xuất da giày trong nước khi phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Để có thể phát triển bền vững và tận dụng tối đa ưu đãi thuế quan cũng như các cơ hội từ CPTPP mang lại, các doanh nghiệp da giày cần tập trung phát triển cân bằng nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước để phục vụ sản xuất xuất khẩu trong tương lai.

### **3. Thủy sản**

#### **3.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng thủy sản**

Cam kết về QTXX trong CPTPP đối với mặt hàng thủy sản được quy định tại

- Lời văn Chương 3 - Quy tắc xuất xứ (các quy tắc chung) và các thủ tục chứng nhận xuất xứ, được nội luật hóa tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT
- Phụ lục Chương 3 - Quy tắc xuất xứ cụ thể từng nhóm sản phẩm, được nội luật hóa tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

Mục đích của quy tắc xuất xứ là để đảm bảo hàng hóa phải được sản xuất chủ yếu trong khu vực CPTPP thì mới được hưởng ưu đãi thuế quan của Hiệp định. Đối với thủy sản, khả năng đáp ứng các QTXX này phụ thuộc vào từng nhóm cụ thể:

- Đối với các sản phẩm thủy sản sử dụng nguyên liệu thủy sản nuôi trồng hoặc khai thác trên lãnh thổ Việt Nam, các nguyên liệu khác như bao bì đóng gói, một số chất phụ gia, chất bảo quản nếu có xuất xứ từ ngoài khu vực CPTPP giá trị cũng không đáng kể, việc đáp ứng QTXX của CPTPP là tương đối dễ dàng.

- Đối với các sản phẩm sử dụng nguyên liệu thủy sản nhập khẩu (hiện đây đang là xu hướng đáng chú ý, do tăng trưởng xuất khẩu thủy sản Việt Nam vượt tăng trưởng nuôi trồng/khai thác thủy sản), việc đáp ứng các quy tắc xuất xứ CPTPP có thể là vấn đề khó khăn.

Chung: QTXX đối với phần lớn các sản phẩm thủy sản trong CPTPP là Chuyển đổi mã HS (CTC) ở cấp độ Chương hoặc Nhóm, tức là mã HS của thành phẩm phải khác mã HS của nguyên liệu không có xuất xứ ở cấp 2 số (nếu là chuyển đổi Chương) hoặc 4 số (nếu là chuyển đổi Nhóm).

Cụ thể:

- Đối với các sản phẩm thủy sản tươi và sơ chế thuộc Chương 3: QTXX đối với đa số các sản phẩm là Chuyển đổi Chương, hoặc Nhóm. Một số ít sản phẩm kết hợp Chuyển đổi Chương/Nhóm với Hàm lượng giá trị khu vực 40% hoặc 45% (sản phẩm phải đạt được một ngưỡng - ở đây là 40% hoặc 45% - về giá trị nguyên liệu tối thiểu ở trong khu vực CPTPP).

- Đối với các sản phẩm thủy sản chế biến thuộc Nhóm 16.04 và 16.06: QTXX chủ đạo là Chuyển đổi Chương. Một số ít sản phẩm thuộc Phân nhóm 16.04.20 (Cá đã được chế biến hoặc bảo quản cách khác): kết hợp Chuyển đổi Chương và Hàm lượng giá trị khu vực 40%. Phụ lục Chương 3 CPTPP nêu cam kết về QTXX của sản phẩm theo mã HS của sản phẩm đó. Do đó để biết QTXX áp dụng đối với từng sản phẩm thủy sản cụ thể, cần tra cứu cam kết CPTPP về QTXX cụ thể đối với mã HS đó.



### **3.2. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Thị trường CPTPP là một trong những thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam. Trong CPTPP, các nước thành viên đưa ra cam kết cắt giảm thuế quan khá mạnh đối với nhóm thủy sản: Xóa bỏ thuế quan ngay khi CPTPP có hiệu lực với phần lớn các dòng thuế quan đối với thủy sản, xóa bỏ thuế quan theo lộ trình với một số sản phẩm thủy sản nhất định (từ 3 đến 16 năm tùy sản phẩm, tùy đối tác). Như vậy, cơ hội để ngành thủy sản Việt Nam mở rộng thị trường các nước CPTPP thông qua việc tận dụng ưu đãi từ Hiệp định là rất lớn.

Để được hưởng ưu đãi thuế quan từ CPTPP, thủy sản của Việt Nam phải đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định này và được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu CPTPP. Bộ Công Thương uỷ quyền cho 20 cơ quan, tổ chức (bao gồm 19 Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực trên cả nước và Sở Công Thương thành phố Hải Phòng) được cấp C/O mẫu CPTPP.

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, trong năm 2021, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường các nước CPTPP được các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP đạt xấp xỉ 108,28 triệu USD, chiếm khoảng 5,26% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường các nước này.

**Bảng 10. Kim ngạch XK mặt hàng thủy sản sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Đơn vị: triệu USD

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Hàng thủy sản	33,17	62,24	108,28

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

### **3.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Các thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tại các nước CPTPP sử dụng C/O mẫu CPTPP chủ yếu là Canada, Mexico và Nhật



Bản. Trong đó, Nhật Bản là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn của Việt Nam trong khối này, tuy nhiên, tỷ lệ cấp C/O mẫu CPTPP cho mặt hàng thủy sản còn khá thấp. Trong năm 2021, Mexico và Nhật Bản là hai thị trường nhập khẩu thủy sản của Việt Nam có trị giá C/O mẫu CPTPP được cấp lớn nhất, đạt lần lượt là 69,13 triệu USD và 28,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng lần lượt là 63,8% và 26,7% trong tổng trị giá C/O mẫu CPTPP đối với mặt hàng thủy sản.

**Bảng 11. Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP**

STT	Thị trường CPTPP	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
1	Canada	6,22	18,8	4,75	7,6	8,53	7,8
2	Mexico	2,25	6,8	16	25,7	69,13	63,8
3	Nhật Bản	24,69	74,4	41,13	66,1	28,9	26,5
4	Các nước CPTPP còn lại	0,01	0,03	0,36	0,6	2,24	1,9
Tổng		33,17	100	62,24	100	108,28	100

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Có thể thấy, mặc dù Nhật Bản là thị trường có tỷ lệ cấp C/O mẫu CPTPP cho mặt hàng thủy sản khá thấp so với tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam (đạt khoảng hơn 2%) nhưng so với các thị trường nhập khẩu lớn khác trong CPTPP là Canada và Mexico, thì Nhật Bản vẫn có tỷ lệ cấp C/O cao hơn hẳn trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản được cấp C/O sang thị trường các nước CPTPP.

Các nước CPTPP là một trong những thị trường xuất khẩu lớn của ngành thủy sản Việt Nam và được kỳ vọng sẽ được mở rộng và phát triển hơn nữa khi Việt Nam thực thi Hiệp định CPTPP. Hiện nguồn nguyên liệu cho thủy sản chế biến của Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, đặc biệt là tôm và thị trường CPTPP không phải là thị trường nhập

khẩu nguyên liệu thủy sản phục vụ cho sản xuất xuất khẩu trong nước. Để có thể đa dạng mặt hàng, doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần đầu tư vào ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm gia tăng giá trị sản phẩm thủy sản và nâng cao sức cạnh tranh.

Để xuất khẩu sang các thị trường CPTPP nói riêng và thế giới nói chung, thủy sản Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của từng thị trường nhập khẩu, đặc biệt là các tiêu chuẩn kỹ thuật và vệ sinh an toàn thực phẩm. Do đó, từng doanh nghiệp và ngành thủy sản cần tập trung khắc phục các hạn chế hiện tại liên quan tới vấn đề này, đặc biệt là:

- Xây dựng chuỗi cung bền vững về giống thủy sản, trong đó bảo đảm kiểm soát chất lượng giống.

- Cải thiện năng lực sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản, thuốc cho thủy sản, từ đó hạ thấp giá thành sản phẩm để người nuôi thủy sản có thể tiếp cận, không sử dụng các nguồn thức ăn, thuốc trôi nổi, kém chất lượng.

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình nuôi trồng, sử dụng thức ăn và thuốc cho thủy sản.

- Hỗ trợ ngư dân, các tàu cá tiếp cận, áp dụng công nghệ trong xử lý sản phẩm thủy sản khai thác theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu, qua đó nâng cao giá trị gia tăng của thủy sản.

- Chú ý bảo đảm tuân thủ các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn lao động của ngành chế biến thủy sản.

## **4. Nông sản**

### ***4.1. Quy tắc xuất xứ đối với mặt hàng nông sản***

Các nước CPTPP không phải là thị trường lớn nhập khẩu mặt hàng nông sản từ Việt Nam. Khi CPTPP có hiệu lực mở ra cơ hội lớn để ngành nông nghiệp Việt Nam đa dạng hóa thị trường và thâm nhập vào một thị trường đầy tiềm năng. Các mặt hàng nông sản chủ chốt của Việt Nam vào CPTPP bao gồm gạo, cà phê, chè, hạt tiêu, hạt điều, cao su và rau quả.

Để chinh phục thị trường CPTPP và được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP, hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam cần đáp

ứng các quy định về an toàn thực phẩm cũng như tiêu chuẩn kỹ thuật, trong đó có quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá.

Tiêu chí xuất xứ cụ thể áp dụng cho mặt hàng nông sản được quy định tại Phụ lục 3-D, Chương 3 của CPTPP và được nội luật hoá tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP. Như vậy, doanh nghiệp có thể tra cứu danh mục PSR bằng tiếng Việt tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

Để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định CPTPP khi xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP, hàng nông sản của Việt Nam cần đáp ứng một trong các tiêu chí xuất xứ sau đây:

Thứ nhất, sản phẩm nông sản có xuất xứ thuần túy tại lãnh thổ Việt Nam hoặc được sản xuất toàn bộ từ nguyên liệu có xuất xứ thuần túy tại lãnh thổ của MỘT hay NHIỀU nước thành viên CPTPP. Ví dụ, quả xoài được trồng và thu hoạch tại Việt Nam sau đó xuất khẩu sang các nước CPTPP, thì quả xoài này đáp ứng tiêu chí WO. Một trường hợp khác, cà phê Arabica có xuất xứ thuần túy từ Mexico được nhập khẩu về Việt Nam, sau đó nhà sản xuất sử dụng cà phê Arabica nhập khẩu này và cà phê Robusta có xuất xứ thuần túy Việt Nam rang và xay thành cà phê hòa tan để xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP. Cà phê rang xay trong trường hợp này được coi là WO theo CPTPP.

Thứ hai, sản phẩm nông sản được chế biến toàn bộ tại Việt Nam chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ tại lãnh thổ của một hay nhiều nước thành viên CPTPP. Trong trường hợp này, nguyên liệu được sử dụng không nhất thiết phải có tiêu chí xuất xứ thuần túy mà chỉ cần là nguyên liệu có xuất xứ theo quy định của CPTPP. Tuy nhiên, trên thực tế, đặc điểm của ngành nông sản thường sử dụng chủ yếu nguyên liệu có xuất xứ thuần túy hoặc nhập khẩu hoàn toàn từ nước thứ ba ngoài hiệp định, vì vậy, tiêu chí xuất xứ này ít được sử dụng hơn so với tiêu chí xuất xứ thuần túy.

Thứ ba, sản phẩm nông sản có thể sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ nhập khẩu ngoài khối CPTPP, với điều kiện quá trình sản xuất ra hàng hoá đáp ứng các quy định tại Danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng (hay còn gọi là PSR).



Danh mục này được quy định tại Phụ lục 3-D, Chương 3 của CPTPP, và được nội luật hoá tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPPTP. Như vậy, thương nhân có thể tra cứu danh mục PSR bằng tiếng Việt tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

- Gạo

Tiêu chí xuất xứ hàng hoá đối với mặt hàng gạo (mã HS 10.06) là Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương 2 số (CC), nghĩa là phải gạo được sản xuất từ nguyên liệu thuộc bất kỳ chương khác ngoài Chương 10. Tuy nhiên, do gạo được sản xuất, chế biến từ lúa (cũng có mã HS thuộc nhóm 10.06) nên dù tiêu chí xuất xứ tại PSR là “CC” nhưng thực chất mặt hàng này buộc phải đáp ứng tiêu chí “WO” theo CPTPP.

- Cà phê

Để được coi là có xuất xứ CPTPP, cà phê chưa rang xuất khẩu, mặc dù có tiêu chí xuất xứ hàng hoá tại PSR là Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC), thực chất mặt hàng này phải đáp ứng tiêu chí xuất xứ thuần túy “WO” (vì không thể sử dụng nguyên liệu từ các Chương khác). Tuy nhiên, cà phê đã rang xuất khẩu lại có quy tắc linh hoạt hơn khi Hiệp định CPTPP cho phép sử dụng nguyên liệu là cà phê chưa rang không có xuất xứ, với điều kiện trọng lượng khô của cà phê chưa rang không có xuất xứ không vượt quá 60% tổng trọng lượng khô của nguyên liệu này dùng để chế biến ra hàng hóa.

- Hạt tiêu

Hạt tiêu chưa qua chế biến (xay/nghiền) phải đáp ứng tiêu chí xuất xứ thuần túy “WO” mặc dù có tiêu chí xuất xứ hàng hoá tại PSR là Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC) (vì không thể sử dụng nguyên liệu từ các Chương khác). Tương tự, hạt tiêu đã qua chế biến (xay/nghiền) cũng phải đáp ứng tiêu chí “WO” hoặc được linh hoạt lựa chọn tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không thấp hơn 40% theo công thức gián tiếp.

- Hạt điều

Hạt điều chưa bóc vỏ phải đáp ứng tiêu chí xuất xứ thuần túy



“WO”, mặc dù có tiêu chí xuất xứ hàng hoá tại PSR là Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC) (vì không thể sử dụng nguyên liệu từ các Chương khác). Tuy nhiên, đối với mặt hàng điều đã bóc vỏ, CPTPP lại quy định khá linh hoạt khi cho phép sử dụng hạt điều chưa bóc vỏ không có xuất xứ để sản xuất.

- Chè và sản phẩm từ chè

Tiêu chí xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng chè (mã HS 0902.20, 0902.40 và 0903) theo CPTPP là tiêu chí xuất xứ thuần túy “WO”, mặc dù có tiêu chí xuất xứ hàng hoá tại PSR là Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC) (vì không thể sử dụng nguyên liệu từ các Chương khác). Tương tự, chè xanh (chưa ủ men) đóng gói sẵn trọng lượng không quá 3 kg cũng phải đáp ứng tiêu chí “WO” hoặc được linh hoạt lựa chọn tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không thấp hơn 40% theo công thức gián tiếp.

- Rau, quả và các chế phẩm từ rau, quả

Về cơ bản, các sản phẩm rau, quả cũng áp dụng tiêu chí WO hoặc chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (2 số) với ngoại trừ một số nguyên liệu nhất định. Theo đó, những nguyên liệu bị ngoại trừ phải có xuất xứ các nước thành viên CPTPP.

- Cao su và các sản phẩm cao su

Quy định về tiêu chí xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng cao su thiên nhiên trong CPTPP khá lỏng khi cho phép linh hoạt lựa chọn sử dụng 02 tiêu chí: chuyển đổi mã số hàng hóa cấp độ 4 số (doanh nghiệp được phép sử dụng nguyên liệu không xuất xứ từ các nhóm khác) hoặc hàm lượng giá trị khu vực không ít hơn 40% theo công thức gián tiếp

#### ***4.2. Kim ngạch xuất khẩu nông sản sử dụng C/O mẫu CPTPP***

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, trong năm 2021, các cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương uỷ quyền đã cấp C/O mẫu CPTPP cho hàng nông sản của Việt Nam xuất khẩu đi CPTPP đạt 30,39 triệu USD, chiếm 2,4% kim ngạch xuất khẩu nông sản nói chung sang thị trường này. So với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực khác của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản sử dụng C/O mẫu

CPTPP còn khá khiêm tốn, chỉ chiếm 1,2% kim ngạch xuất khẩu sang thị trường các nước CPTPP sử dụng C/O mẫu CPTPP.

Năm 2021, mặt hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP nhiều nhất là cao su, đạt 7,98 triệu USD, tiếp đến là rau quả, đạt 6,91 triệu USD. Mặt hàng nông sản có kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP ít nhất là chè, đạt 100 nghìn USD, và cà phê, đạt 1,97 triệu USD.

**Bảng 12. Trị giá cấp C/O mẫu CPTPP một số mặt hàng nông sản xuất khẩu sang các nước CPTPP**

Hàng nông sản	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
Gạo	0,91	6,7	2,07	10,8	2,2	7,4
Cà phê	0,02	0,2	0,18	0,9	1,97	6,4
Hạt tiêu	1,73	12,7	3,28	16,8	4,52	14,8
Hạt điều	6,22	45,7	4,25	21,8	6,71	22,1
Chè và các sản phẩm từ chè	-	-	-	-	0,1	0,3
Rau quả	1,34	9,9	3,48	17,9	6,91	22,7
Cao su và các sản phẩm từ cao su	3,38	24,8	6,19	31,8	7,98	26,3
<b>Tổng</b>	<b>13,6</b>	<b>100</b>	<b>19,45</b>	<b>100</b>	<b>30,39</b>	<b>100</b>

*Nguồn:* Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu mặt hàng nông sản sang thị trường các nước CPTPP còn khá khiêm tốn, nhưng kim ngạch xuất khẩu theo C/O mẫu CPTPP của các mặt hàng này tăng theo từng năm. Đây là tín hiệu tích cực cho mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Hạt điều là mặt hàng xuất khẩu có tỷ lệ sử dụng C/O mẫu CPTPP chiếm tỷ lệ cao trong số các mặt hàng nông sản xuất khẩu sang thị trường các nước

CPTPP. Kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu CPTPP của mặt hàng cao su và các sản phẩm từ cao su có sự gia tăng theo từng năm, sau 3 năm thực thi Hiệp định, kim ngạch này tăng hơn gấp 2 lần, từ 3,38 triệu USD năm 2019 tăng lên 7,98 triệu USD năm 2021.

### **4.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu nông sản sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Các thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong khối CPTPP sử dụng C/O mẫu CPTPP chủ yếu là Canada, Mexico và Nhật Bản. Trong đó, Nhật Bản là thị trường nhập khẩu nông sản lớn của Việt Nam trong các nước thành viên CPTPP. Tuy nhiên, tỷ lệ cấp C/O mẫu CPTPP cho mặt hàng nông sản sang Nhật Bản còn khá thấp. Trong năm 2021, Mexico và Nhật Bản là hai thị trường nhập khẩu nông sản của Việt Nam có trị giá C/O mẫu CPTPP được cấp lớn nhất, đạt lần lượt là 12,11 triệu USD và 13,55 triệu USD, chiếm tỷ trọng lần lượt là 39,8% và 44,6% trong tổng trị giá C/O mẫu CPTPP đối với mặt hàng nông sản.

**Bảng 13. Thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP**

STT	Thị trường CPTPP	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
1	Canada	8,01	58,9	8,93	45,9	12,11	39,8
2	Mexico	4,68	34,4	8,45	43,4	13,55	44,6
3	Nhật Bản	0,72	5,2	0,88	4,5	3,51	11,5
4	Các nước CPTPP còn lại	0,19	1,5	1,19	6,2	1,22	4,1
Tổng		13,6	100	19,45	100	30,39	100

*Nguồn:* Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Mexico là thị trường có kim ngạch xuất khẩu theo C/O mẫu CPTPP của mặt hàng nông sản tăng trưởng theo từng năm. So với năm 2019,



kim ngạch này tăng gần gấp 3 lần sau 03 năm thực thi Hiệp định, từ 4,68 triệu USD lên 13,55 triệu USD. Nhật Bản tuy là thị trường nhập khẩu nông sản truyền thống của Việt Nam nhưng tỷ lệ cấp C/O mẫu CPTPP cho các mặt hàng này có khá thấp, nguyên nhân chủ yếu là do doanh nghiệp sử dụng các C/O ưu đãi khác như C/O mẫu AJ của Hiệp định AJCEP (ASEAN-Nhật Bản) và C/O mẫu VJ của Hiệp định VJEP (Việt Nam-Nhật Bản).

#### *Lưu ý đối với doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam*

Để có thể đẩy mạnh xuất khẩu nông sản và phát triển thị trường tại các nước CPTPP thông qua việc tận dụng quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định, doanh nghiệp xuất khẩu nông sản cần tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại với sự tham gia của đối tác CPTPP để tìm kiếm nguồn nguyên liệu cũng như bạn hàng mới, mở rộng chuỗi cung ứng nguyên liệu trong khu vực Hiệp định. Bên cạnh đó, các nhà sản xuất và chế biến nông sản trong nước cũng cần chú trọng vào việc phát triển và khai thác các vùng trồng nguyên liệu trong nước, tăng cường khả năng chế biến sâu để có thể đáp ứng tiêu chí xuất xứ cũng như các quy định về xuất xứ hàng hoá của CPTPP. Đồng thời, các doanh nghiệp cần chú trọng vào đào tạo nguồn lực có kiến thức về xuất xứ hàng hoá nói chung và quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP nói riêng, để có thể sẵn sàng tham gia vào cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá hiện nay cũng như trong tương lai không xa.

### **5. Sắt thép và sản phẩm sắt thép**

Chính thức có hiệu lực từ 14/01/2019, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được dự đoán tạo ra cú hích lớn với nhiều ngành, lĩnh vực. Bên cạnh dệt may, da giày, thủy sản... được nhắc đến với nhiều kỳ vọng lạc quan, tác động của CPTPP tới ngành thép lại đặt ra dấu hỏi lớn. Bởi song song với tiến trình mở cửa, ngành thép những năm qua liên tục đối mặt với các vụ kiện hay làn sóng bảo hộ thương mại tại nhiều quốc gia.

Trước đó, ASEAN và Mỹ là hai thị trường dẫn đầu về xuất khẩu thép của Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ tăng cao, theo các chuyên gia, việc chuyển hướng xuất khẩu, mở rộng sang các



thị trường khác là cần thiết. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp thép Việt tìm kiếm đối tác, thu hút đầu tư, nhập khẩu máy móc công nghệ cao nhằm nâng cao hàm lượng giá trị sản phẩm, từ đó tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

### ***5.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa của mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép***

Tiêu chí xuất xứ cụ thể áp dụng cho mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép được quy định tại Phụ lục 3-D, Chương 3 của CPTPP, được nội luật hoá tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPPTP. Như vậy, thương nhân có thể tra cứu danh mục PSR bằng tiếng Việt tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

Với sản phẩm sắt thép có mã HS thuộc Chương 72, thương nhân được áp dụng lựa chọn một trong hai tiêu chí sau:

Thứ nhất, Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC) hay được phép sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ nằm ngoài Chương 72;

Thứ hai, Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Nhóm (CTH) với một số nguyên liệu bị loại trừ, hoặc đáp ứng RVC 35% theo công thức trực tiếp hoặc 45% theo công thức gián tiếp.

Đối với sản phẩm sắt thép thuộc Chương 73, tiêu chí xuất xứ trong CPTPP áp dụng tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Chương (CC) hoặc cấp độ Nhóm (CTH) hoặc Hàm lượng giá trị khu vực RVC đạt 30% - 35% theo công thức trực tiếp hoặc 40% - 45% theo công thức gián tiếp hoặc 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với một số nguyên liệu không có xuất xứ.

Tiêu chí xuất xứ Hàm lượng giá trị khu vực RVC có thể được tính bằng một trong hai cách sau:

- Cách tính trực tiếp: Theo cách tính này, hàm lượng RVC phải đạt được ít nhất là 30% - 35%

$$RVC = \frac{VOM}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

Trong công thức này, VOM là trị giá của nguyên liệu có xuất xứ được sử dụng trong quá trình sản xuất sắt thép và sản phẩm sắt thép tại CPTPP.

- Cách tính gián tiếp: theo cách tính này, hàm lượng RVC phải đạt được ít nhất là 40%-45%

$$RVC = \frac{\text{Trị giá hàng hóa} - \text{VNM}}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

Trong công thức này, VNM là trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ, kể cả nguyên liệu không xác định được xuất xứ, được sử dụng trong quá trình sản xuất giày dép.

- Cách tính giá trị tập trung: Theo cách tính này, hàm lượng RVC phải đạt được ít nhất 50% dựa trên trị giá nguyên liệu không có xuất xứ xác định

$$RVC = \frac{\text{Trị giá hàng hóa} - \text{FVNM}}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

Trong công thức này, FVNM là trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ, kể cả nguyên liệu không xác định được xuất xứ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT và được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa. Nguyên liệu không có xuất xứ không được quy định tại Phụ lục I không được tính vào việc xác định FVNM.

## ***5.2. Kim ngạch xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP***

Các nước thành viên CPTPP là nguồn cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu để sản xuất thép cho các doanh nghiệp Việt Nam. Đơn cử, Úc là nước cung cấp than đá và quặng chủ yếu cho nước ta, lần lượt chiếm 25,7% và 22,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, hơn 50% lượng sắt thép phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất phôi cũng là từ các nước thuộc CPTPP. Một số thành viên như Canada, Malaysia cũng có nhu cầu lớn nhập khẩu nhiều thép thành phẩm.

Để được hưởng ưu đãi thuế quan từ CPTPP, sắt thép và sản phẩm

sắt thép xuất khẩu của Việt Nam phải đáp ứng các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa theo Hiệp định này và được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu CPTPP.

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, trong năm 2021, kim ngạch xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép của Việt Nam sang thị trường các nước CPTPP được các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP đạt 823,76 triệu USD, chiếm khoảng 75,59% kim ngạch xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép của Việt Nam sang thị trường các nước này.

**Bảng 14. Kim ngạch XK mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Đơn vị: triệu USD

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép	130,88	218,03	823,76

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP tăng trưởng tốt theo từng năm. Năm 2019, đạt 130,88 triệu USD, đến năm 2020, tăng gần gấp hai lần, đạt 218.03 triệu USD, chiếm 26,85% kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép của Việt Nam sang thị trường các nước này. Đến năm 2021, sau 03 năm thực thi Hiệp định, kim ngạch xuất khẩu có sử dụng C/O của mặt hàng này sang thị trường các nước CPTPP đã tăng hơn 6 lần so với năm đầu tiên thực thi Hiệp định, đạt 823,76 triệu và tỷ lệ cấp C/O so với tổng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này sang thị trường các nước CPTPP đã đạt 75,59%. Điều này cho thấy, các doanh nghiệp ngày càng tận dụng tốt ưu đãi thuế quan mà Hiệp định mang lại.

### **5.3. Về cơ cấu thị trường xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Các thị trường xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép của Việt Nam tại các nước CPTPP sử dụng C/O mẫu CPTPP chủ yếu là Canada,



Mexico và Úc. Trong năm 2021, Mexico là thị trường nhập khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép lớn nhất của Việt Nam có trị giá C/O mẫu CPTPP được cấp lớn nhất, đạt 805,97 triệu USD, chiếm tỷ trọng 97,8% tổng trị giá C/O mẫu CPTPP đối với mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép.

**Bảng 15. Thị trường xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép của Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP**

STT	Thị trường CPTPP	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		KNXXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
1	Canada	4,87	4,7	8,17	3,7	14,5	1,7
2	Mexico	125,97	96,2	208,86	95,7	805,97	97,8
3	Úc	0,04	0,1	0,83	0,5	2,15	0,3
4	Các nước CPTPP còn lại	-	-	0,17	0,1	1,14	0,2
Tổng		130,88	100	218,03	100	823,76	100

*Nguồn:* Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép sang thị trường Mexico tăng nhanh kể từ khi có CPTPP, tỷ lệ cấp C/O mẫu CPTPP của mặt hàng này sang thị trường Mexico trung bình đạt trên 95% so với tổng kim ngạch xuất khẩu. Việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường mới là tín hiệu đáng mừng của ngành sắt thép Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần cẩn trọng khi xuất khẩu sang thị trường này, khi kim ngạch xuất khẩu tăng quá nhanh có thể dẫn đến việc nước nhập khẩu xem xét áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo hộ sản xuất trong nước.

Để xuất khẩu sang các thị trường CPTPP nói riêng và thế giới nói chung, doanh nghiệp xuất khẩu sắt thép và sản phẩm sắt thép của Việt Nam cần tìm hiểu thông tin thị trường và quy định của nước sở tại (có thể thông qua hệ thống thương vụ Việt Nam tại nước ngoài) để có kế



hoạch phát triển thị trường phù hợp, chủ động vươn tầm khu vực, đẩy mạnh sản xuất để xuất khẩu trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn do đại dịch COVID-19.

## **6. Điện thoại và linh kiện điện thoại**

### **6.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa của mặt hàng điện thoại và linh kiện điện thoại**

Tiêu chí xuất xứ cụ thể áp dụng cho mặt hàng điện thoại và linh kiện điện thoại được quy định tại Phụ lục 3-D, Chương 3 của Hiệp định CPTPP, và được nội luật hoá tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPPTP. Như vậy, thương nhân có thể tra cứu danh mục PSR bằng tiếng Việt tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

Đối với mặt hàng điện thoại có mã HS thuộc Phân nhóm 8517.11 và 8517.12, thương nhân được áp dụng tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Phân nhóm (CTSH), được phép sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ từ Phân nhóm khác để sản xuất ra mặt hàng điện thoại xuất khẩu theo CPTPP.

Đối với mặt hàng linh kiện điện thoại thuộc Phân nhóm 8517.70, tiêu chí xuất xứ trong CPTPP áp dụng tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Nhóm (CTH) hoặc Hàm lượng giá trị khu vực RVC đạt 30% theo công thức trực tiếp hoặc 40% theo công thức gián tiếp hoặc 50% theo công thức tính giá trị tập trung đối với nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 8517.

Tiêu chí xuất xứ Hàm lượng giá trị khu vực RVC có thể được tính bằng một trong hai cách sau:

- Cách tính trực tiếp: theo cách tính này, hàm lượng RVC phải đạt được ít nhất là 30%-35%

$$RVC = \frac{VOM}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

Trong công thức này, VOM là trị giá của nguyên liệu có xuất xứ

được sử dụng trong quá trình sản xuất sắt thép và sản phẩm sắt thép tại CPTPP.

- Cách tính gián tiếp: theo cách tính này, hàm lượng RVC phải đạt được ít nhất là 40%-45%

$$RVC = \frac{\text{Trị giá hàng hóa} - \text{VNM}}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

Trong công thức này, VNM là trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ, kể cả nguyên liệu không xác định được xuất xứ, được sử dụng trong quá trình sản xuất giầy dép.

- Cách tính giá trị tập trung: theo cách tính này, hàm lượng RVC phải đạt được ít nhất 50% dựa trên trị giá nguyên liệu không có xuất xứ xác định

$$RVC = \frac{\text{Trị giá hàng hóa} - \text{FVNM}}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100$$

Trong công thức này, FVNM là trị giá của nguyên liệu không có xuất xứ, kể cả nguyên liệu không xác định được xuất xứ quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT và được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa. Nguyên liệu không có xuất xứ không được quy định tại Phụ lục I không được tính vào việc xác định FVNM.

## ***6.2. Kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại sử dụng C/O mẫu CPTPP***

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, trong năm 2021, kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại của Việt Nam sang thị trường các nước CPTPP được các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP đạt 450,34 triệu USD, chiếm khoảng 12,42% trên tổng kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại của Việt Nam sang thị trường các nước này.

Số liệu kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại của Việt Nam theo C/O mẫu CPTPP sang thị trường các nước CPTPP được thể hiện tại bảng sau:

### **Bảng 16. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng điện thoại và linh kiện điện thoại sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Đơn vị: triệu USD

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Hàng điện thoại và linh kiện điện thoại	-	432,6	450,34

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng điện thoại và linh kiện điện thoại sử dụng C/O mẫu CPTPP có tỷ lệ tăng trưởng tốt theo từng năm. Năm 2020, kim ngạch này đạt 432,6 triệu USD và đã tăng lên 450,34 triệu USD trong năm 2021.

#### **6.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Thị trường xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại của Việt Nam tại các nước CPTPP duy nhất sử dụng C/O mẫu CPTPP là Mexico.

Trong số các nước CPTPP, Canada là thị trường tiêu thụ điện thoại di động khá lớn. Hàng năm, Canada nhập khẩu trung bình từ 5,5 - 6,5 tỷ USD và có mức tăng trưởng doanh số mỗi năm khoảng 1,2%. Thị trường điện thoại di động Canada có nhu cầu tăng ổn định. Khi chi phí thuê bao và dữ liệu rẻ hơn nữa, nhu cầu tiêu thụ điện thoại di động ở thị trường này chắc chắn sẽ còn tăng đột biến. Đây là thị trường tiềm năng của doanh nghiệp Việt Nam, khi kim ngạch xuất khẩu đứng đầu trong tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường các nước CPTPP. Tuy nhiên, hiện nay doanh nghiệp chưa tận dụng được ưu đãi của CPTPP khi xuất khẩu điện thoại và linh kiện điện thoại sang thị trường này.

## **7. Gỗ và sản phẩm gỗ**

Việt Nam có quan hệ hợp tác thương mại gỗ với nhiều quốc gia thành viên CPTPP như Nhật Bản, Úc và Newzealand. Tham gia vào CPTPP còn có một số quốc gia có ngành công nghiệp gỗ mạnh khác như Canada, với sản lượng một năm lên tới 600 triệu m<sup>3</sup> gỗ. Vì vậy, cơ hội đối với ngành gỗ ngày một nhiều hơn,



Trong số 10 đối tác CPTPP, Việt Nam có FTA đang có hiệu lực với 07 đối tác (gồm Nhật Bản, Úc, Newzealand, Chi-lê, Brunei, Malaysia, Singapore). Trong các FTA này, Việt Nam đã cam kết xóa bỏ thuế quan (ngay hoặc theo lộ trình – một số ít lộ trình rất dài) với gần như toàn bộ các sản phẩm gỗ. Đối với Canada, Mexico và Peru (03 đối tác mà trước CPTPP chưa có FTA với Việt Nam), mức thuế MFN mà Việt Nam đang áp dụng đối với các sản phẩm gỗ và các sản phẩm gỗ nhập khẩu từ các nước này cũng khá cao: 5,43% đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Chương 44 là 24%. Do đó, CPTPP sẽ làm thay đổi tương đối thuế nhập khẩu đối với gỗ và các sản phẩm gỗ từ các nước CPTPP vào Việt Nam theo hướng giảm mạnh mức thuế cho các sản phẩm đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP.

Đặc biệt, CPTPP sẽ giúp việc mua máy móc, thiết bị và công nghệ từ các quốc gia phát triển như Nhật Bản... được thuận lợi hơn, khi thuế hạ xuống.

### ***7.1. Quy tắc xuất xứ hàng hóa đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ***

Tiêu chí xuất xứ cụ thể áp dụng cho mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ được quy định tại Phụ lục 3-D, Chương 3, Hiệp định CPTPP, và được nội luật hoá tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPPTP. Như vậy, thương nhân có thể tra cứu danh mục PSR bằng tiếng Việt tại Thông tư số 03/2019/TT-BCT.

Đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ có mã HS thuộc Chương 44, thương nhân được áp dụng tiêu chí Chuyển đổi mã số hàng hoá ở cấp độ Nhóm Chương (CTSH), được phép sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ từ Nhóm khác để sản xuất ra mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu theo CPTPP.

### ***7.2. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sử dụng C/O mẫu CPTPP***

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, trong năm 2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang



thị trường các nước CPTPP được các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP đạt 36,9 triệu USD, chiếm khoảng 2% trên tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường các nước này.

### **Bảng 17. Kim ngạch XK mặt hàng sắt thép và sản phẩm sắt thép sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Đơn vị: triệu USD

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Hàng gỗ và sản phẩm gỗ	12,85	23,82	36,9

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ sử dụng C/O mẫu CPTPP tuy còn khá khiêm tốn nhưng đã có sự tăng trưởng tốt theo từng năm. Năm 2019, đạt 12,85 triệu USD, đến năm 2020, đã tăng gần gấp hai lần, đạt 23,82 triệu USD, chiếm 1,3% kim ngạch xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường các nước này. Đến năm 2021, sau 03 năm thực thi Hiệp định, kim ngạch xuất khẩu có sử dụng C/O của mặt hàng này sang thị trường các nước CPTPP đã tăng hơn ba lần so với năm đầu tiên thực thi Hiệp định, đạt 36,9 triệu USD. Điều này cho thấy, các doanh nghiệp ngày càng tận dụng tốt ưu đãi thuế quan cho mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ mà Hiệp định mang lại.

#### **7.3. Cơ cấu thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sử dụng C/O mẫu CPTPP**

Thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tại các nước CPTPP sử dụng C/O mẫu CPTPP chủ yếu là Canada, Mexico và Nhật Bản. Trong năm 2021, Canada và Nhật Bản là hai thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam có trị giá C/O mẫu CPTPP được cấp lớn nhất, đạt lần lượt 16,86 triệu USD và 13,08 triệu USD, chiếm tỷ trọng lần lượt là 45,7% và 35,4 trong tổng trị giá C/O mẫu CPTPP đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ.

**Bảng 18. Thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang các nước CPTPP theo C/O mẫu CPTPP**

STT	Thị trường CPTPP	Năm 2019					
		KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)	KNXK (triệu USD)	Tỷ lệ (%)
1	Canada	8,16	63,5	13,05	54,8	16,86	45,7
2	Mexico	0,37	2,9	1,89	7,9	6,75	18,3
3	Nhật Bản	4,12	32	8,53	35,8	13,08	35,4
4	Các nước CPTPP còn lại	0,2	1,6	0,35	1,5	0,21	0,6
Tổng		12,85	100	23,82	100	36,9	100

*Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương*

Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ có tỷ lệ cấp C/O mẫu CPTPP sang các thị trường trên tăng nhanh đáng kể, trung bình tăng gấp 2 - 3 lần sau 03 năm thực thi Hiệp định. Trong đó, Nhật Bản mặc dù là thị trường nhập khẩu hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam nhiều nhất trong khối CPTPP, nhưng tỷ lệ hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường này sử dụng C/O mẫu CPTPP chỉ đạt 0,9% do doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu sử dụng C/O mẫu AJ theo Hiệp định AJCEP (ASEAN - Nhật Bản) và C/O mẫu VJ theo Hiệp định VJEPA (Việt Nam - Nhật Bản) khi xuất khẩu sang thị trường này.

Dịch COVID-19 đang tác động toàn diện đến thói quen tiêu dùng và cơ cấu chi tiêu. Xu hướng tăng cường các hoạt động gắn với khuôn viên ngoài trời quanh nhà (vườn nhà) đang thúc đẩy nhu cầu về đồ gỗ ngoài trời. Dịch COVID-19 buộc người dân phải ở nhà nhiều hơn, người dân càng có xu hướng gia tăng nhu cầu sử dụng không gian sân vườn và các tiện ích nội thất đi kèm như bàn, ghế, xích đu gỗ, giá kệ ngoài trời...

Tăng cường năng lực cạnh tranh là giải pháp bền vững để ngành chế biến xuất khẩu gỗ Việt Nam có thể phát triển bền vững. Để làm được việc này, ngành gỗ cần chú ý một số giải pháp sau:

- Tiếp cận và đổi mới công nghệ sản xuất.

- Có kế hoạch đào tạo lao động bài bản, thích nghi với máy móc, công nghệ mới
- Cải thiện quy trình sản xuất, quản lý chuỗi sản xuất phù hợp với công nghệ sử dụng, kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu, hạn chế tình trạng lãng phí nguyên liệu.
- Nâng cao năng lực thiết kế sản phẩm, thương hiệu...



**PHẦN III**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN  
QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ  
HIỆP ĐỊNH CPTPP CỦA  
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**





## 1. Giới thiệu về thu thập thông tin từ doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam

Để thu thập thông tin thực tiễn về việc thực hiện CPTPP của doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu của Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương tiến hành thu thập thông tin từ các doanh nghiệp xuất nhập khẩu về việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP trong vòng 01 tháng (từ 15/8/2022 đến 15/9/2022) với thông tin cơ bản như sau:

- Về hình thức thu thập thông tin: Việc thu thập thông tin được triển khai trực tuyến (online), với Phiếu thu thập thông tin được thiết kế trên một đường dẫn trực tuyến (web link) riêng, gửi cho các đối tượng trong mẫu khảo sát qua địa chỉ thư điện tử (email) của họ;
- Về phạm vi khảo sát: Khảo sát được thực hiện từ 15/8/2022 đến 15/9/2022, tức là sau khi CPTPP có hiệu lực hơn 3,5 năm. Nội dung thu thập thông tin tập trung tìm hiểu tình hình thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá trong thời gian vừa qua của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam;
- Về đối tượng thu thập thông tin: Doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam đã, đang và chuẩn bị có hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá với các nước thành viên CPTPP, tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp xuất khẩu đang đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP tại các cơ quan, tổ chức cấp C/O.

Về nội dung thu thập thông tin, Phiếu thu thập thông tin được thiết kế để thu thập 4 nội dung chính, bao gồm:

- (i) Tổng quan về doanh nghiệp;
- (ii) Hiểu biết của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ hàng hóa của Hiệp định CPTPP;
- (iii) Thực tế việc áp dụng Quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP của doanh nghiệp;
- (iv) Đánh giá của doanh nghiệp về việc thực hiện và đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hoá Hiệp định CPTPP;
- (v) Định hướng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp với các đối tác tại nước thành viên Hiệp định CPTPP;

Sau 30 ngày kể từ ngày tiến hành Thu thập thông tin, dữ liệu, tổng số phiếu thu về là 276 phiếu. Cơ sở dữ liệu được hình thành, phân tích và nhận định dựa trên thông tin, dữ liệu thu thập được từ 276 phiếu này.

### **1.1. Phân theo địa bàn thu thập thông tin, dữ liệu**

Số lượng và cơ cấu phiếu thu về phân theo địa bàn thu thập thông tin, dữ liệu cụ thể tại bảng dưới đây:

**Bảng 19. Số lượng phiếu theo địa bàn thu thập thông tin, dữ liệu**

STT	Địa bàn tỉnh, thành phố	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Nai	25	9.1%
2	TP. Hồ Chí Minh	25	9.1%
3	Bình Dương	23	8.3%
4	Thái Bình	22	8.0%
5	Nghệ An	21	7.6%
6	Ninh Bình	20	7.2%
7	Bà Rịa - Vũng Tàu	16	5.8%
8	Hải Dương	14	5.1%
9	Hải Phòng	13	4.7%
10	Thừa Thiên Huế	11	4.0%
11	Quảng Nam	10	3.6%
12	Nam Định	7	2.5%
13	Thanh Hóa	7	2.5%
14	Đà Nẵng	7	2.5%
15	Thanh Hoá	6	2.2%
16	Hưng Yên	5	1.8%
17	Tỉnh, thành phố khác	44	15.9%
Tổng		276	100

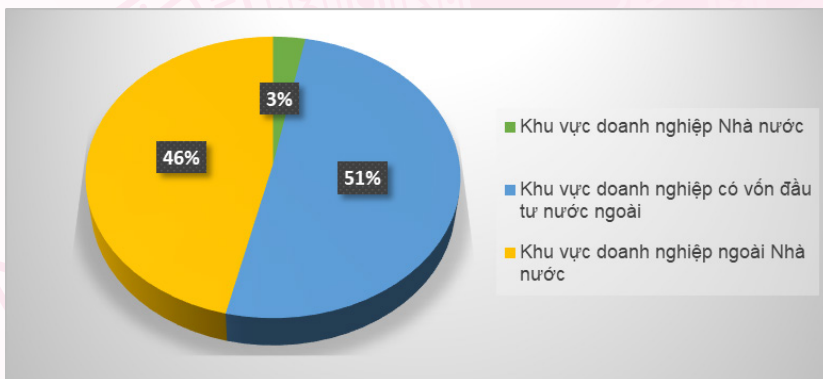
Nguồn: Kết quả thu thập thông tin, dữ liệu

Theo đó, số lượng phiếu và kết quả thu về tập trung cao nhất tại Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh, đạt 25 phiếu, chiếm tương ứng 9,1% tổng số lượng phiếu thu về. Tiếp đó là Bình Dương (đạt 23 phiếu, chiếm 8,3%), Thái Bình (đạt 22 phiếu, chiếm 8%), Nghệ An (đạt 21 phiếu, chiếm 7,6%) ...

### **1.2. Phân theo cơ cấu vốn của doanh nghiệp**

Trong tổng số 276 phiếu thu thập thông tin, dữ liệu thu về, có 140 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), chiếm 50,7% tổng số phiếu; 128 doanh nghiệp tư nhân trong nước (chiếm 46,3% tổng số phiếu) và chỉ có 8 doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước (chiếm 3,0% tổng số phiếu).

**Biểu đồ 9. Cơ cấu các thành phần kinh tế tham gia Thu thập thông tin, dữ liệu**



Nguồn: Kết quả thu thập thông tin, dữ liệu

### **1.3. Cơ cấu lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu**

Trong 276 doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu, có 8 doanh nghiệp kinh doanh đa lĩnh vực, và 268 doanh nghiệp chỉ kinh doanh một lĩnh vực nhất định. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu là Dệt may, chiếm 32,0%; tiếp theo là điện tử (chiếm 9,2%), thực phẩm chế biến (chiếm 8,8%), da giày (chiếm 8,1%)...

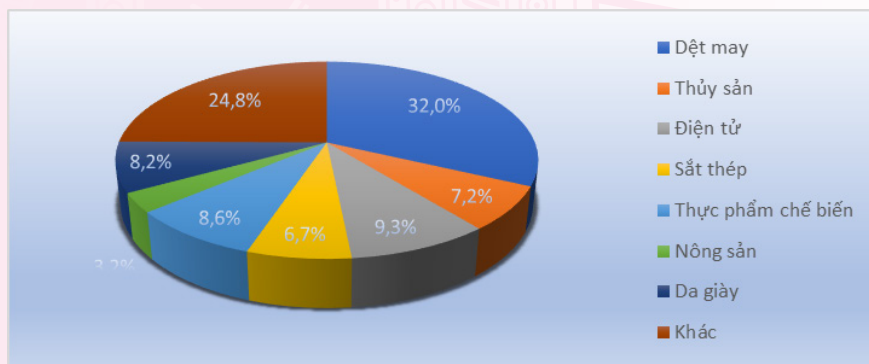


**Bảng 20. Cơ cấu lĩnh vực kinh doanh các doanh nghiệp tham gia Thu thập thông tin, dữ liệu**

STT	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng	Tỷ lệ
1	Dệt may	91	32.0%
2	Thủy sản	20	7.0%
3	Điện tử	26	9.2%
4	Sắt thép	19	6.7%
5	Thực phẩm chế biến	25	8.8%
6	Nông sản	9	3.2%
7	Da giày	23	8.1%
8	Các lĩnh vực khác	71	25.0%
Tổng		284	100%

Nguồn: Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

**Biểu đồ 10. Lĩnh vực kinh doanh các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu**



Nguồn: Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

#### **1.4. Cơ cấu phương thức kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu**

Tương tự như lĩnh vực kinh doanh, trong số 276 doanh nghiệp tham gia Thu thập thông tin, dữ liệu có 38 doanh nghiệp đang kinh doanh đa phương thức và 238 doanh nghiệp kinh doanh theo một phương thức đơn thuần.

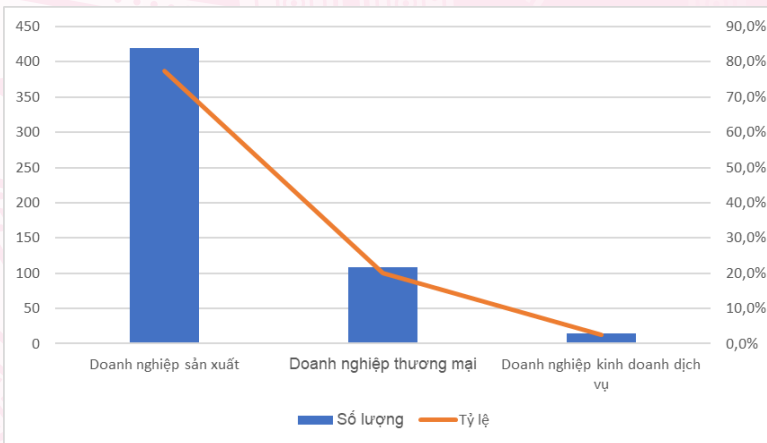
**Bảng 21. Phương thức kinh doanh các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu**

STT	Phương thức kinh doanh	Số lượng	Tỷ lệ
1	Doanh nghiệp sản xuất	241	76,8%
2	Doanh nghiệp thương mại	65	20,7%
3	Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ	8	2,5%
Tổng		314	100,0%

Nguồn: Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

Xét chung về phương thức kinh doanh, các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất chiếm 76,8%, tiếp theo là thương mại (chiếm 20,7%) và chỉ có khoảng 2,5 % số lượng doanh nghiệp được hỏi có tham gia kinh doanh dịch vụ.

**Biểu đồ 11. Phương thức kinh doanh các doanh nghiệp tham gia thu thập thông tin, dữ liệu**



Nguồn: Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

## 2. Thực tế thực hiện và đánh giá của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP

### 2.1. Hiểu biết của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP

Hiểu biết về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại các FTA là điều kiện tiên

quyết và bắt buộc để doanh nghiệp xuất nhập khẩu có thể xác định được hàng hoá của mình có phải là hàng hoá có xuất xứ theo hiệp định hay không, để từ đó xác định hàng hoá có được hưởng các ưu đãi thuế quan hay không. Từ góc độ này, hiểu biết của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ với một FTA là rất có ý nghĩa. CPTPP là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, với các quy định phức tạp về quy tắc xuất xứ thì vấn đề hiểu biết, kiến thức của doanh nghiệp về cam kết này là đặc biệt quan trọng.

#### *Về mức độ hiểu biết của doanh nghiệp*

Kết quả thu thập thông tin, dữ liệu cho thấy có tới 94% doanh nghiệp có hiểu biết về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP. Trong đó, chỉ có khoảng 5% doanh nghiệp hiểu rõ về quy tắc xuất xứ CPTPP, gần 20% biết khá rõ, còn lại đến 69% chỉ biết qua hoặc có nghe nói về quy tắc xuất xứ CPTPP. Trong 276 doanh nghiệp được thu thập thông tin, chỉ có 5,8% doanh nghiệp không biết về quy tắc xuất xứ hàng hoá CPTPP.

**Bảng 22. Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPPTP**

STT	Mức độ quan tâm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Biết rõ	13	5.1%
2	Biết khá rõ	55	19.9%
3	Nghe nói + Biết qua	191	69.2%
4	Không biết	16	5.8%
Tổng		276	100

*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

So sánh giữa các nhóm doanh nghiệp, kết quả thu thập thông tin cho thấy mức độ hiểu biết về quy tắc xuất xứ tại Hiệp định CPTPP giữa các nhóm doanh nghiệp mặc dù không hoàn toàn đồng đều, nhưng cũng không cách nhau quá xa. Cụ thể, các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài có tỷ lệ biết về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP cao nhất (29,7%), tiếp đến là các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước (27,3%). Doanh nghiệp dân doanh thuộc nhóm ít biết về CPTPP nhất, cũng đạt mức 22,6%.

Sự khác biệt nhất định trong hiểu biết về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP giữa các nhóm doanh nghiệp phản ánh thực tế chung của hoạt động kinh doanh ở các nhóm này:

- Doanh nghiệp FDI là nhóm chiếm tỷ lệ cao nhất về xuất nhập khẩu, có mối quan tâm đặc biệt tới các vấn đề về bảo hộ và mở cửa đầu tư, đồng thời khá bài bản trong các vấn đề về chính sách, pháp lý, do đó suy đoán, có động lực cao trong tìm hiểu các cam kết FTA thế hệ mới như CPTPP;

- Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước phần lớn là các doanh nghiệp có điều kiện về nhân lực trong các lĩnh vực pháp chế, hội nhập và cũng có nguồn lực nhất định cho nghiên cứu chính sách nên có điều kiện tốt hơn để tìm hiểu về các cam kết FTA. Thậm chí, với một FTA như CPTPP, tỷ lệ “biết rõ” của các doanh nghiệp này như chỉ ra trong khảo sát có lẽ là còn khiêm tốn;

- Với các doanh nghiệp dân doanh, mà phần lớn là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ, có thể hạn chế về nhiều khía cạnh cả về nguồn lực và năng lực khiến doanh nghiệp ít có điều kiện để biết một cách đầy đủ về cam kết CPTPP liên quan tới mình.

### *Hình thức tìm hiểu thông tin về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong CPTPP*

Trong 276 doanh nghiệp được thu thập thông tin, số ý kiến về hình thức tìm hiểu thông tin về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP là 613 ý kiến (doanh nghiệp có thể lựa chọn cùng lúc nhiều hình thức mà mình đã áp dụng). Theo đó, hình thức tìm hiểu thông tin phổ biến nhất là thông qua các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước, chiếm đến 31% ý kiến trả lời. Tiếp đến là hình thức tìm hiểu qua các hội thảo, hội nghị, khoá đào tạo phổ biến (chiếm gần 28,9%). Ngoài ra còn có các hình thức khác, như tìm hiểu thông tin trên Internet (17,3%), tìm hiểu thông qua đối tác kinh doanh (14,4%) hay đào tạo nội bộ (8,16%).

Nhìn trên bề mặt, có thể doanh nghiệp dân doanh không có nhiều điều kiện về thời gian, nhân lực, tiền bạc để tìm hiểu sâu về các cam kết mới và phức tạp của CPTPP so với 2 nhóm còn lại. Mặc dù vậy, trong



bối cảnh phân lớn các cam kết cơ bản của CPTPP ở Việt Nam hiện đang được nhiều cơ quan, đơn vị (đặc biệt là Bộ Công Thương) tổ chức miễn phí các hội thảo, hội nghị, khoá tập huấn về quy tắc xuất xứ cho các doanh nghiệp thì vấn đề dường như nằm ở sự quan tâm và chủ động của doanh nghiệp trong tiếp cận các thông tin này.

**Bảng 23. Hình thức tìm hiểu thông tin về quy tắc xuất xứ hàng hóa của CPTPP**

STT	Hình thức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước	190	31.00%
2	Các hội thảo, hội nghị, khoá đào tạo phổ biến của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức	177	28.87%
3	Đào tạo nội bộ hoặc đào tạo từ các cơ sở tư nhân	50	8.16%
4	Tìm hiểu thông tin trên Internet	105	17.13%
5	Tìm hiểu thông tin qua đối tác kinh doanh	88	14.36%
6	Khác	3	0.49%
Tổng		613	100

*Nguồn: Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu*

## **2.2. Đánh giá của doanh nghiệp về việc thực hiện và đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP**

### *Về đánh giá chung của doanh nghiệp*

Kết quả thu thập thông tin cho thấy, 80% doanh nghiệp nhận thấy quy tắc xuất xứ trong CPTPP mới và chặt hơn so với các FTA khác, trong đó, 47,8% doanh nghiệp cho rằng khó đáp ứng được quy định này, còn lại 32,25% cho rằng vẫn có thể đáp ứng được. Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP linh hoạt và có thể đáp ứng được là gần 20%.

**Bảng 24. Đánh giá của doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ Hiệp định CPTPP**

STT	Hình thức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tương đối linh hoạt và có thể đáp ứng được	55	19.93%
2	Mới và chặt hơn so với các FTA nhưng vẫn có thể đáp ứng được	89	32.25%
3	Mới và chặt hơn so với các FTA nên khó đáp ứng được	132	47.83%
Tổng		267	100

*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

### *Khả năng đáp ứng về quy tắc xuất xứ hàng hoá CPTPP*

Theo kết quả thu thập thông tin, về cơ bản doanh nghiệp có thể đáp ứng được yêu cầu về hồ sơ, chứng từ đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP theo quy định (chiếm 62,17%).

Tuy nhiên, vẫn có những trường hợp không đáp ứng do hai nguyên nhân chính là không đáp ứng được hồ sơ, chứng từ để chứng minh hoặc người sản xuất nguyên liệu không hợp tác cung ứng chứng từ chứng minh nguyên liệu. Như vậy, việc sử dụng nguyên liệu từ nguồn mua trong nước hay nhập khẩu thì người sản xuất người chứng nhận xuất xứ phải đảm bảo chắc chắn rằng nhà cung cấp nguyên liệu sẽ hỗ trợ mình trong việc chứng minh hàng hoá có xuất xứ theo Hiệp định CPTPP, ngay cả trong quá trình xác minh xuất xứ sau này khi hàng hoá đã được thông quan tại nước nhập khẩu xong rồi.

Xét theo nhóm doanh nghiệp, quy tắc xuất xứ tại Hiệp định CPTPP nhận được đánh giá lạc quan nhất từ các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp dân doanh, với lần lượt 51,7% và 50,5% doanh nghiệp của các nhóm này cho rằng quy tắc xuất xứ CPTPP có tác động tích cực tới hoạt động kinh doanh thời gian qua của họ. Tuy nhiên, ở góc độ ngược lại, khối dân doanh lại có tỷ lệ cho rằng CPTPP có tác động bất lợi cho họ cao gấp 3 lần nhóm FDI (6,8% so với 2,2%).

**Bảng 25. Khả năng đáp ứng về quy tắc xuất xứ hàng hóa CPTPP**

STT	Hình thức	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đáp ứng được yêu cầu về hồ sơ, giấy tờ cấp C/O mẫu CPTPP	189	62.17%
2	Nhiều trường hợp không đáp ứng được hồ sơ, giấy tờ và quy trình sản xuất	91	29.93%
3	Nhiều trường hợp không cung ứng được chứng từ do người sản xuất nguyên liệu không cung cấp	24	7.89%
Tổng		304	100

*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

Trên thực tế, sự khác nhau này có thể lý giải được, khi phần lớn doanh nghiệp FDI có năng lực cạnh tranh tương đối, chiếm thị phần chủ yếu trong xuất nhập khẩu và thuộc diện được bảo hộ theo các FTA trong đó có CPTPP, do đó suy đoán được hưởng lợi nhiều mà ít bị ảnh hưởng bởi các tác động tiêu cực từ các Hiệp định. Trong khi đó doanh nghiệp dân doanh phân bố ở nhiều dải quy mô, lợi ích, năng lực cạnh tranh khác nhau. Trước tác động của mở cửa thị trường và thể chế theo CPTPP và các FTA, tỷ lệ các doanh nghiệp dân doanh có thể hưởng lợi từ các hiệp định này cao, nhưng chịu ảnh hưởng bất lợi cũng là đáng kể so với các nhóm khác.

Đáng chú ý là đánh giá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước về tác động của CPTPP và các FTA tới hoạt động kinh doanh của họ.

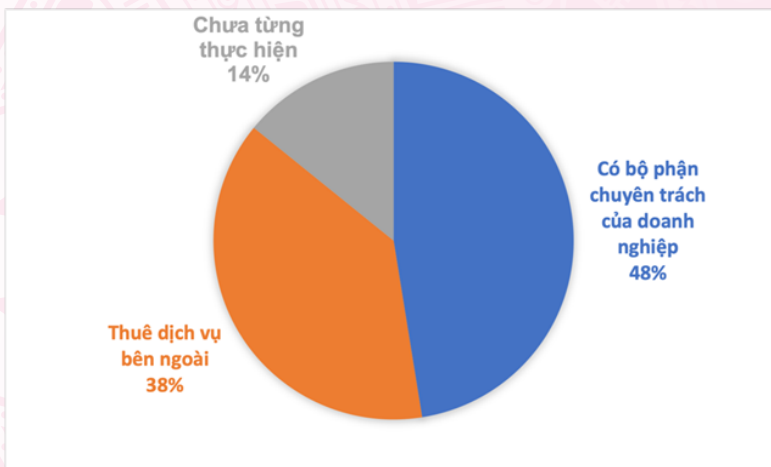
Với 63,6% cho rằng quy tắc xuất xứ tại CPTPP không tác động hoặc tác động ít tới hoạt động kinh doanh, hoặc nếu có thì lợi với bất lợi đan xen (tỷ lệ cao gần gấp rưỡi so với tỷ lệ FDI hoặc dân doanh có lựa chọn tương tự), nhóm doanh nghiệp này tỏ ra tương đối ít bị ảnh hưởng bởi CPTPP. Kết quả thu thập thông tin của nhóm doanh nghiệp này với các FTA khác ngoài CPTPP cũng cho thấy tình trạng tương tự. Đồng thời, trong khi tỷ lệ đánh giá CPTPP có tác động tích cực tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhóm này là thấp nhất (27,3%), thậm chí chỉ bằng phân nửa tỷ lệ của FDI hay dân doanh thì ngược lại, tỷ lệ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước cho biết CPTPP có tác động bất lợi với họ ở mức khác nhau lại cao nhất trong 03 nhóm (9,1%). Tình trạng này cũng xảy ra phổ biến với đa số các FTA khác trong cùng khảo sát.

### 2.3. Thực tế hoạt động đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP của doanh nghiệp xuất khẩu

*Doanh nghiệp thực hiện xin C/O mẫu CPTPP như thế nào*

Kết quả thu thập thông tin cho thấy, 131/276 doanh nghiệp tự thực hiện nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP do có bộ phận chuyên trách thực hiện, chiếm 48%. 106 doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thuê ngoài để chuẩn bị hồ sơ (chiếm 38%). Chỉ có khoảng 14% doanh nghiệp chưa từng thực hiện hồ sơ đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP tại các cơ quan, tổ chức cấp.

**Biểu đồ 12. Cách thức xin cấp C/O mẫu CPTPP của doanh nghiệp**



*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

Qua trao đổi, hầu hết các doanh nghiệp cho biết việc xin C/O mẫu CPTPP này là do yêu cầu của đối tác mua hàng, nhằm mục đích cho hàng hoá nhập khẩu tại nước thành viên nhập khẩu CPTPP được hưởng ưu đãi thuế quan. Bên cạnh đó, 25% doanh nghiệp cho biết lý do sử dụng C/O mẫu CPTPP là để gia tăng tính cạnh tranh cho hàng hoá xuất khẩu và mở rộng được thị trường xuất khẩu trên thế giới. Duy chỉ có khoảng 12% doanh nghiệp cho biết không có nhu cầu sử dụng dịch vụ. Trong các trường hợp không có nhu cầu sử dụng C/O mẫu CPTPP, các nguyên nhân thu được từ doanh nghiệp bao gồm: mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đã có thuế suất thuế quan nhập khẩu bên nước thành viên CPTPP là



0% hoặc mức thấp hơn ở một số các FTA khác. Do đó, họ không có nhu cầu xin cấp C/O mẫu CPTPP. Một số nguyên nhân khác được nhắc đến đó là do không biết có mẫu C/O mẫu CPTPP và hàng nhập khẩu không yêu cầu mẫu C/O này.

Các doanh nghiệp đã hoặc đang xác định xuất xứ hàng hoá để được cấp C/O mẫu CPTPP cũng cho biết thêm, cơ sở pháp lý chủ yếu mà họ sử dụng để xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam bao gồm:

- Luật Quản lý ngoại thương 2017 số 05/2017/QH14;
- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;
- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;
- Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá Hiệp định CPTPP;
- Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BCT;
- Thông tư số 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ Công Thương quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

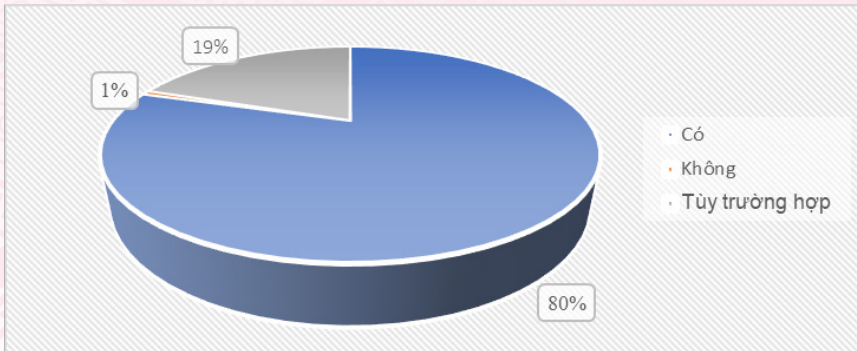
Có thể thấy, nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu được thu thập thông tin đã có hiểu biết và kiến thức nhất định về hệ thống văn bản pháp luật về xuất xứ hàng hóa nói chung và quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định nói riêng. Điều này giúp ích rất nhiều cho doanh nghiệp trong quá trình thực thi CPTPP.

#### ***2.4. Thực tế việc chứng minh hàng hoá có xuất xứ và sử dụng chứng từ chứng nhận xuất xứ để được hưởng ưu đãi theo CPTPP***

Theo khảo sát, có tới 80% doanh nghiệp được hỏi cho biết họ biết và nắm rõ thông tin về nguồn nguyên liệu phục vụ quá trình sản xuất; 19% doanh nghiệp không chắc chắn và chỉ có 1% doanh nghiệp chọn không. Đây là tỷ lệ tương đối tích cực và khả quan. Việc nắm càng rõ các thông tin về nguồn nguyên liệu đầu vào, tham gia quá trình sản xuất ra hàng hóa cuối cùng giúp ích rất nhiều trong công tác

xác định và ghi nhãn hàng hóa sản xuất tại Việt Nam sau này cho các doanh nghiệp nói chung.

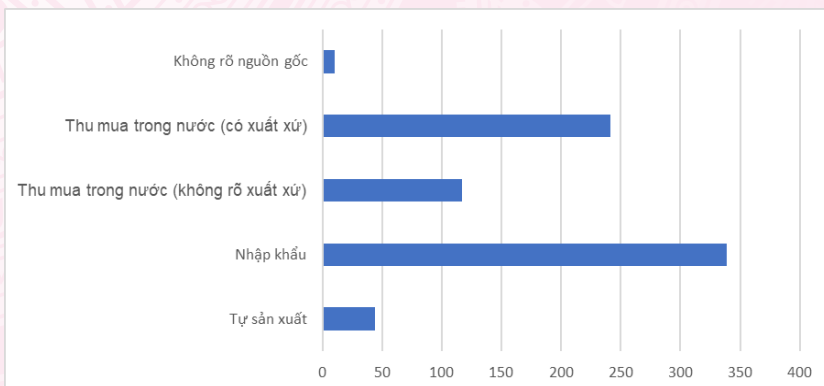
### **Biểu đồ 13. Khả năng nắm rõ về nguồn nguyên liệu của doanh nghiệp**



*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

Kết quả thu thập thông tin, dữ liệu từ 241 doanh nghiệp có hoạt động sản xuất trên tổng số 276 doanh nghiệp tham gia khảo sát cho thấy nguồn gốc nguyên liệu mà các doanh nghiệp này đang sử dụng tương đối đa dạng. Trong đó, nguyên liệu nhập khẩu được sử dụng nhiều nhất (45,1% câu trả lời), tiếp theo là nguyên liệu thu mua trong nước và có xuất xứ (chiếm 32,1%), nguyên liệu thu mua trong nước nhưng không rõ xuất xứ (chiếm 15,6%), nguyên liệu tự sản xuất (5,9%) và chỉ có 1,3% câu trả lời là nguyên liệu không rõ nguồn gốc.

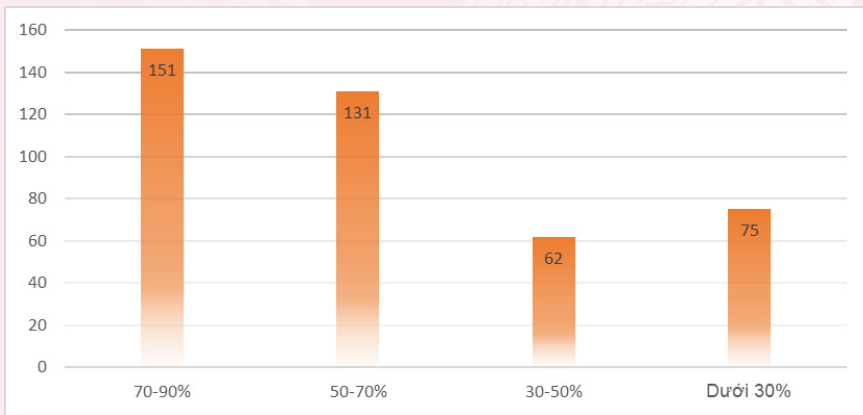
### **Biểu đồ 14. Nguồn nguyên liệu được sử dụng chủ yếu của doanh nghiệp**



*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

Kết quả thu thập thông tin, dữ liệu cũng cho thấy, tỷ trọng nguồn nguyên liệu nhập khẩu đang ở mức khá cao ở hầu hết các doanh nghiệp có sử dụng nguồn nguyên liệu này. Có 36% ý kiến trao đổi rằng tỷ lệ này đang ở mức 70 - 90% tổng giá trị nguồn nguyên liệu; 31,1% ở mức 50 - 70% tổng giá trị nguồn nguyên liệu; 14,8% ở mức 30 - 50% và chỉ có 17,9% cho rằng tỷ trọng nguồn nguyên liệu nhập khẩu chiếm dưới 30% tổng giá trị nguồn nguyên liệu được sử dụng.

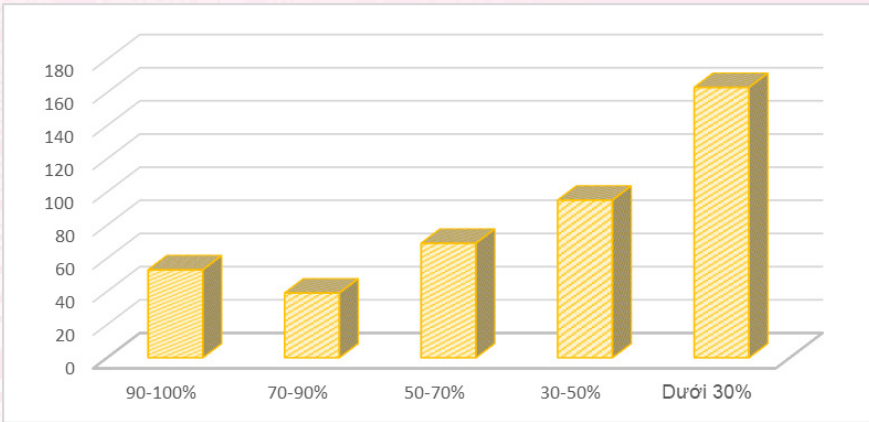
**Biểu đồ 15. Tỷ trọng nguyên liệu nhập khẩu trong cơ cấu nguồn nguyên liệu**



*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

Bên cạnh nguồn nguyên liệu nhập khẩu, nguyên liệu trong nước có xuất xứ cũng được sử dụng nhưng không cao. Có tới 98/276 doanh nghiệp (tương ứng 35,5%) cho biết tỷ trọng nguyên liệu trong nước có xuất xứ chiếm chưa đến 30% tổng nguồn nguyên liệu đầu vào; 57/276 doanh nghiệp (20,7%) cho biết tỷ trọng này ở mức 30 - 50%; 16,5% doanh nghiệp cho biết tỷ lệ này ở mức 50 - 70% và chỉ có 55 doanh nghiệp, tương ứng 20% cho biết tỷ lệ này đạt từ 70 - 100%.

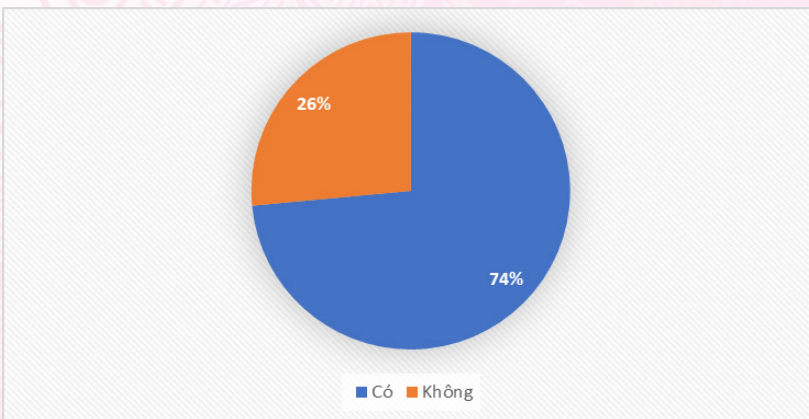
**Biểu đồ 16. Tỷ trọng nguyên liệu có xuất xứ Việt Nam trong cơ cấu nguồn nguyên liệu**



*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu

Thống kê chỉ ra, có tới 185/276 doanh nghiệp sản xuất (tương đương 67%) được trang bị hệ thống kiểm soát và phân loại nguyên liệu đầu vào. Đây là một quy trình không chỉ giúp doanh nghiệp đảm bảo sản xuất không bị gián đoạn, cung cấp chất lượng vật liệu cần thiết, giảm thiểu lãng phí và thất thoát vật liệu, kiểm soát vốn đầu tư vào kho nguyên vật liệu mà còn hỗ trợ trong công tác xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam theo quy định sau này.

**Biểu đồ 17. Thống kê doanh nghiệp trang bị hệ thống kiểm soát và phân loại nguyên liệu đầu vào**



*Nguồn:* Kết quả Thu thập thông tin, dữ liệu



Rõ ràng, việc sử dụng chủ yếu nguồn nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu thu mua trong nước (có xuất xứ) là lợi thế rất lớn cho các doanh nghiệp sản xuất có nhu cầu xác định hàng hoá có xuất xứ theo CPTPP. Đối với các doanh nghiệp đang sử dụng các nguồn nguyên liệu không có hoặc không xác định được xuất xứ khác, để đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ tại Hiệp định một cách thuận lợi, cần đẩy nhanh việc chuyển đổi sang các nguyên liệu có xuất xứ trong thời gian sớm nhất.

#### *Về sử dụng C/O mẫu CPTPP để hưởng ưu đãi thuế quan*

Theo thông tin thu thập được từ một cuộc khảo sát của VCCI, Canada là thị trường có tỷ lệ doanh nghiệp từng tận dụng được ưu đãi thuế quan CPTPP cao nhất, với 50% doanh nghiệp từng xuất nhập khẩu với CPTPP có ít nhất một lô hàng xuất/nhập khẩu được hưởng lợi từ cam kết này. Cùng là thị trường mới như Canada, nhưng với Mexico, tỷ lệ doanh nghiệp từng hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP chỉ bằng phân nửa (26%).

Với các thị trường còn lại, tỷ lệ doanh nghiệp đã từng hưởng ưu đãi CPTPP dao động từ 21 - 29%. Đây đều là các thị trường đã có chung với Việt Nam từ 1 đến 7 FTA trước CPTPP. Do đó, tỷ lệ các doanh nghiệp có lô hàng hưởng ưu đãi theo CPTPP thấp trong hai năm vừa qua cũng là điều được dự báo trước.

Với Canada, kết quả này là một tín hiệu tích cực. Ở một thị trường với cơ cấu hàng hóa không cạnh tranh trực tiếp, lại chưa từng có FTA nào với Việt Nam trước CPTPP16, việc các doanh nghiệp tranh thủ tối đa cơ hội thuế quan từ CPTPP để tiếp cận thị trường này cũng là điều dễ hiểu. Dù thế, việc các doanh nghiệp Việt Nam thực sự xâm nhập và hưởng lợi từ hoạt động xuất nhập khẩu với thị trường này nhờ CPTPP ngay trong những năm đầu thực thi là tín hiệu lạc quan về năng lực tận dụng ưu đãi thuế quan từ Hiệp định của các doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều FTA trước của Việt Nam không làm được điều này.

#### ***2.5. Ảnh hưởng của đại dịch COVID 19 đến hoạt động của doanh nghiệp và việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá CPTPP***

Trong khoảng thời gian từ khi CPTPP có hiệu lực tới hiện tại, đã có hơn phân nửa là giai đoạn bất thường. Từ đầu năm 2020, đại dịch

COVID-19 với các diễn biến phức tạp ở Việt Nam cũng như các khu vực trên thế giới đã gây ra những tác động nặng nề ở các mức độ khác nhau tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có tỷ trọng thương mại quốc tế lớn.

Tính đến trung tuần tháng 09/2021, theo Tổng cục Thống kê, có tới trên 80% doanh nghiệp chịu tác động tiêu cực do ảnh hưởng của COVID-19, phần lớn là các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ, sản xuất công nghiệp và xây dựng. Tất nhiên vẫn có một số ít doanh nghiệp (3,3%) nhận được ảnh hưởng tích cực từ đại dịch, chủ yếu trong các ngành mà người dân có nhu cầu cao trong đại dịch như y tế, bảo hiểm, bưu chính, chuyển phát... Thiệt hại từ đại dịch được thể hiện rõ trong sự sụt giảm doanh thu của doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp quy mô càng nhỏ thì mức giảm càng lớn. Lực lượng lao động trong các doanh nghiệp cũng giảm mạnh so với trước khi có dịch, trong đó khu vực ghi nhận mức giảm sâu nhất là các doanh nghiệp dân doanh siêu nhỏ, nhỏ và vừa, doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng. Khó khăn về vốn cho sản xuất kinh doanh là vấn đề chung của hầu hết các doanh nghiệp.

Còn theo Báo cáo “Tác động của dịch bệnh COVID-19 đến doanh nghiệp Việt Nam” do VCCI phối hợp với Ngân hàng Thế giới thực hiện dựa trên kết quả điều tra doanh nghiệp 2020 công bố tháng 03/2021, tình hình ở thời điểm cuối năm 2020 còn kém khả quan hơn. 87,2% doanh nghiệp cho biết chịu ảnh hưởng ở mức “phần lớn” hoặc “hoàn toàn tiêu cực” từ đại dịch. Chỉ 11% doanh nghiệp cho biết “không bị ảnh hưởng gì” và gần 2% ghi nhận tác động “hoàn toàn tích cực” hoặc “phần lớn tích cực”. Cả khu vực doanh nghiệp dân doanh và FDI đều bị ảnh hưởng nặng nề. Trong số các nhóm doanh nghiệp, đối tượng chịu ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn cả là các doanh nghiệp mới hoạt động dưới 3 năm và các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, nhỏ. Tác động của dịch Covid-19 với doanh nghiệp ở một số ngành là đặc biệt lớn. Điều này xảy ra với doanh nghiệp tư nhân trong các ngành may mặc (97%), thông tin truyền thông (96%), sản xuất thiết bị điện (94%).

Trong bối cảnh khó khăn như vậy, cùng với chiến lược phòng chống dịch hiệu quả, chính sách điều hành kinh tế linh hoạt và các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ, CPTPP và các FTA đã có của Việt Nam cũng là trợ lực có ý nghĩa cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu.

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Chính phủ, các Bộ, ngành đã nỗ lực xây dựng các giải pháp ứng phó với những tình huống chống dịch ở mức cao nhất, thực hiện “mục tiêu kép” - đảm bảo tăng trưởng trong khi giữ được hiệu quả của công tác phòng chống dịch theo tinh thần Nghị quyết số 128/NQ-CP. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đặc biệt quan tâm đến chỉ đạo công tác đẩy mạnh xuất khẩu. Ngay từ đầu quý II năm 2021, khi đợt dịch COVID-19 lần này còn chưa diễn biến phức tạp, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương xây dựng Đề án Phát triển xuất nhập khẩu bền vững trong những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022. Sau đó Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 để các Bộ, ngành, địa phương cùng triển khai thực hiện.

Ngoài ra, doanh nghiệp Việt Nam đã thích ứng nhanh, linh hoạt trong đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu, tận dụng đà phục hồi của các thị trường trọng điểm. Doanh nghiệp khai thác tương đối hiệu quả các ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA mang lại để tăng trưởng xuất khẩu. Hoạt động sản xuất, xuất khẩu cũng đã nhanh chóng được phục hồi trong quý IV, góp phần tăng trưởng mạnh mẽ xuất khẩu, đưa cán cân thương mại từ nhập siêu chuyển sang xuất siêu.

Nhờ đó, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đã có sự tăng trưởng ngoạn mục, trở thành điểm sáng của nền kinh tế, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt kỷ lục 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, đưa Việt Nam vào nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại quốc tế; trong đó xuất khẩu tăng 19%, nhập khẩu tăng 26,5%.



## ***2.6. Hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá CPTPP***

*Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hoá*

Hệ thống quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hoá được xây dựng và ban hành đầy đủ, chặt chẽ và thống nhất, có ảnh hưởng tích cực đến việc xác định xuất xứ của hàng hoá. Khi đó, người thực hiện việc xác định xuất xứ của hàng hoá có thể dựa trên các văn bản quy phạm hướng dẫn này để thực hiện một cách đầy đủ và chính xác việc xác định xuất xứ của hàng hoá.

Hiện nay, đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, Việt Nam có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hoá khá đầy đủ và chặt chẽ, là cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện việc xác định xuất xứ của hàng hoá. Tương tự, khi CPTPP được thực thi và đi vào có hiệu lực, Bộ Công Thương đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn về quy tắc xuất xứ hàng hoá làm cơ sở cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu tận dụng các ưu đãi thuế quan mà Hiệp định mang lại.

*Tổ chức các hội thảo, hội nghị phổ biến, tập huấn về quy tắc xuất xứ của CPTPP.*

Hoạt động cấp C/O không tách rời với việc đào tạo, tập huấn kiến thức về xuất xứ hàng hóa giúp doanh nghiệp hiểu đúng, hiểu rõ về lợi ích của C/O cũng như thực hiện đúng, đủ các thủ tục, quy trình cấp C/O, qua đó rút ngắn thời gian, chi phí cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc tập huấn cũng hướng đến cảnh báo nguy cơ về gian lận xuất xứ hàng hóa, phòng tránh, ngăn chặn hành vi chuyển tải hàng hóa, gian lận thương mại trong lĩnh vực xuất xứ hàng hóa.

Trong thời gian qua, các cơ quan quản lý nhà nước tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hóa mỗi khi Việt Nam trở thành thành viên một FTA mới. Việc tổ chức phổ biến, tuyên truyền cho doanh nghiệp cũng như các cơ quan, tổ chức cấp C/O đã được đẩy mạnh để trang bị cho doanh nghiệp kiến thức về xuất xứ hàng hóa nhưng chưa thể đáp ứng được nhu cầu. Mỗi năm, Cục Xuất nhập khẩu phối hợp thực hiện hơn 30 - 50 buổi phổ



biên chuyên sâu, tổ chức các buổi tập huấn, tọa đàm trực tiếp và trực tuyến đối với từng khu vực Bắc - Trung - Nam, giải đáp vướng mắc giúp các đơn vị, cơ quan tổ chức cấp C/O như Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp Việt Nam, hiệp hội trong nước tiếp cận và áp dụng các FTA thế hệ mới một cách hiệu quả, góp phần thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam.

Việc áp dụng công nghệ thông tin trong cập nhật, hướng dẫn thông tin cho doanh nghiệp về các văn bản quy phạm pháp luật về xuất xứ hàng hoá được thực hiện thuận tiện, kịp thời, được cộng đồng doanh nghiệp hoan nghênh và đánh giá cao.

Thông qua các hội thảo tuyên truyền và khóa tập huấn, hàng nghìn lượt doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và bộ liên quan được cập nhật thông tin, chia sẻ kiến thức cơ bản về quy tắc xuất xứ ưu đãi và không ưu đãi để vận dụng phù hợp vào quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa hiệu quả, từ đó nâng cao tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan trong các FTA Việt Nam là thành viên. Sau khi được hướng dẫn về nghiệp vụ và quy trình đề nghị cấp C/O cho hàng hóa xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp đã dần hiểu ý nghĩa của tác dụng của C/O, sử dụng C/O như một chứng từ quan trọng để hàng hóa xuất khẩu được hưởng ưu đãi tại thị trường nhập khẩu và có kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng quy định xuất xứ. Các đợt tập huấn theo hướng cầm tay chỉ việc đã giúp doanh nghiệp lựa chọn mẫu C/O phù hợp với hàng hóa của mình, thành thực khai báo C/O, nắm vững quy trình thủ tục đề nghị cấp C/O và tận dụng ưu đãi FTA thông qua xuất xứ hàng hoá.

#### *Quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu CPTPP*

Hiện Việt Nam có 20 cơ quan, tổ chức được ủy quyền cấp C/O mẫu EUR.1, bao gồm Sở Công Thương thành phố Hải Phòng và 19 Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực trên cả nước. Doanh nghiệp thủy sản có thể đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP tại cơ quan, tổ chức cấp gần nhất. Để được cấp C/O mẫu CPTPP, trước hết doanh nghiệp cần đăng ký hồ sơ thương nhân (nếu chưa có hồ sơ thương nhân tại cơ quan, tổ chức cấp). Hồ sơ thương nhân bao gồm: Đăng ký mẫu chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thương nhân hoặc người được ủy quyền ký đơn

đề nghị cấp C/O và C/O và mẫu con dấu của thương nhân; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Danh mục cơ sở sản xuất hàng hóa. Hồ sơ thương nhân có thể được nộp điện tử tại địa chỉ [www.ecosy.gov.vn](http://www.ecosy.gov.vn) hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở của cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP.

Về quy trình khai báo và đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP, doanh nghiệp cần khai báo hồ sơ đề nghị cấp C/O trên eCoSys tại địa chỉ [www.ecosy.gov.vn](http://www.ecosy.gov.vn). Hồ sơ đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP có thể nộp qua ba hình thức: hồ sơ điện tử đăng tải tại Hệ thống eCoSys; hồ sơ giấy nộp trực tiếp tại trụ sở của cơ quan, tổ chức cấp hoặc hồ sơ giấy gửi qua đường bưu điện. Với cả ba hình thức nộp hồ sơ, trả kết quả cấp C/O mẫu CPTPP đều dưới dạng bản giấy. Thời gian trả kết quả cấp C/O mẫu EUR.1 từ 8 đến 24 giờ làm việc tùy vào hình thức nộp hồ sơ.

Để hiểu thêm về quy trình và thủ tục cấp C/O nói chung cũng như C/O mẫu CPTPP nói riêng, doanh nghiệp có thể tham khảo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa.

Để tạo thuận lợi hơn nữa cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp nói chung, cũng như doanh nghiệp xuất khẩu sang các thị trường CPTPP, Bộ Công Thương đang định hướng tập trung nâng cấp và điện tử hoá quy trình, thủ tục cấp C/O. Trong đó có những nội dung đang lưu ý như sau:

- Sử dụng mã QR code cho C/O ưu đãi.
- Trao đổi dữ liệu điện tử với các nước đối tác, trong đó dự kiến sẽ tiến tới thảo luận, đàm phán với các nước thành viên CPTPP.
- Hướng tới mở rộng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá, trước tiên là sửa đổi cơ sở văn bản pháp luật cho phù hợp và đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thực hiện cơ chế này.

### ***2.7. Quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP và định hướng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trong tương lai của doanh nghiệp***

Kết quả thu thập thông tin từ doanh nghiệp cho thấy, sau những trải nghiệm đầy khó khăn của các đợt bùng phát dịch đầu tiên, với giai

đoạn “bình thường mới” hậu COVID-19, các doanh nghiệp đã tỏ thái độ bình tĩnh hơn, với đa số (77,6%) vẫn sẽ tiếp tục hoạt động (gồm 60,4% doanh nghiệp cho biết sẽ tiếp tục hoạt động bình thường, và 17,2% hoạt động cầm chừng, tùy tình hình rồi tính). Kết quả này cho thấy mặc dù đều chịu ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau từ đại dịch, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam vẫn tìm cách xoay sở được và tiếp tục hoạt động trong giai đoạn “bình thường mới”. Tuy nhiên, con số 17,2% các doanh nghiệp hoạt động cầm chừng cho thấy có một tỷ lệ nhất định trong số này có thể sẽ không chịu đựng được quá lâu nếu tình hình dịch diễn biến xấu hơn.

Có 9,4% doanh nghiệp phải chuyển đổi hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực khác hoặc bổ sung thêm lĩnh vực kinh doanh mới để tiếp tục tồn tại trong giai đoạn “bình thường mới”. Đây là nhóm doanh nghiệp suy đoán là phải gánh chịu các tác động nặng nề từ đại dịch, tới mức không thể duy trì hoạt động kinh doanh như trước đây. Mặc dù vậy, trong một chừng mực nhất định, lựa chọn chuyển đổi kinh doanh của doanh nghiệp cho thấy mặc dù bị ảnh hưởng tiêu cực, doanh nghiệp vẫn đủ sự linh hoạt cần thiết để xoay chiều và tồn tại, không bị khuất phục bởi đại dịch.

Chỉ có chưa đầy 1% doanh nghiệp cho biết sẽ buộc phải tạm dừng hoặc chấm dứt vĩnh viễn hoạt động kinh doanh, giải thể doanh nghiệp.

Điểm sáng trong bức tranh này nằm ở con số 13,3% doanh nghiệp vẫn hoạt động kinh doanh rất tốt trong đại dịch, và vì vậy, thậm chí có kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Phần lớn trong số này là các doanh nghiệp dân doanh, cỡ nhỏ hoặc lớn, hoạt động trong các ngành công nghiệp chế tạo, chế biến hoặc dịch vụ cung ứng các sản phẩm đáp ứng các nhu cầu tăng bất thường trong mùa dịch (điện tử, y tế, thực phẩm, chuyển phát...).

Nhìn trong chi tiết của khảo sát, có thể thấy phản ứng trước đại dịch của các nhóm doanh nghiệp là không giống nhau:

Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tỏ ra ổn định và bình tĩnh nhất trong đại dịch, với 81,8% cho biết sẽ tiếp tục hoạt động bình thường, chỉ có một số ít phải chuyển đổi một phần sản xuất kinh doanh hoặc hoạt động cầm chừng;

Doanh nghiệp dân doanh phân nửa vẫn tiếp tục hoạt động bình



thường, nửa còn lại đứng trước nhiều lựa chọn khác nhau trong đại dịch. Đa phần trong số này là những lựa chọn không mong muốn, như chấm dứt hoạt động vĩnh viễn, tạm dừng, hoạt động cầm chừng, chuyển đổi hoạt động trước các tác động bất lợi của đại dịch. Tuy nhiên cũng có một số là lựa chọn tích cực, như mở rộng quy mô kinh doanh đón đầu những cơ hội hiếm hoi từ tình trạng không bình thường này;

Doanh nghiệp FDI có lựa chọn tập trung hơn, với 67% tiếp tục hoạt động bình thường, số còn lại hoặc là hoạt động cầm chừng, hoặc là mở rộng quy mô kinh doanh là chủ yếu.

Một lần nữa có thể khẳng định, đại dịch đang tác động tới dự kiến kinh doanh của doanh nghiệp trong giai đoạn “bình thường mới” hậu COVID-19 theo cách rất khác nhau. Mặc dù đa số doanh nghiệp vẫn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng có thể là tiếp tục trong khó khăn, thậm chí có một tỷ lệ nhỏ là tiếp tục một cách chật vật, hoặc có thể phải dừng hoạt động. Vì vậy, các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ cho doanh nghiệp vẫn là rất cần thiết trong giai đoạn tới, đặc biệt là các doanh nghiệp dân doanh vốn chủ yếu là siêu nhỏ, nhỏ. Đồng thời, các cơ quan, bộ ban ngành, đặc biệt là Bộ Công Thương với vai trò là cơ quan đầu mối về thực thi xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam cũng cần tiếp tục thúc đẩy các công cụ khác có thể trợ giúp doanh nghiệp trong bối cảnh này, trong đó có việc tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá các FTA nói chung cũng như tại Hiệp định CPTPP nói riêng.

*Vai trò của quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP trong giai đoạn “Bình thường mới”*

Theo kết quả thu thập được từ doanh nghiệp, đa số (60% doanh nghiệp) cho rằng CPTPP và các FTA sẽ tương đối hoặc rất hữu ích cho họ trong ứng phó với COVID-19 giai đoạn “bình thường mới” hậu COVID-19, đặc biệt là việc tận dụng tốt các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá để được hưởng ưu đãi thuế quan tại đầu nhập khẩu. Các doanh nghiệp này tin rằng CPTPP và các FTA sẽ tác động tích cực với hoạt động kinh doanh trong thời gian tới, qua đó có thể giúp họ hạn chế được phần nào những thiệt hại gây ra bởi dịch COVID-19. Con số này



lớn hơn mức 50% doanh nghiệp đánh giá cam kết tại CPTPP nói chung cũng như quy định về quy tắc xuất xứ nói riêng có tác động tích cực trong thời gian đã qua.

Cũng như vậy, có khoảng 10% doanh nghiệp cho rằng CPTPP và các FTA hầu như sẽ không có ý nghĩa gì trong việc hỗ trợ hoạt động kinh doanh của họ vượt qua thách thức từ đại dịch. Con số này ít hơn đáng kể so với tỷ lệ hơn 49% doanh nghiệp đánh giá CPTPP và các FTA không tác động gì hoặc tác động lợi - hại ngang nhau trong thời gian trước. Dường như một phần trong số này đã chuyển sang một nhóm khác, nhóm 29% doanh nghiệp không chắc chắn về chuyện thực thi hiệu quả quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP hay các FTA có thể có tác động gì, tiêu cực hay tích cực với hoạt động kinh doanh của họ trong giai đoạn “bình thường mới”. Đây có thể là các doanh nghiệp có cách nhìn thận trọng hơn, mặc dù cho rằng các FTA không có tác động gì trong thời gian trước nhưng biết đâu chúng lại có tác động nào đó, tốt hoặc xấu, tới hoạt động kinh doanh của họ trong tương lai.

Chỉ có chưa đầy 1% doanh nghiệp lo ngại việc không đáp ứng hoặc không tận dụng được quy tắc xuất xứ tại CPTPP và các FTA sẽ gây ra tác động bất lợi, khiến họ khó khăn hơn trong đại dịch.



## PHẦN IV

# MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ HƠN QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HOÁ TẠI HIỆP ĐỊNH CPTPP



## **1. Khuyến nghị với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước**

### **1.1. Về công tác xây dựng chính sách, pháp luật và hoàn thiện hành lang pháp lý về xuất xứ hàng hoá**

Trong thời gian tới, để nội luật hóa các cam kết về quy tắc xuất xứ hàng hoá có lộ trình thực thi muộn hơn (như tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá), công tác rà soát tính tương thích, đánh giá các tác động và dự kiến giải pháp bảo đảm tương thích ở một số chế định pháp luật có cam kết, cần chú ý:

- Việc lên kế hoạch và triển khai rà soát cần phải được thực hiện một cách cẩn trọng, với cách tiếp cận toàn diện và liên ngành, đặc biệt là các trường hợp liên quan cùng lúc nhiều lĩnh vực;

- Vai trò thẩm định kết quả rà soát, kết nối và bao quát các lĩnh vực trong trường hợp có liên quan tới nhiều chế định pháp luật khác nhau của Bộ Tư pháp cần được nhấn mạnh hơn, với sự tham gia sâu hơn và thực chất hơn của cơ quan này vào quá trình rà soát của các bộ ngành chủ trì từng chế định riêng lẻ;

- Quá trình rà soát phải được thực hiện minh bạch, với thông tin rõ ràng và kịp thời về các kết quả rà soát từng thời điểm, đồng thời chú trọng việc tham vấn cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng chịu ảnh hưởng từ các dự thảo kết quả rà soát và giải pháp thể chế dự kiến.

Về tiến độ xây dựng các văn bản thực thi quy tắc xuất xứ hàng hoá Hiệp định CPTPP, từ kinh nghiệm của CPTPP, công tác chuẩn bị cho xây dựng văn bản pháp luật thực thi quy tắc xuất xứ hàng hoá FTA trong thời gian tới cần được thực hiện từ sớm, không chờ tới khi FTA được phê duyệt/phê chuẩn hay chính thức có hiệu lực mới triển khai. Trên thực tế, việc thực thi Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (CPTPP) dường như đã bước đầu khắc phục được tình trạng chậm trễ quá mức trong ban hành các văn bản thực thi. Mặc dù vậy, việc rút kinh nghiệm dường như chưa triệt để, với tiến độ xây dựng văn bản nhanh hơn nhưng phần lớn vẫn chậm so với cam kết.

Những nội dung cần chú ý trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật về xuất xứ hàng hoá nói chung cũng như thực thi quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP nói riêng:



- Quá trình soạn thảo các quy định nội luật hóa cần lấy ý kiến tham vấn rộng rãi các đối tượng chịu tác động và rút kinh nghiệm từ các vướng mắc tương tự với các FTA trước, đặc biệt là nhóm các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ dễ bị tác động từ các vướng mắc trong thực thi các FTA;

- Quá trình triển khai thực thi cần thường xuyên theo dõi tình hình, tập hợp và kịp thời xử lý vướng mắc và điều chỉnh quy định nếu cần thiết;

- Tiếp tục các nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, tạo thuận lợi thương mại (đặc biệt cho hoạt động xuất nhập khẩu) và cải thiện môi trường kinh doanh một cách thực chất.

- Sửa đổi văn bản pháp luật theo hướng cập nhật thực tiễn thương mại về xuất xứ hàng hoá, áp dụng các cơ chế chứng nhận xuất xứ linh hoạt hơn và những phương thức thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình chứng nhận xuất xứ hàng hoá, ví dụ: C/O điện tử, trao đổi dữ liệu điện tử giữa Việt Nam và các nước thành viên CPTPP, tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá...

## ***1.2. Về công tác phổ biến, tuyên truyền, tập huấn về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP***

Việt Nam đang thực hiện nhiều hoạt động tập huấn doanh nghiệp về quy tắc xuất xứ nói chung và tự chứng nhận xuất xứ nói riêng. Các khóa đào tạo được tổ chức một cách chuyên nghiệp và linh hoạt, tạo điều kiện tốt nhất cho các đại diện doanh nghiệp học hỏi. Dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia đến từ Cục Xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công Thương, doanh nghiệp xuất nhập khẩu được cung cấp kiến thức về quy tắc xuất xứ trong các FTA có Việt Nam là thành viên, được hướng dẫn cụ thể tự chứng nhận xuất xứ theo một số thông tư được ban hành; được trang bị nền tảng kiến thức đầy đủ để doanh nghiệp và các cơ quan liên quan có khả năng vận dụng hiệu quả cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá; được hướng dẫn khai báo, chuẩn bị hồ sơ và xác minh chứng từ tự chứng nhận xuất xứ. Tuy nhiên, các buổi tập huấn này chưa có sự phân cấp trình độ và học viên nào đạt số điểm yêu cầu trong bài kiểm tra cuối khóa sẽ được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành, một điều kiện để

trở thành doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá theo Thông tư 19/2020/TT-BCT Thông tư số 28/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực chuyên môn tham gia giảng dạy đang thiếu hụt, ảnh hưởng đến số lượng khóa tập huấn dành cho các doanh nghiệp.

Do đó, công tác phổ biến, tuyên truyền về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP trong thời gian tới cần được xây dựng theo hướng mới, từ phổ cập các vấn đề chung tới thông tin về các vấn đề chuyên sâu, tương thích với giai đoạn mới trong thực thi CPTPP. Trong quá trình này, một số khía cạnh sau cần được đặc biệt chú ý:

*Về cách thức tổ chức:*

Các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về quy tắc xuất xứ hàng hoá của CPTPP theo chiều sâu cần được thiết kế có trọng tâm về chủ đề và nội dung cụ thể, phù hợp với từng nhóm doanh nghiệp riêng và mối quan tâm của họ.

Về phương thức, cần chuyển từ phổ biến tuyên truyền chung chung sang đào tạo chuyên sâu về các vấn đề cụ thể, quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá cho từng ngành hàng cụ thể, các trường hợp thực tế (case-study) để doanh nghiệp hiểu và áp dụng được các cam kết vào tình huống cụ thể của mình, các vướng mắc hoặc những vấn đề cần lưu ý trong quá trình thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá hay trong quá trình đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP.

*Về chủ đề tập huấn, tuyên truyền:*

- Tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP: Trong tương lai không xa, Việt Nam sẽ phải dần chuyển sang cơ chế tự chứng nhận xuất xứ theo cam kết tại CPTPP. Sau 5 năm kể từ ngày Hiệp định CPTPP có hiệu lực đối với Việt Nam, tức là ngày 14 tháng 01 năm 2024, Việt Nam sẽ áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với nhà nhập khẩu. Sau tối đa 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực (14/01/2029), Việt Nam sẽ áp dụng hoàn toàn cơ chế tự chứng nhận xuất xứ đối với nhà xuất khẩu, nhà sản xuất. Do vậy, các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, có thể phối hợp với các tổ chức, hiệp hội ngành hàng để tập huấn cho doanh nghiệp về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong Hiệp định.

- Hưởng ưu đãi thuế quan thông qua tận dụng quy tắc xuất xứ hàng hoá: Cơ hội thị trường là khởi nguồn động lực thúc đẩy doanh nghiệp quan tâm tới các cam kết cụ thể, đặc biệt trong các lĩnh vực hay thị trường mới mà doanh nghiệp trước đó chưa từng khai phá. Tuy nhiên, hàng hoá chỉ được hưởng ưu đãi thuế quan và có khả năng tiếp cận, mở rộng thị trường chỉ khi hàng hoá đó đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ tại CPTPP. Vì vậy, để mở rộng hiệu quả tận dụng CPTPP cho doanh nghiệp, việc phổ biến, tập huấn về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định CPTPP cần gắn liền với phổ biến về cam kết mở cửa thị trường, ưu đãi thuế quan cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam để doanh nghiệp có thể nắm bắt thông tin, tận dụng cơ hội mang lại từ Hiệp định.

- Cập nhật định hướng chính sách, thay đổi trong chính sách về xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam: Định hướng về chính sách liên quan đến xuất xứ hàng hoá nên được thường xuyên cập nhật và thông tin đến cộng đồng doanh nghiệp vì đây là nhóm đối tượng chịu tác động trực tiếp từ việc thay đổi hay ban hành một chính sách mới. Doanh nghiệp cần có thời gian chuẩn bị để có thể đáp ứng các yêu cầu mới trong quy định về xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam. Đồng thời, thông qua các chương trình tập huấn, phổ biến chính sách pháp luật, cơ quan nhà nước cũng có cơ hội để lắng nghe các ý kiến đóng góp, làm việc trực tiếp với doanh nghiệp để hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến xuất xứ hàng hoá tại Việt Nam.

#### *Về đối tượng ưu tiên:*

Thực tế 3 năm thực thi CPTPP cho thấy các doanh nghiệp dân doanh (mà phần lớn là siêu nhỏ, nhỏ) là những đối tượng nhạy cảm, dễ chịu tác động bất lợi và dễ bỏ qua các cơ hội từ Hiệp định. Các đối tượng này cũng là nhóm có mức độ hiểu biết về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP hạn chế hơn phần lớn các nhóm khác.

Do đó, các chương trình phổ biến, tuyên truyền về quy tắc xuất xứ hàng hoá trong CPTPP thời gian tới cần ưu tiên tập trung cho nhóm đối tượng này với các thiết kế phù hợp cả về (i) nội dung (chủ đề đáp ứng các nhu cầu cụ thể của nhóm doanh nghiệp này, những điểm yếu trong



nhận thức của họ liên quan tới CPTPP; nội dung được thiết kế tập trung, cụ thể và đơn giản, phù hợp với trình độ hiểu biết của doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ) và (ii) hình thức (lựa chọn các phương thức, thời lượng thuận tiện, dễ sử dụng, có thể tra cứu lâu dài, miễn phí và thuận lợi khi tiếp cận cho nhóm doanh nghiệp này).

### ***1.3. Về công tác hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập CPTPP thông qua việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hoá***

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh về xuất xứ hàng hoá để hiện thực hóa các cơ hội từ CPTPP là một trong các nhóm vấn đề được đặt ra trong Kế hoạch triển khai thực hiện CPTPP của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, dường như việc triển khai các nhiệm vụ này thời gian qua mới chủ yếu là thực hiện theo các chương trình đang hoặc đã được dự kiến từ trước đó, không được thiết kế riêng cho mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh tận dụng cơ hội từ việc thực hiện quy tắc xuất xứ CPTPP cũng như các FTA nói chung. Vì vậy, hiệu quả của các hoạt động này còn hạn chế, và hầu như rất ít doanh nghiệp được hưởng lợi từ đây.

Trong khi đó, nâng cao năng lực cạnh tranh lại là giải pháp hàng đầu mà doanh nghiệp xác định để khắc phục bất cập hiện tại, từ đó hy vọng có thể hiện thực hóa các cơ hội từ CPTPP, các FTA hay đối mặt với thách thức cạnh tranh và các rủi ro khác từ các Hiệp định này. Vì vậy, trong thời gian tới, các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, các ngành hàng của các Bộ ngành, địa phương cần được cải thiện theo hướng thích hợp.

#### *Về hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp cụ thể:*

- Tăng cường các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động cấp C/O, cụ thể như: Phân luồng trong thủ tục cấp C/O ưu đãi, đẩy mạnh thực thi cấp C/O qua Internet và tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá...

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên nhập khẩu CPTPP để xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.



- Phối hợp chặt chẽ với các nước thành viên CPTPP để rà soát lời văn của CPTPP về quy tắc xuất xứ hàng hoá để kịp thời đàm phán sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn thương mại, đảm bảo chuyển đổi Phiên bản mã số HS tại Danh mục Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR) kịp thời cùng với chuyển đổi Phiên bản mã số HS của biểu cam kết thuế quan Hiệp định.

- Hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp trong trường hợp cần thiết khi doanh nghiệp nhận được yêu cầu xác minh xuất xứ của nước thành viên nhập khẩu CPTPP.

- Tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước để ngăn chặn rủi ro gian lận xuất xứ hàng hoá trong hoạt động xuất nhập khẩu như: thành lập tổ công tác chuyên ngành về xác định xuất xứ hàng hoá, tiếp tục tổ chức các đoàn kiểm tra thi hành pháp luật về xuất xứ hàng hoá tại doanh nghiệp cũng như các cơ quan, tổ chức cấp C/O, hoàn thiện quy định pháp luật về phân luồng trong quy trình cấp C/O.

- Thúc đẩy công tác trao đổi thông tin giữa các cơ quan chính phủ tại nước xuất khẩu và nước nhập khẩu trong việc rà soát và phối hợp xác minh hoạt động tự chứng nhận xuất xứ.

*Về các đối tượng ưu tiên hỗ trợ:*

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các cam kết CPTPP (đặc biệt là các chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh) cần có ưu tiên nhất định cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ (vốn là nhóm có năng lực cạnh tranh yếu hơn) với các thiết kế phù hợp cho nhóm này (ví dụ nội dung hỗ trợ không chỉ hướng tới mục tiêu tiếp cận trực tiếp thị trường nước ngoài mà có thể là giúp kết nối với các đầu mối xuất khẩu lớn để thực hiện xuất khẩu gián tiếp thông qua các đầu mối này).

Cần chú ý là trong bối cảnh đại dịch COVID-19, nhóm doanh nghiệp dân doanh siêu nhỏ, nhỏ là nhóm có nhu cầu được sự hỗ trợ lớn nhất từ Nhà nước, nhất là khi với nhiều doanh nghiệp trong số này, CPTPP và các FTA được kỳ vọng là một trợ lực tích cực để họ vượt qua khó khăn từ đại dịch COVID-19.

## **2. Khuyến nghị với cộng đồng doanh nghiệp**

### **2.1. Nâng cao năng lực, kiến thức về xuất xứ hàng hoá**

Quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP được xem là phức tạp hơn so với tại các FTA mà Việt Nam đang tham gia. Việc hiểu đúng, hiểu rõ và hiểu đầy đủ các quy định về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP là hết sức quan trọng cho doanh nghiệp trong quá trình thực thi. Do vậy, doanh nghiệp cần trang bị kiến thức và hiểu biết về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định CPTPP cũng như quy định pháp luật liên quan của Việt Nam. Việc có lực lượng nhân sự có kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực xuất xứ hàng hoá sẽ giúp giảm thiểu thời gian, chi phí và công sức trong việc chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp C/O mẫu CPTPP, giảm thiểu rủi ro hồ sơ C/O bị từ chối. Đồng thời, nâng cao năng lực và kiến thức về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại CPTPP cũng giúp doanh nghiệp tự tin hơn và là bước chuẩn bị quan trọng cho việc tham gia vào cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong tương lai.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp muốn sử dụng C/O mẫu CPTPP cho hàng hoá xuất khẩu sang thị trường CPTPP cần nghiên cứu, nắm vững quy định và cam kết tại CPTPP đối với hàng hoá đó. Cụ thể, mức thuế suất ưu đãi mà các nước thành viên CPTPP dành cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam, hàng hoá có bị áp dụng hạn ngạch thuế quan hay biện pháp phòng vệ thương mại nào không?

Các cơ quan nhà nước, đặc biệt là Bộ Công Thương, cần tăng cường các hoạt động đào tạo, phổ biến kiến thức về quy tắc xuất xứ hàng hoá tại Hiệp định cho doanh nghiệp. Đồng thời, có những hỗ trợ kịp thời khi doanh nghiệp gặp vướng mắc trong quá trình thực thi quy tắc xuất xứ tại Hiệp định CPTPP.

### **2.2. Đa dạng hoá nguồn cung nguyên liệu trong chuỗi sản xuất**

Về lâu dài, doanh nghiệp cần đa dạng hoá nguồn nguyên liệu cho quá trình sản xuất để đảm bảo nguyên liệu sử dụng đáp ứng được quy tắc xuất xứ của CPTPP và không bị phụ thuộc vào một số nguồn cung ứng nguyên liệu truyền thống. Việc thực thi CPTPP không chỉ là cơ hội mở cửa cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường CPTPP mà cũng mở ra cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm đối tác cung

cấp nguyên liệu phù hợp với quá trình sản xuất của mình tại thị trường này. Đồng thời, phát triển và mở rộng chuỗi cung ứng trong khu vực mậu dịch tự do CPTPP.

Nhà nước và các địa phương cũng cần tạo điều kiện mở rộng phát triển vùng nguyên liệu với những công nghệ mới, công nghệ thân thiện với môi trường để đáp ứng tiêu chí của các nước thành viên nhập khẩu. Đồng thời, đưa ra những chính sách thu hút nguồn lực công nghệ cao từ các nước thành viên CPTPP, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất và gia tăng giá trị cho sản phẩm cuối cùng.

### ***2.3. Xây dựng và duy trì hệ thống lưu trữ chứng từ tốt và hợp lý***

Doanh nghiệp cần xây dựng và duy trì hệ thống lưu trữ chứng từ một cách cẩn thận và hợp lý để có thể cung cấp đầy đủ các thông tin và chứng từ khi nước thành viên nhập khẩu của EU yêu cầu xác minh xuất xứ hàng hoá. Cần lưu ý rằng, thời gian lưu trữ chứng từ theo quy định tại CPTPP ít nhất là 3 năm, đối với cả người xuất khẩu và cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu CPTPP. Do vậy, việc xây dựng và duy trì hệ thống lưu trữ sẽ giúp doanh nghiệp giảm thiểu những rủi ro về tài chính và thương mại sau này nếu cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu yêu cầu xác minh xuất xứ.

### ***2.4. Xây dựng và duy trì hệ thống phân tách nguyên liệu sản xuất tốt***

Trên thực tế, một doanh nghiệp xuất khẩu có thể có nhiều đối tác xuất khẩu tại nhiều thị trường khác nhau. Do vậy, khi xuất khẩu hàng hoá sang các thị trường khác nhau theo các cam kết FTA khác nhau thì cần đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ tương ứng với FTA đó, dẫn đến việc sử dụng nguồn nguyên liệu cần phải được phân loại một cách chính xác theo từng hiệp định. Một nguyên liệu có thể được coi là có xuất xứ theo một FTA này nhưng lại không phải là nguyên liệu có xuất xứ theo một FTA khác. Việc phân tách nguyên liệu để kiểm soát được xuất xứ là rất quan trọng để doanh nghiệp có thể xác định xuất xứ hàng hoá một cách chính xác. Đồng thời, trong quá trình sau này nếu nước thành viên nhập khẩu yêu cầu xác minh xuất xứ thì doanh nghiệp có thể dễ dàng và thuận tiện cung cấp thông tin theo yêu cầu.



# THỰC HIỆN QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG CPTPP

**CHẶNG ĐƯỜNG 3 NĂM TỪ NGÀY HIỆP ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC**

## NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

**Trụ sở:** Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

**Điện thoại:** 024 39341562 \* **Fax:** 024 39387164

**Website:** <http://nhaxuatbanconghuong.com.vn>

**Email:** [nxbct@moit.gov.vn](mailto:nxbct@moit.gov.vn)

## Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Nguyễn Minh Huệ

## Biên tập:

Tôn Nữ Thanh Bình

## Trình bày:

Bùi Minh Thu

---

In 50 cuốn, khổ 16×24 cm tại Công ty cổ phần Đầu tư và Hợp tác quốc tế.

Địa chỉ: Số 32 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4603-2022/CXBIPH/04-262/CT

Quyết định xuất bản số: 495/QĐ - NXBCT ngày 14 tháng 12 năm 2022

Mã số ISBN: 978-604-362-544-8

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2022.